

Lục Tổ Huệ Năng
KINH PHÁP BẢO ĐÀN

Việt Dịch : HT. Minh Trục

Nguồn

<http://www.thuvienhoasen.org>

Chuyển sang ebook 30-6-2009

Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)

Mục Lục

Lược Thuật Sự Tích Lục Tổ Đại Sư

Phụ chú về bản dịch của HT Thích Minh Trục.

1. Phẩm Tự Tự
2. Phẩm Bát Nhã
3. Phẩm Quyết Nghi (Nghi Vấn)
4. Phẩm Định Huệ
5. Phẩm Tọa Thiền
6. Phẩm Sám Hối
7. Phẩm Cơ Duyên
- Sư Pháp Hải
- Sư Pháp Đạt
- Sư Trí Thông
- Sư Trí Thường
- Sư Chí Đạo
- Hạnh Tu Thiền Sư
- Hoài Nhượng Thiền Sư
- Vĩnh Gia Huyền Giác Thiền Sư
- Trí Hoàng Thiền Sư
- Ngọa Luân Thiền Sư
8. Phẩm Đốn Tiệm
9. Phẩm Hộ Pháp
10. Phẩm Phú Chúc

Pháp Bảo Đàn Kinh
Lục Tổ Huệ Năng nói

Môn Nhân Pháp Hải chép lại
Cổ Quân Tì Khuru Đức Dị soạn
Minh Trục Thiền Sư dịch
Thiền Quang Cư Sĩ tu bổ (Dựa theo bản dịch của Thiền sư Thích Từ
Quang)
(Chữ in nghiêng là lời chú giải của người dịch - hoặc người đánh máy)
Luật Thuật Sự Tích Lục Tổ Đại Sư

Luật Thuật Sự Tích Lục Tổ Đại Sư

Đại Sư tên là Huệ Năng, thân phụ của ngài họ Lư, húy danh Hạnh Thao, thân mẫu của ngài là Lý Thị.

Ngài sanh vào đời nhà Đường, niên hiệu Trinh Quán, năm thứ mười hai, nhằm năm Mậu Tuất, tháng hai, ngày mồng tám, giờ tí.

Lúc sanh ngài, có một đạo hào quang chiếu lên hư không, lại có mùi thơm xông khắp cả nhà.

Trời vừa rực sáng, có hai vị tăng lạ mặt đến xin viếng, và gọi thân phụ ngài mà nói rằng: “Nhơn có đứa nhỏ sanh hồi đêm qua, nên chúng tôi đến đặt tên giùm. Nên đặt trên chữ Huệ, dưới chữ Năng.”

Thân phụ ngài hỏi: “Sao gọi là Huệ Năng?”

Một thầy tăng đáp: “ Huệ là đem pháp huệ mà thí cho chúng sanh. Năng nghĩa là làm được việc Phật.”

Nói rồi hai vị tăng liền đi ra, chẳng biết đi xứ nào.

Đại sư khi lọt lòng mẹ, không bú sữa, ban đêm có thần nhân rưới nước cam lồ cho ngài.

Khi Ngài Huệ Năng được ba tuổi thì Thân phụ từ trần, an táng ở cạnh vườn.

Thân mẫu giữ tiết nuôi con. Lớn lên, Ngài Huệ Năng bán củi đổi gạo nuôi mẹ.

Đến lớn, hai mươi bốn tuổi, ngài nhờ nghe kinh mà ngộ đạo. Ngài đến viếng Đức Huỳnh Mai Ngũ Tổ mà cầu ấn khả (cầu chứng minh chỗ sở đắc của mình- nd).

Ngũ Tổ xem Đại Sư, nhận ngài có tài đức xứng đáng, nên phú chúc y pháp và dạy ngài nối ngôi Tổ Sư. Lúc ấy, nhằm đời Đường Cao Tông, ngươn niên Long Sóc, năm Tân Dậu.

Ngài qua phương Nam ẩn dật mười sáu năm, đến ngày mồng tám tháng giêng, năm Bính Tý, đời Đường Cao Tông, ngươn niên Nghi Phụng, gặp Ấn Tông Pháp Sư, khi ấy (Pháp Sư-nd) mới hiểu rõ cái tông chỉ của Đại Sư. Đến ngày rằm tháng ấy, Ấn Tông Pháp Sư nhóm hết tứ chúng (Tì khuru, Tì Khuru ni, Ưu bà tặc, Ưu bà di-nd) mà xuống tóc cho Đại Sư, rồi qua mồng tám tháng hai, lại nhóm hết các vị danh đức mà truyền thọ Cụ Túc Giới (250 giới của Tì Khuru-nd) cho ngài.

Trí Quang Luật Sư ở Tây Kinh làm Thọ Giới Sư
Huệ Tịnh Luật Sư ở Tô Châu làm Yết Ma
Thông Ứng Luật Sư ở Kinh Châu làm Giáo Thọ
Kỳ Đà La Luật Sư ở Trung Thiên Trước thuyết giới.
Mật Đa Tam Tạng ở Tây Thiên Trước chứng giới

Nguyên cái giới đàn này do sư Câu Na Bạt Đà La Tam Tạng ở triều nhà Tống, đứng ra sáng lập, và có dựng bia ghi lời sấm truyền rằng: “ Sau sẽ có một vị Bồ Tát xác phạm thọ giới tại chỗ này.”

Đến đời Lương Võ Đế, ngươn niên Thiên Giám, lại có Sư Trí Dục Tam Tạng từ Tây Thiên Trước ngồi thuyền vượt biển sang Trung Quốc, đem một gốc cây Bồ Đề ở Tây Thiên Trước trồng nơi bờ ranh của Giới Đàn ấy, và cũng đặt bia ghi lời dự ngôn như vậy: “ Sau này, một trăm bảy mươi năm, sẽ có một vị Bồ Tát xác phạm khai diễn pháp thượng thừa ở dưới cội cây này, cứu độ vô số chúng sanh, ấy là vị Pháp chủ truyền thọ tâm ấn của Phật.”

Thật quả như lời sấm truyền. Đại Sư đã đến chỗ này mà thể phát và thọ giới, và chỉ bày cái Đơn Truyền Pháp Chỉ (Tâm Pháp-nd) cho tứ chúng vậy.

Qua năm sau, nhằm mùa xuân, Đại Sư từ giả đại chúng mà về chùa Bửu Lâm. Khi ấy, Sư Ấn Tông cùng các vị tăng, người tục, có trên một ngàn người, đến đưa Ngài thẳng đến xứ Tào Khê.

Lúc ấy, có Thông Ứng Luật Sư ở Kinh Châu, cùng các vị học giả kể có một trăm người, đều theo ở với Đại Sư.

Khi Ngài đến chùa Bửu Lâm tại Tào Khê, thấy chùa chật hẹp, không đủ dung nạp đồ chúng, thì có ý muốn mở rộng ra.

Đại Sư đến viếng một người trong xóm là Trần Á Tiên mà nói rằng: “Lão tăng đến đây muốn cầu thí chủ cho một khoảng đất vừa đủ trải tấm tọa cụ (manh vải để trải ngồi-nd) được chăng?”

Trần Á Tiên nói: “Tấm tọa cụ của Hòa Thượng rộng là bao lớn?”

Tổ Sư lấy tấm tọa cụ chỉ cho Trần Á Tiên xem. Trần Á Tiên thưa: “Được”. Tổ Sư liền lấy tọa cụ phóng ra, bao trùm hết bốn cảnh Tào Khê, lại có bốn vị Thiên Vương hiện thân ngồi trấn bốn hướng. Nay tại cảnh chùa có núi Thiên Vương và non chuyện này mà đặt ra tên núi ấy.

Trần Á Tiên nói: “Tôi biết pháp lực của Hòa Thượng thật là quảng đại, nhưng vì phần mộ của cao tổ tôi đều nằm trong khoảnh đất này, ngày sau nếu có cát tháp, xin giữ lại các phần mộ, còn giai dư tôi hi cúng hết, để làm ngôi Bửu Phường vĩnh viễn. Lại chỗ đất này là mạch núi Sanh Long và non Bạch Tượng, vậy chỉ nên bình thiên, chẳng nên bình địa (Chỗ tháp cát cao, chỗ cao cát thấp, chẳng nên đục đá, e hư mạch núi-nd)

Sau chùa kinh dinh kiến trúc, nhứt nhứt đều làm theo lời thỉnh cầu của Trần Á Tiên.

Mỗi lần Đại Sư đi dạo trong cảnh chùa, gặp chỗ nào nước non xinh đẹp, ngài dừng chân ngồi nghỉ, nên mây chỗ ấy thành ra các Nhàn Tĩnh Cảnh, cộng là mười ba chỗ. Nay kêu là Hoa Quả Viện, cả thầy đều phụ thuộc về chùa Bửu Lâm.

Nguyên nơi Đạo Tràng Bửu Lâm, khi trước cũng có Sư Trí Dược Tam Tạng ở Tây Thiên Trước, từ Nam Hải qua cửa Tào Khê, lấy tay bụm nước uống, nghe mùi thơm ngọt, thì lấy làm lạ, liền kêu môn nhơn báo rằng: “Nước nơi đây không khác gì nước bên Tây Thiên Trước, trên nguồn khe chắc có thắng địa, lập Nhàn Tĩnh Cảnh được.”

Sư lần theo dòng nước lên tới nguồn khe, nhìn bốn phương non nước xây vòng, đầu non châu giùm, xinh đẹp lạ lùng... Sư khen rằng:” Cảnh núi này rõ ràng giống như cảnh núi Bửu Lâm ở Tây Thiên trước.”

Sư kêu dân làng Tào Hầu mà bảo rằng: “Nơi núi này nên lập một cảnh chùa, sau đây một trăm bảy mươi năm, sẽ có một vị Vô Thượng Pháp Bửu (chỉ Đức Huệ Năng-nd) hiển hóa tại chỗ này, số người đắc đạo nhiều như cây rừng, vậy nên đặt hiệu chùa là Bửu Lâm (Rừng báu-nd)”

Thuở ấy, có một vị quan Mục Chủ tỉnh Thiệu Châu, tên Hầu Kinh Trung, lấy những lời ấy làm biểu dâng cho vua, vua nhận lời xin, lại ban cho một tấm biểu hiệu là Bửu Lâm. Thế mới thành một cảnh chùa Phật. Ấy là một ngôi chùa có trước hết ở đời nhà Lương, niên hiệu Thiên Giám, năm thứ ba.

Trước điện chùa có một sở địa (ao-nd), trong đó có một con rồng thường trôi lên hụp xuống, làm điều động các cây rừng.

Một ngày kia, rồng hiện hình rất lớn, làm cho sóng nổi, nước trào, mây mù tối mịt. Các môn đồ đều kinh hãi.

Đại Sư nạt rằng: “Ngươi có thể hiện hình lớn, mà không thể hiện hình nhỏ được. Nếu ngươi là thần long thì biến hóa được, nhỏ biến ra lớn, lớn biến ra nhỏ.”

Rồng ấy thoát nhiên hụp xuống, giây lâu lại hiện ra mình nhỏ, nhảy khỏi mặt địa.

Tổ sư mở bình bát, nói thách rằng:” Chắc ngươi không dám chun vô bình bát của lão tăng?”

Rồng hăm hờ nhảy tới trước mặt, Tổ Sư lấy bình bát thâu vào. Rồng hết phương vùng vẫy.

Tổ Sư đem bình bát về chùa, thuyết pháp cho rồng nghe. Rồng liền cỡi lốt mà đi mất. Bộ xương này dài đến bảy tấc, đầu đuôi, sừng cẳng, đều có đủ, để lưu truyền tại chùa. Sau Đại Sư lấy đá lấp cái địa ấy.

Nay trước điện chùa, phía tả, có cái tháp bằng sắt dựng nơi đó. (Lời chú: Đến niên hiệu Chí Chánh, năm Kỷ Mão, chùa bị nạn binh hỏa, bộ xương rồng ấy thất lạc nơi nào chẳng rõ).

Đời nhà Đường, Thích Pháp Hải soạn

Đức Lục Tổ có một viên đá trù yêu, khắc tám chữ: "Long sóc nguyên niên Lư cư sĩ chi." Đá ấy trước để tại Đông Thiên Viện Huỳnh Mai; Đến đời Minh, niên hiệu Gia Tĩnh, có người sĩ-hoạn ở Việt Trung tới Huỳnh Mai thỉnh về Tào Khê, nay vẫn còn.

Quan Hữu thừa Vương Duy ở đời Đường, cầu Thầy Thần Hội làm bài kỷ niệm Tổ Sư: "Lục Tổ sống chung với bọn lao động suốt 16 năm, gặp dịp Thầy Ấn Tông giảng kinh, mới xuống tóc."

Quan Thứ Sử Liễu Tông Nguyên làm bia kỷ niệm Tổ Sư: "Lục Tổ vâng chịu tín y, rồi ẩn dật ở Nam Hải, trọn 16 năm; Nhận thấy thời cơ hành đạo đã đến, mới về Tào Khê, làm Thầy người."

Quan Thừa Tướng là Trương Thương Anh làm bài kỷ niệm Ngũ Tổ: "Ngũ Tổ dạy đạo ở Đông Thiên Viện Huỳnh Mai, vì muốn tiện bề phụng dưỡng mẹ già, nên khi gặp thời cơ, niên hiệu Long Sóc đầu tiên, truyền y pháp lại cho Lục Tổ, rồi giải tán đại chúng, cất cốc ở núi Đông Sơn, địa chủ là Phùng Mậu tình nguyện cúng núi ấy cho Ngũ Tổ làm đạo tràng."

Tham chiếu theo các lý do kể trên mà xét định, Đức Lục Tổ đến Huỳnh Mai, lãnh thọ y pháp của Đức Ngũ Tổ, rồi từ niên hiệu Long Sóc đầu tiên, năm Tân Dậu, qua đến niên hiệu Nghi Phụng, năm Bính Tý, trọn mười sáu năm, Đức Lục Tổ mới đến chùa Pháp Tánh xuống tóc.

(Phụ chính từ bản dịch của HT TTQ)

Phụ chú về bản dịch của HT Thích Minh Trực.

Trong tất cả các bản dịch về Pháp Bảo Đàn Kinh, tôi chuộng nhất là bản dịch của HT Thích Minh Trực, thế nhưng khi đọc và tra cứu thêm từ các bản dịch khác, tôi cảm nhận rằng bản dịch của HT TMT chỉ được gần hoàn chỉnh, nên tôi liền dùng ngay bản dịch của HT Thích Từ Quang (có Hán Văn phụ kèm) để tu bổ và làm cho bản dịch của HT sát cận với ý kinh.

Theo nguyên tắc, trong việc dịch văn sách, người dịch phải theo sát nghĩa của nguyên văn, và chỉ được tạo lập các văn từ nếu như ngôn ngữ được chuyển dịch không tương ứng. Lại nữa, trong bài dịch, HT quá từ bi nên lại để lại quá nhiều phụ chú Hán Văn cho người xưa (thiên về Nho giáo và mạnh về Hán Văn) làm cho người thời nay đọc kinh bị trở ngại trong dòng

tư tưởng, hoặc HT vì thương các người sơ cơ, phải phụ chú các câu của Tổ, nhưng vì làm thế mà làm cho nghĩa sâu thành cạn. Có bài kệ của Tổ được HT phiên dịch làm cho câu văn xuôi đẹp, nhưng lại mắc lỗi là làm cho câu kệ tối nghĩa hay lại đi xa hơn là làm hoán đổi kinh kệ của Tổ. Đã hơn gần 18 năm, tôi rất bối rối không biết mình phải làm sao cho phải vì tự biết mình không có đủ tài đức. Nhưng rồi, vì Chánh Pháp, vì Phật Đạo của các người đi sau mà tôi tha thiết mà tu bổ và sửa chữa các tí vết của ngọc báu trên. Mong oai linh Chư Phật Tổ chứng minh và HT TMT chứng nhận tấm lòng tha thiết và thành tâm vì Phật Pháp mà tôi phải làm việc ấy.

Thế nên, tuy tôi ráng theo sát bản kinh của ngài và lược bỏ các khoảng dư và không để vào các lời phụ chú của người (trong ấy có xen lẫn tiếng Pháp), mà dùng tất cả các chữ Việt thay ngay các danh từ Hán Việt (như dùng danh từ “Mặt Trời Mặt Trăng” mà thay thế cho các chữ “Mặt Nhật Mặt Nguyệt”, hay thay cả một đoạn văn như “Nhẫn lên gọi là pháp Sám Hối Không Tướng” bằng “lời sám hối kể trên gọi là Sám Hối Không Tướng” cho lời văn rõ ràng hơn, nhưng có đoạn tôi phải bắt buộc phải loại bỏ hoàn toàn các lời phụ chú hoặc thay đổi hết cả các phụ chú của HT TMT.

Thí dụ như

Trong Phẩm Nghi Vấn, lúc Lục Tổ nói bài Vô Tướng Kệ, có đoạn Hán Văn là “Tâm bình hà lao trì giới”
HT MT dịch “Lòng bình đẳng đâu cần giữ giới”
HT TQ dịch “Tâm bình chẳng đợi giữ giới.”

Trong kinh cũng có nói Tổ Sư đã thọ 250 Tỳ Khuru Cụ Túc Giới, vì thế đoạn dịch ấy, theo thiện kiến của tôi chưa được chuẩn nên tôi theo nghĩa và văn của HT TMT nhưng dùng lời của HT TTQ mà tu bổ rằng:

“Lòng Bình Đẳng đâu đợi giữ giới”

Có nghĩa là đâu phải lúc mình vào chùa tu rồi mới giữ giới, mà ngay bây giờ giữ lòng bình đẳng thì đã đồng với giữ giới rồi.

Hay trong phẩm Tự tự (Hành trạng và do lai của Ngài Lục Tổ), đến khúc

“Huệ Năng này liền hiểu ý Tổ Sư, đến canh ba vào thất. Ngũ Tổ lấy áo ca sa đắp cho ta, chẳng cho ai thấy, rồi nói kinh Kim Cang cho ta nghe, đến câu: “Ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm. Có nghĩa là: Không nên trụ vào chỗ nào mà sanh tâm mình “

HT MT phụ chú ngay sau đó (Để cái tâm trống không, chẳng trụ vào đâu cả)

Tôi cảm thấy hay hơn là không phụ chú gì cả vì nếu làm như thế thì tự nhiên lại ngay đó mà lấy nghĩa thâm diệu đó làm cho thành cạn và làm sai ý Tổ, vì ngay trong phẩm Bát Nhã, Tổ đã quở việc làm ấy. Thế nên, tôi phải bỏ ngay câu đó và thay vào đoạn chú này để không phụ ý từ bi của HT TMT, nhưng theo sát ý Tổ hơn:

(Phải thật đúng y như lời, như lúc tiếp vật, xúc chạm, tâm mình vẫn như như không nhiễm, không chấp, không thủ, không xả, không không, cũng không phải là không không. Phải biết, ngoài Bốn Tâm, không còn sanh tâm chi khác. Trên cảnh không sanh tâm, hết cảnh tâm không diệt - Ndm)

Hay trong đoạn khác, kinh nói:

“Phàm người thấy tánh, khi nghe pháp rồi thì phải thấy liền. Nếu được như thế, thì dầu hơi đao ra trận cũng đặng thấy tánh.”

HT TMT phụ chú (Người lợi căn, dầu gặp cảnh nguy nan gấp rút, bao giờ cũng thấy tánh mình)

Tôi cảm thấy lời phụ chú ấy không làm sáng tỏ thêm ý chính của văn, nên thay vào lời này

(Người lợi căn, dầu gặp cảnh nguy nan gấp rút, cũng không bao giờ mất tâm, hay sanh tâm chi khác. Dầu ở Thiên Đường hay Địa Ngục, dầu cảnh thuận hay nghịch, Bốn tâm vẫn như như, không thêm, không bớt- nđm)

Trong kinh lại có nói:

“Ngày ké, Ngũ Tổ lên đến chỗ phòng giã gạo, thấy Huệ Năng này mang đá nơi lưng mà giã gạo (Bởi mình gầy ốm, nên phải mang thêm đá cho đủ nặng, mới đạp nổi cái chày- nd) Ngài nói rằng: “Người cầu Đạo, vì pháp quên thân, phải như thế sao !” Ngài mới hỏi : “ Gạo trắng chưa ?” Huệ Năng này đáp : “Gạo trắng đã lâu, chỉ còn thiếu sàng.”

HT TMT phụ chú (Ý nói đã thấy tánh, chỉ còn đợi truyền Pháp)

Do được lời chỉ dẫn của Bồn Sư, tôi được giảng ý chỉ ấy tường tận, nên thay lời phụ chú ấy như sau (Khi đã minh tâm kiến tánh thì cái gì làm hay nghĩ đều là pháp. Sàng ở đây là tâm ấn, là phương tiện, như cờ tiết việt, búa lệnh, dấu ấn trên giấy tờ, cho chúng sinh và tất cả các vị Hộ Pháp nay biết rõ, và đồng được sự hộ niệm của chư Phật mười phương chứng minh cho vị này là đại diện cho chúng ta, nói như Chư Phật nói, nghĩ như Chư Phật nghĩ, làm như Chư Phật làm, nơi cõi này hoá độ chúng sinh - ndm)

Trong phẩm Sám Hối, HT TMT dịch bài kệ như sau

(Bản dịch của HTTMT)

Người mê muội phước cầu, Đạo phé
Tu phước điền, dối kẻ Đạo mâu
Thí cúng nhiều, phước được trùng đầu
Nhưng ba ác tâm đầu sanh mãi
Tưởng tu phước, tội trừ ác cải,
Sau phước lành, tội lại còn sanh
Ngó trong tâm gốc lỗi trừ thanh
Tự tánh phải chơn thành sám hối
Pháp sám hối đại thừa lãnh hội
Cải tà quy chánh tội không sanh
Học Đạo thường xem tánh tịnh thanh
Tức cùng Phật cũng thành nhưt loại
Pháp Đôn Giáo, Tô ta truyền dạy
Nguyện chúng đồng đặng thấy tâm nguyên
Pháp thân nay mong đặng thấy liền
Lìa Pháp tướng, tâm điền trong lặng
Gắng thấy tánh đừng lòng sao lãng
Niệm sau lìa đời hẳn phé vong
Hiểu đại thừa, thấy đặng tánh thông
Phải cung kính hết lòng cầu học

Khi so với bản chánh thì quá khác nghĩa (Ví như câu "Niệm sau lìa đời hẳn phé vong", tự nó trở thành tối nghĩa, còn nếu ngắt câu đi bằng dấu phẩy mà không đúng chỗ thì hỏng:

1. Niệm sau lia, đời hẩn phể vong
2. Niệm sau lia đời, hẩn phể vong
3. Niệm, sau lia đời, hẩn phể vong

Dù câu số 1 được coi như là gân sát nhất, nhưng khi tra với nguyên văn:

Hậu niệm hốt tuyệt, nhất thể hư

Thì thấy khác ý và văn rất nhiều. Cho nên, tôi phải thay vào bằng bài kệ của HT Thích Từ Quang

(Bản dịch của HT Thích Từ Quang)

Người mê tu phước chẳng hành đạo
Chỉ nói tu phước ấy là đạo
Bồ thí cúng dường, phước vô cùng
Ba ác trong tâm gốc còn tạo
Tưởng rằng tu phước, tội được tiêu
Đời sau được phước, nhưng còn tội
Chỉ trừ tội-nghiệp ở nội tâm
Mới thật tự tánh chơn sám hối
Bỏ tà làm chánh là không tội
Học đạo, hằng xem ở tự tánh
Các Phật cùng ta đồng một loại
Tổ xưa chỉ truyền Đốn Pháp này
Nguyện cho chúng sanh đồng thấy tánh
Nếu muốn về sau thấy pháp thân
Lìa các pháp tướng, rửa lòng sạch
Gắng công tự thấy, chớ thờ ơ
Dứt tuyệt niệm sau, một đời rảnh
Ngộ được Đại Thừa, thấy tự tánh
Chấp tay cung kính chí tâm cầu

Lại nữa, ngài Lục Tổ và Ngũ Tổ luôn dạy người tâm phải khiêm nhượng, và cách sống, lời nói, và hành động của các vị cũng như thế. Tuy nhiên, trong lúc dịch, HT TMT luôn để lối xưng hô của các vị Tổ đối với các vị khác là "ngươi"; Đó là cách xưng hô của kẻ có quyền thế khinh miệt kẻ dưới mình. Trái lại, trong khi giảng dạy, Lục Tổ luôn gọi đại chúng là "Chư Thiện Tri Thức", nên chữ "ngươi" này dịch từ Hán ngữ "Nị" là trái nghịch. Tôi thay hết bằng chữ "Ông" hết trong các phẩm..

Thí dụ: Trong phẩm Đốn Tiệm, phần Chí Hoàng

HT TMT dịch:

Sư rằng: "Ta nghe nói thầy của người dạy pháp Giới Định Huệ cho các học giả, nhưng chưa rõ thầy người nói cái hạnh tướng của Giới Định Huệ như thế nào. Hãy nói lại cho ta nghe."

Chí Thành bạch: "Tú Đại Sư nói: Các điều dữ chớ làm, gọi là giới. Các điều lành vâng làm, gọi là Huệ. Giữ ý mình trong sạch, gọi là Định. Thầy tôi nói như vậy, chưa rõ Hòa Thượng dùng pháp nào mà dạy người?"

Sư nói: "Nếu ta nói có pháp dạy người, tức là nói dối với người. Ta chỉ tùy phương tiện mà giải thoát cho người. Phương tiện ấy giả gọi là Tam Muội. Cứ như chỗ thầy người nói về môn Giới Định Huệ thiết không thể nghĩ bàn được. Chỗ ta nói về Giới Định Huệ lại khác."

Tôi thay lại:

Sư rằng: "Ta nghe nói thầy của ông dạy pháp Giới Định Huệ cho các học giả, nhưng chưa rõ thầy ông nói cái hạnh tướng của Giới Định Huệ như thế nào. Hãy nói lại cho ta nghe."

Chí Thành bạch: "Tú Đại Sư nói: Các điều dữ chớ làm, gọi là giới. Các điều lành vâng làm, gọi là Huệ. Giữ ý mình trong sạch, gọi là Định. Thầy tôi nói như vậy, chưa rõ Hòa Thượng dùng pháp nào mà dạy người?"

Sư nói: "Nếu ta nói có pháp dạy người, tức là nói dối với ông. Ta chỉ tùy phương tiện mà giải thoát cho người. Phương tiện ấy giả gọi là Tam Muội. Cứ như chỗ thầy ông nói về môn Giới Định Huệ thiết không thể nghĩ bàn được. Chỗ ta nói về Giới Định Huệ lại khác."

-

Tôi chỉ sơ lược vài điểm cho người đọc được biết lý do, nguyên nhân, tại sao quyển Pháp Bảo Đàn Kinh của HT Thích Minh Trực lại khác trong này, và căn cứ vào đâu, và dùng sách nào để tu bổ Kinh Pháp Bảo Đàn này. Vì Đạo Pháp, và là một người ưa chuộng đọc các sách kinh sử, tôi chỉ mong đóng góp vào việc hoàn chỉnh quyển Pháp Bảo Đàn Kinh này theo thật sát với Đạo Tối Thượng Thừa, và theo sát với tinh thần dịch thuật. HT TMT và HT TTQ đã làm việc khó nhất, nên tôi chẳng có công gì trong việc này. Thế

nhưng làm sao tránh khỏi các việc sơ xuất khi còn năm uẩn bao bọc, nên mong các vị Đại Đức, Thượng Tọa, Thiền Sư, và các học giả thương tình giúp ý kiến thêm cho câu văn thêm được hoàn chỉnh. Ôn trọng.

*Cư sĩ Thiện Quang kính bút.
Ngày 19 tháng 9 năm 2002*

1. Phẩm Tự Tự

(Hành Trạng và Do Lai của đời Lục Tổ)

Lúc Đại Sư đến chùa Bửu Lâm, có quan Thứ sử họ Vi ở Thiệu Châu, cùng các viên quan, chức sắc, vào núi thỉnh Sư về nơi giảng đường chùa Đại Phạm tại tỉnh thành, và cầu Ngài vì chúng mà khai duyên thuyết pháp. Đại Sư thăng tòa rồi, Vi Thứ sử cùng các quan viên, chức sắc, có trên ba mươi người, học sĩ phái nhỏ hơn ba mươi người, cùng các vị tăng, ni, đạo, tục có trên một ngàn người, đồng đến làm lễ xin nghe yếu lý về Phật pháp.

Đại Sư bảo chúng rằng: “Tánh Bồ Đề (giác ngộ-nd) của mình xưa nay vốn trong sạch. Nếu dùng cái tâm ấy, thì chắc thành Phật.”

Chư Thiện tri thức, hãy nghe sự ý về chỗ hành do cùng việc đắc pháp của Huệ Năng này. Nghiêm phụ của Huệ Năng vốn ở xứ Phạm Dương, làm quan bị giáng chức đày về Lĩnh Nam làm dân tại huyện Tân Châu. Thân này bất hạnh, cha lại mất sớm, còn một mẹ già cô độc, phải dời nhà qua quận Nam Hải. Nhà nghèo thiếu, cay đắng trăm bề, đến phải đem củi ra chợ mà bán. Lúc ấy, có một người khách mua củi bảo Huệ Năng mang đến tiệm. Khách thuê củi, Huệ Năng này lãnh tiền rồi, bước ra ngoài cửa, thấy một người khách tụng kinh. Huệ Năng này nghe qua, tâm liền mở mang tỏ sáng, mới hỏi khách tụng kinh gì?

Khách đáp: “Kinh Kim Cang”.

Huệ Năng lại hỏi: “Ở đâu đến mà trì tụng kinh ấy?”

Khách rằng: “Tôi ở chùa Đông Thiên, huyện Huỳnh Mai, xứ Kỳ Châu lại đây. Chùa ấy do Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn Đại Sư chủ trì giáo hóa tại đó. Môn nhơn của ngài có trên một ngàn người. Tôi đã đến chùa lễ bái, nghe giảng, và lãnh kinh ấy. Đại Sư thường khuyên các vị tăng, người tục, nếu ai trì tụng kinh Kim Cang, thì liền thấy tánh và chắc thành Phật.”

Huệ Năng này nghe nói rồi, lại bởi có nhơn duyên kiếp trước nên nhờ một người khách giúp Huệ Năng mười lạng bạc, bỏ sung vào việc y thực của lão mẫu, và dạy qua huyện Huỳnh Mai mà làm lễ Ngũ Tổ. Huệ Năng này an trí lão mẫu xong rồi, liền từ giả ra đi, chẳng đầy ba mươi ngày, tới huyện Huỳnh Mai, vào làm lễ Ngũ Tổ.

Tổ Sư hỏi: “Ông là người ở phương nào, muốn cầu việc chi?”

Huệ Năng này đáp: “Đệ tử là dân huyện Tân Châu, xứ Lãnh Nam, thiết ở phương xa đến đây lạy Tổ Sư, chỉ cầu thành Phật, chớ chẳng cầu chi khác.”

Tổ Sư nói: “Ông là người xứ Lãnh Nam, lại là giống dã man, thế nào thành Phật được!”

Huệ Năng này nói: “Con người tuy phân có Nam Bắc, chứ Phật Tánh không có Nam Bắc. Cái thân dã man này đối với Hòa Thượng tuy chẳng giống nhau chớ cái tánh Phật nào có khác!”

Ngũ Tổ còn muốn nói chuyện nữa, nhưng thấy chúng môn đồ đứng vây hai bên tả hữu, nên bảo Huệ Năng này theo chúng mà làm công việc.

Huệ Năng này nói: “Kính bạch Hòa Thượng, tự tâm của đệ tử thường sanh trí huệ, chẳng lìa tự tánh, tức là phước điền, chẳng hay Hòa Thượng còn dạy làm công việc gì nữa?”

Tổ Sư rằng: “Cái căn tánh của người dã man này thiết là sáng suốt. Ông chớ nói nữa, hãy đi ra nhà sau.”

Huệ Năng này ra đến nhà sau, thì có một người hành giã sai Huệ Năng này bửa củi, giã gạo (Giã bằng chày đập-nd).

Trải qua tám tháng dư, một ngày kia Tổ Sư xảy thấy Huệ Năng này, ngài nói rằng: “ta nghĩ chỗ tri kiến của ông dùng được, song sợ có kẻ ác hại ông, nên chẳng nói chuyện với ông, ông có biết chăng?”

Huệ Năng này nói: “Đệ tử cũng hiểu ý Tôn Sư, nên chẳng dám đến trước nhà, khiến cho người ta không biết.”

Một ngày kia, Ngũ Tổ bảo các môn nhơn đều tựu lại mà dạy rằng: “Ta nói cho chúng đệ tử rõ: Sự sống thác của người đời là việc lớn. Các ông trọn ngày chỉ cầu phước điền, chớ chẳng cầu ra khỏi biển khổ sống thác. Nếu tánh mình mê muội thì phước nào cứu được ! Các ông hãy lui về, mỗi người xem trí huệ của mình, lấy tánh Bát Nhã (trí huệ-nd) của Bản Tâm mình mà làm một bài kệ, đem trình cho ta xem. Nếu ai hiểu rõ đại ý, ta sẽ truyền y pháp cho mà làm Tổ thứ sáu. Hãy đi cho mau, chẳng đặng chậm trễ. Nếu để tâm suy nghĩ độ lượng, ắt chẳng hạp dùng. Phàm người thấy tánh, khi nghe pháp rồi thì phải thấy liền. Nếu được như thế, thì dầu hơi đao ra trận cũng đặng thấy tánh (Người lợi căn, dầu gặp cảnh nguy nan gấp rút, cũng không bao giờ mất tâm, hay sanh tâm chi khác. Dầu ở Thiên Đường hay Địa Ngục, dầu cảnh thuận hay nghịch, Bản tâm vẫn như như, không thêm, không bớt- ndm)

Các môn nhơn khi được lệnh sắp phân rồi, đồng lui ra, lần lượt kêu nhau mà truyền rằng: “Bọn chúng ta chẳng nên lóng tâm dùng ý mà làm kệ để trình cho Hòa Thượng, vì có ích chi đâu ! Sư Thượng Tọa Thần Tú hiện làm thầy Giáo Thọ, chắc người làm kệ được. Chúng ta đừng làm kệ tụng, mà hao tổn tâm lực rất uổng.”

Chúng nhơn nghe nói yên lòng, đồng bảo từ đây sắp sau, chúng ta nương cậy Sư Thần Tú, cần gì làm kệ mà phải phiền lòng !

Còn Sư Thần Tú suy nghĩ: “ Các người ấy không trình kệ, ấy vì nể ta là Giáo Thọ, thầy của bọn chúng. Ta phải làm kệ đem trình cho Hòa Thượng. Nếu không trình kệ, thì Hòa Thượng đâu biết chỗ thấy hiểu trong tâm ta sâu cạn thế nào ? Bỏn ý ta trình kệ mà cầu pháp thì tốt, còn như xem vào ngôi Tổ thì xấu, thì cũng như người phạm, lòng mong đoạt ngôi Thánh, có khác gì đâu! Bằng chẳng trình kệ, rốt không đắc pháp. Thiệt rất khó, rất khó!”

Nguyên trước nhà Ngũ Tổ có ngôi nhà ba gian, ngài tính rước quan Cung Phụng là Lư Trân vẽ các biến tướng thuật trong kinh Lăng Già (quang cảnh lúc Phật thuyết pháp tại hội Lăng Già-nd) và cái bản đồ chỉ về sự kế truyền của năm vị Tổ Sư (Ngũ Tổ Huyết Mạch Đôn-nd) để lưu truyền cho đời cúng dường. (Năm vị Tổ là: Sơ Tổ Bồ Đề Đạt Ma Đại Sư, Nhị Tổ Huệ Khả Đại Sư, Tam Tổ Tăng Xán Đại Sư, Tứ Tổ Đạo Tín Đại Sư, Ngũ Tổ Hoàng Nhẫn Đại Sư.-nd)

Sư Thần Tú làm kệ xong, muốn đem trình mấy phen, nhưng mỗi khi đến trước nhà Tổ, thì trong lòng hoảng hốt, mồ hôi ra ướt cả mình, nghĩ rằng trình kệ chẳng đặng. Trước sau trải qua bốn ngày, mười ba phen mà trình kệ chẳng đặng. Sư Thần Tú mới suy nghĩ chi bằng biên bài kệ nơi vách nhà ấy, nếu thành linh Hòa Thượng xem thấy mà khen hay, thì ta liền ra làm lễ nói rằng bài kệ ấy của Thần Tú làm. Bằng ngài nói bài kệ ấy chẳng đặng dùng, thiệt uổng công ta vào núi mấy năm, thọ sự lễ bái của người, lại còn tu hành gì nữa.

Đêm ấy đến canh ba, Thần Tú chẳng cho ai biết, tự mình cầm đèn, biên bài kệ nơi vách phía nam của nhà ba gian ấy, bày rõ chỗ thấy tâm của mình. Kệ rằng:

Nguyên văn: Thân thị Bồ Đề Thọ

Tâm như Minh Cảnh Đài

Thời thời cần phát thức

Vật sử nhá trần ai.

Có nghĩa là:

Thân ấy, cây Bồ Đề

Tâm ấy, Đài Minh Cảnh

Giờ giờ cần phải sạch

Chớ để vướng bụi trần

Sư Thần Tú biên bài kệ rồi, bèn trở về phòng, chẳng có ai hay biết. Thần Tú lại suy nghĩ: “ Nếu ngày mai, Ngũ Tổ thấy bài kệ mà vui mừng, tức là ta có duyên với pháp. Bằng ngài nói chẳng đặng dùng, ấy bởi tâm ta muội mê, nghiệp chướng kiếp trước còn nặng, nên chẳng gặp thời đắc pháp. Thánh ý thật khó dò !”

Ở trong phòng, Thần Tú cứ lo nghĩ mãi, suốt cả năm canh ngồi nằm chẳng yên. Ngũ Tổ đã biết trước Sư Thần Tú chưa vào cửa Đạo, vì người chẳng thấy tự tánh.

Trời sáng, Ngũ Tổ rời Lư Cung Phụng đến, bảo vẽ cảnh biến tướng và cái bản đồ nói trên nơi vách nhà phía nam. Xảy thấy bài kệ ấy, Ngài bảo rằng: “Này quan Cung Phụng, thôi chớ cần vẽ. Thiệt nhọc công ông ở phương xa đến đây. Kinh có nói rằng: “Phàm vật có hình tướng đều là giả dối. Vậy hãy để bài kệ ấy cho người trì tụng. Cứ y như bài kệ ấy mà tu hành, thì khỏi đọa vào đường ác. Cứ y theo bài kệ ấy mà tu hành, thì có ích lợi lớn.”

Ngũ Tổ dạy các môn nhơn đốt nhan lễ kính, bảo cả thầy tụng bài kệ ấy thì liền đặng thấy tánh. Các môn nhơn tụng kệ, đều khen thật hay.

Đến canh ba, Ngũ Tổ kêu Sư Thần Tú vào nhà, hỏi rằng: “Bài kệ ấy phải ông làm chăng?”

Thần Tú nói: “Thiệt Thần Tú này làm, nhưng kẻ đệ tử chẳng dám vọng cầu ngôi Tổ, chỉ mong Hòa Thượng từ bi xem coi đệ tử có chút trí huệ chăng.”

Ngũ Tổ nói: “ Ông làm bài kệ ấy, tỏ ra chưa thấy bản tánh. Ông mới tới ngoài thềm cửa, chưa vào trong nhà. Cứ như chỗ thấy hiểu ấy mà tìm đạo Vô Thượng Bồ Đề thì rõ ràng không thể được. Theo đạo Vô Thượng Bồ Đề, hễ khi nghe nói pháp rồi, liền phải biết Bản Tâm và thấy Bản Tánh của mình. Tâm của mình chẳng sanh chẳng diệt, trong cả thầy thời gian, niệm niệm mình thấy tánh. Đối với muôn pháp, tâm mình suốt thông, không ngưng trệ. Một pháp, mình thấy hiểu chơn tướng. Cả thầy các pháp, mình đều hiểu thấu chơn tướng. Đối với muôn cảnh, tâm mình như như. Tâm như như tức là tâm chơn thật. Thấy như thế, tức là thấy Vô Thượng Bồ Đề của mình.

Ông hãy lui ra, suy nghĩ một hai ngày, rồi làm bài kệ khác đưa lại cho ta xem. Nếu bài kệ của ông đặng vào cửa Đạo, ta sẽ truyền y pháp cho.

Sư Thần Tú làm lễ rồi lui ra. Trải qua mấy ngày, Thần Tú làm kệ chẳng xong, thì trong lòng hoảng hốt, thần ý bối rối dường như mê mộng, đi ngồi chẳng yên vui.

Cách hai ngày, có một tên đồng tử đi ngang qua phòng giả gạo, xúng tụng bài kệ ấy. Huệ Năng này nghe qua, biết bài kệ ấy chưa thấy Bản Tánh. Tuy ta chưa được Ngũ Tổ chỉ dạy, chớ đã sớm biết đại ý, nên mới hỏi đồng tử rằng: “Tụng bài kệ gì vậy?”

Đồng tử đáp: “Người dã man này không hay biết chi hết, Đại Sư nói sự sống thác của người thế gian là việc lớn. Vì muốn truyền y pháp, nên Ngài dạy

các môn nhơn, mỗi người làm một bài kệ đem trình cho Ngài xem. Nếu ai hiểu đại ý, Ngài sẽ truyền y pháp cho, đặng làm Tổ thứ sáu. Sư Thượng Tọa Thần Tú có biên một bài kệ Vô Tướng nơi vách nhà phía nam của dãy nhà ba gian. Đại Sư dạy mỗi người đều phải tụng. Nếu y theo bài kệ ấy mà tu hành, thì khỏi đọa vào đường ác. Y theo bài kệ ấy mà tu hành, thì có ích lợi lớn..."

Huệ Năng này nói: “ Tôi cũng muốn tụng bài kệ ấy, để kết nhơn duyên về đời sau. Nay thượng nhơn, tôi ở đây giả gạo đã trên tám tháng, mà chưa từng ra trước nhà Tổ, mong thượng nhơn dẫn tôi đến trước bài kệ đặng lễ bái.”

Đồng tử dẫn ta đến trước bài kệ đặng lễ bái. Huệ Năng này nói: “Huệ Năng này không biết chữ, xin thượng nhơn đọc giùm.” Khi ấy có quan Biệt Giá ở Giang Châu, họ Trương, tên Nhựt Dung, cất tiếng đọc lớn.

Huệ Năng này nghe rồi, bèn nói: “ Tôi cũng có một bài kệ, mong ơn quan Biệt Giá biên giùm.”

Biệt Giá nói: “Ông cũng biết làm kệ nữa sao? Việc này ít khi có !”

Huệ Năng này ngó quan Biệt Giá mà nói: “Muôn học đạo Vô Thượng Bồ Đề, thì chẳng nên khinh dễ hàng sơ học. Có kẻ dước bực thấp mà thường thường phát sanh trí thức rất cao. Có người trên bực cao mà thường thường chôn lấp ý trí của mình. Nếu khinh dễ người, ắt có tội vô lượng vô biên.”

Biệt Giá nói: “ Người hay ngâm kệ đi, ta biên dùm cho. Nếu ông đắc pháp, thì phải độ ta trước, chớ quên !”

Huệ Năng này ngâm kệ rằng:

Nguyên âm: Bồ Đề bốn vô thọ

Minh cảnh diệt phi đài

Bốn lai vô nhứt vật

Hà xứ nhá trần ai ?

HT Minh Trục dịch: Bồ Đề chẳng có thọ

Minh cảnh cũng không dài

Bồn lai không có vật

Nào chỗ vướng trần ai

Bản dịch khác: Bồ Đề chẳng phải cây

Minh Cảnh chẳng phải gương

Xưa nay, không một vật

Chỗ nào vướng bụi trần ?

Biên bài kệ ấy rồi, cả thầy đồ chúng đều kinh hãi, khen hay và lấy làm lạ. Mỗi người kêu nhau mà nói: “Lạ thay! Chẳng đáng xét lấy người bằng diện mạo. Bấy lâu chúng ta nào đặng sai khiến vị Bồ Tát xác phàm ấy !”

Ngũ Tổ thấy chúng như kinh hãi và lấy làm lạ, e có kẻ hại ta, ngài mới lấy giấy chà hết bài kệ mà nói rằng: “Bài kệ ấy cũng chưa thấy tánh !” Đồ chúng đều cho là phải.

Ngày kế, Ngũ Tổ lên đến chỗ phòng giã gạo, thấy Huệ Năng này mang đá nơi lưng mà giã gạo (Bởi mình gầy ốm, nên phải mang thêm đá cho đủ nặng, mới đập nổi cái chày- nd) Ngài nói rằng: “Người cầu Đạo, vì pháp quên thân, phải như thế sao !” Ngài mới hỏi : “Gạo trắng chưa ?” Huệ Năng này đáp : “Gạo trắng đã lâu, chỉ còn thiếu sàng.” (Khi đã minh tâm kiến tánh thì cái gì làm hay nghĩ đều là pháp. Sàng ở đây là tâm ấn, là phương tiện, như cờ tiết việt, búa lệnh, dấu ấn trên giấy tờ, cho chúng sinh và tất cả các vị Hộ Pháp nay biết rõ, và đồng được sự hộ niệm của chư Phật mười phương chứng minh cho vị này là đại diện cho chúng ta, nói như Chư Phật nói, nghĩ như Chư Phật nghĩ, làm như Chư Phật làm, nơi cõi này hoá độ chúng sinh - ndm)

Ngũ Tổ lấy gậy gõ cối ba lần, rồi bỏ đi.

Huệ Năng này liền hiểu ý Tổ Sư, đến canh ba vào thất. Ngũ Tổ lấy áo ca sa đắp cho ta, chẳng cho ai thấy, rồi nói kinh Kim Cang cho ta nghe, đến câu: “Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm. Có nghĩa là: Không nên trụ vào chỗ nào mà

sanh tâm mình (Phải thật đúng y như lời, như lúc tiếp vật, xúc chạm, tâm mình vẫn như như không nhiễm, không chấp, không thủ, không xả, không không, cũng không phải là không không. Phải biết, ngoài Bản Tâm, không còn sanh tâm chi khác. Trên cảnh không sanh tâm, hết cảnh tâm không diệt - Nđm)

Huệ Năng này nghe nói rồi liền rất tỏ sáng, biết rằng cả thầy muôn pháp đều chẳng lìa tánh mình, mới bạch với Tổ Sư:

Nào dè tánh mình vốn tự nhiên trong sạch.

Nào dè tánh mình chứa đầy đủ (muôn pháp –nd)

Nào dè tánh mình vốn không lay động

Nào dè tánh mình có thể sanh ra muôn pháp.

Ngũ Tổ nói: “ Nếu chẳng biết Bản Tâm, thì học pháp vô ích. Bằng biết Bản Tâm và thấy Bản tánh mình, tức gọi là Trượng Phu, là Phật, Thầy cõi trời và cõi người vậy.”

Đến canh ba, Huệ Năng này thọ pháp, chẳng có ai hay. Tổ Sư truyền pháp Đôn Giáo và y bát cho ta mà dạy rằng: “Ông làm Tổ thứ Sáu. Hãy gìn giữ và nhớ lấy đạo tâm của mình (hộ niệm-nd). Phải quảng độ chúng hữu tình và lưu truyền cái chánh pháp cho đời sau, đừng để đoạn tuyệt. Hãy nghe bài kệ của ta đây:

Nguyên âm: Hữu Tình lai hạ chưởng

Nhơn địa quả hườn sanh

Vô Tình diệt vô chưởng

Vô Tánh diệt Vô Sanh

HT Thích Từ Quang dịch : Có tình, gieo giống xuống

Sẵn nhân, Quả liền sanh

Không tình, không gieo giống

Không tánh thì không sanh

(Ý nói, người có căn duyên, có tâm ý thiết tha thì hãy dạy pháp này, vì nơi tâm địa, Tánh Bồ Đề nhờ cái tín tâm, thâm trọng tâm mà sanh trưởng đơm hoa kết trái. Ví bằng kẻ không căn duyên, không sanh tâm hướng mộ thì phí công mà không có ích lợi gì, vì Bồ Đề không sao sanh được nơi đất tâm ấy-nđm)

Tổ Sư lại nói: “ Ngày xưa, Đạt Ma Đại Sư mới đến xứ này, người ta chưa tin (Phật Pháp – nd) (Giảng thêm - Trước lúc ấy đã có Phật pháp và các kinh điển, nhưng người ta không tin các vị Tăng, hay các lời dạy, vì họ biết các người ấy, không phải là chân truyền, huyết thống của Phật – Nhất là dạy môn Đốn Giáo. Do phong tục của xứ ấy, chứ không phải là họ không tin ở Phật Pháp- nđm) nên phải truyền cái áo ấy để làm tín thể (vật làm tin-nd), nổi truyền cho nhau từ đời này cho tới đời khác. Còn Pháp thì lấy tâm truyền tâm, khiến cho người tự mình tỏ sáng, tự mình hiểu biết. Từ xưa, Chư Phật chỉ truyền cái Bản Thể (tức là Bản Tánh, là cội rễ của các Pháp – nd), và chỉ trao kín cái Bản Tâm mà thôi. Áo là cái mối tranh, tới đời ông đừng truyền nữa. Nếu truyền cái áo ấy thì tánh mạng rất nguy. Hãy đi cho chóng, kẻo e có kẻ hại người. “

Huệ Năng này bạch: “Đi xứ nào?”

Tổ Sư nói: “Gặp Hoài (Huyện Hoài Tập-nd) thì ở lại, gặp Hội (Huyện Tứ Hội-nd) thì ẩn nương nơi đó.”

Canh ba, khi Huệ Năng lãnh đặng y bát rồi lại bạch rằng: “Huệ Năng vốn là người ở Lãnh Nam , chẳng biết một con đường nào nơi núi này, làm sao ra đặng sông Cữu Giang?”

Ngũ Tổ nói: “Ông chẳng cần lo, để ta đưa ông.”

Tổ đưa ta thẳng đến trạm Cữu Giang, bảo ta lên ghe, rồi Ngũ Tổ tự cầm chèo mà đưa.

Huệ Năng này nói: “Xin Hòa Thượng ngồi, để cho đệ tử chèo mới phải.”

Ngũ Tổ nói: “ Ta độ - đưa ông mới phải” (Chữ độ có nghĩa là đưa, mà cũng có ý nghĩa là cứu độ - nd)

Huệ Năng này nói: “Lúc mê thì Tổ Sư độ, ngộ rồi thì tự độ lấy mình. Huệ Năng này sanh tại xứ dã man, giọng nói nặng âm thổ ngữ, nhờ Tổ Sư truyền pháp, nay đã được tỏ sáng, thì chỉ nên lấy tánh mình mà độ mình mới phải.”

Tổ Sư nói: “Phải vậy, phải vậy! Từ đây sắp sau, Phật Pháp sẽ do ông truyền bá thanh hành. Ông đi rồi, ba năm ta sẽ qua đời. Nay ông hãy đi, gắng sức đi qua hướng Nam , nhưng chớ nên vội thuyết pháp, vì Phật Pháp khó mở.”

Huệ Năng này từ biệt Tổ Sư, đi qua hướng Nam , trong hai tháng tới núi Đại Dũ.

(Khi Ngũ Tổ trở về, cách mấy ngày chẳng ra giảng đường. Các môn đồ có lòng nghi, bèn đến hỏi thăm: “Hòa Thượng có chút bệnh hay buồn chi chẳng ?” Tổ đáp: “Ta không có bệnh chi, nhưng y pháp đã về hướng Nam rồi.” Đồ chúng hỏi: “Ai được truyền thọ ?” Tổ nói: “Huệ Năng được truyền thọ.” Khi ấy, đồ chúng mới hay.)

Ở sau, có mấy trăm người đuổi theo ta và muốn đoạt y bát. Có một thầy tăng họ Trần, tên là Huệ Minh, ngày trước làm Tứ Phẩm Tướng Quân, tánh tình thô bạo, quyết chí tìm ta. Thầy tăng ấy làm đầu chúng nhơn và đuổi kịp theo Huệ Năng này. Huệ Năng ném y bát trên tảng đá mà nói rằng: “Cái áo này là vật làm tin, há dùng sức mà tranh được sao ?” Đoạn Huệ Năng này ẩn mình trong đám cỏ tranh.

Huệ Minh đến nắm áo dờ lên mà không nhúc nhích, liền kêu rằng: “Hành giả, hành giả, tôi vì pháp mà đến đây, chớ chẳng phải vì áo đâu !”

Huệ Năng này bước ra, ngồi xếp bằng trên tảng đá. Huệ Minh làm lễ, nói rằng: “Mong ơn hành giả nói pháp cho tôi nghe.”

Huệ Năng này nói: “Ông vì pháp mà đến đây, thì khá dứt hết trần duyên, chớ sanh một niệm tưởng. Tôi sẽ nói rõ Phật Pháp cho ông nghe.”

Lặng lặng một hồi lâu, Huệ Năng này nói: “Chẳng nghĩ việc lành, không nghĩ điều dữ, chính trong thời gian đó, Cái Ấy, tức là tỏ thấy cái Bản Lai Diện Mục của bực Thượng Tọa vậy.” (Cái Ấy, tiếng Trung hoa gọi là Na Cá-nd)

Huệ Minh nghe nói rồi, liền rất tỏ sáng, lại hỏi: “Ngoài các lời nói và ý chỉ mật nhiệm do trên truyền xuống từ xưa đến nay, còn có ý chỉ mật nhiệm nào nữa chẳng ?”

Huệ Năng này nói: “Chỗ tôi nói với ông đó, chẳng phải mật nhiệm (kín-nd). nếu ông soi trở vào trong (Hồi Quang Nội Chiếu-nd), thì thấy chỗ mật nhiệm ấy ở bên ông.”

Huệ Minh nói: “Tôi tuy ở tại Huỳnh Mai (ở với Ngũ Tô-nd), nhưng thiệt chưa xét biết cái Diện Mục (Bổn tánh-nd) của mình. Nay nhờ hành giả chỉ dạy, tỉ như người uống nước, lạnh nóng tự mình hay. Nay hành giả tức là thầy của Huệ Minh vậy.”

Huệ Năng này nói: “Nếu như thế, thì tôi cùng ông đồng thờ một thầy là Đức Huỳnh Mai. Hãy gìn giữ và nhớ lấy đạo tâm của mình(hộ niệm-nd).”

Huệ Minh lại nói: “Nay và sau, Huệ Minh phải đi xứ nào?”

Huệ Năng này nói: “Gặp Viên (Viên Châu-nd) thì ngừng, gặp Mông (núi Mông Sơn-nd) thì ở.”

Huệ Minh làm lễ rồi giả từ.

(Huệ Minh trở lại tới chân núi, kêu bọn chúng đuổi theo mà nói rằng: “Kiếm khắp các đường núi, mà chẳng thấy dấu vết gì cả, phải đi hướng khác.” Bọn chúng đều tin vậy.)

Huệ Năng này sau đến Tào Khê, lại bị bọn ác nhơn tìm theo, nên phải lánh nạn, ở chung với bọ thợ săn tại huyện Tứ Hội, trường trải mười lăm năm. Trong thời kỳ ở với bọn chúng, ta cũng tùy nghi mà thuyết pháp. Bọn thợ săn thường bảo ta giữ lưới. Mỗi khi thấy các loài sanh mạng lạc vào, ta đều thả ra hết. Mỗi khi tới bữa ăn, ta lấy rau gỏi luộc trong nồi nấu thịt. Có người hỏi, thì ta trả lời rằng chỉ ăn rau luộc bên thịt mà thôi.”

Một ngày kia, ta suy nghĩ đã đến thời kỳ phải hoằng pháp, chẳng nên ẩn dật hoài. Ta bèn đi đến chùa Pháp Tánh tại Quảng Châu, gặp Ấn Tông Pháp Sư giảng kinh Niết Bàn. Lúc ấy, có một luồng gió thổi động lá phướng. Một thầy tăng nói gió động, một thầy tăng nói phướng động, hai đàng nghị luận hoài chẳng dứt.

Huệ Năng này bước tới nói rằng: “ Chẳng phải gió động, cũng không phải phướng động, ấy là tâm nhơn giả động.”

Chúng nhơn nghe nói đều kinh hãi. Ấn Tông liền mời ta ngồi chỗ trên hết, và cầu hỏi những nghĩa lý huyền áo.

Thấy Huệ Năng này trả lời, ngôn ngữ giản dị, nghĩa lý thích đương, mà chẳng do văn tự. Ấn Tông nói rằng: “Hành giả hẳn chẳng phải là người thường. Đã lâu, tôi nghe nói y pháp của Huỳnh Mai Ngũ Tô đã về phương Nam, có phải về tay Hành giả chẳng?”

Huệ Năng này đáp: “Tôi đâu dám ! (Lời nói khiêm nhượng-nd)

Nhơn đó, Ấn Tông làm lễ, xin ta trao y bát đặng cho đại chúng xem.

Ấn Tông lại hỏi: “Đức Huỳnh Mai khi phú chúc, ngài truyền thọ như thế nào?”

Huệ Năng này nói: “Ngài không có truyền thọ chi, chỉ có luận môn Kiến Tánh. Ngài chẳng luận pháp Thiên Định và pháp Giải Thoát.”

Ấn Tông hỏi: “Sao chẳng luận pháp Thiên Định và pháp Giải Thoát?”

Huệ Năng này đáp: “Vì hai pháp ấy chẳng phải là Phật pháp. Phật pháp là Pháp Chẳng Hai.”

Ấn Tông lại hỏi: “Phật Pháp là Pháp Chẳng Hai là nghĩa sao?”

Huệ Năng này nói: “Pháp Sư giảng kinh Niết Bàn, đã hiểu rõ Phật tánh tức là Pháp Chẳng Hai của Phật Pháp vậy. Như Cao Quý Đức Vương Bồ Tát bạch với Phật rằng: “Người phạm bốn điều trọng cấm (là tà dâm, trộm cướp, giết người, nói bốn điều vọng ngữ lớn-nd), làm năm điều trọng tội nghịch (giết cha, giết mẹ, hại A La Hán, khuấy rối chúng tăng, khởi ác ý mong hại Phật-nd), và chẳng tin Phật Pháp, thì thiện căn và Phật tánh phải bị đoạn diệt chẳng? Phật đáp rằng: “Thiện căn có hai thứ: Một là thường, hai là vô thường; Còn Phật tánh chẳng phải thường, chẳng phải vô thường, cho nên không đoạn diệt, ấy gọi là Pháp Chẳng Hai. Thiện căn lại có hai: Một là lành, hai là chẳng lành; Phật tánh chẳng phải lành chẳng phải chẳng lành, ấy gọi là Pháp Chẳng Hai.

Uẩn (là năm uẩn: Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức-nd) và Giới (là mười tám giới: Nhãn, nhĩ, tĩ, thiệt, thân, ý là nội giới của 6 căn; Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp là ngoại giới của 6 trần; Nhãn thức, nhĩ thức, tĩ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức là trung giới của 6 thức-nd), người phạm phụ thấy có hai, chứ người trí thấu hiểu, biết tánh của nó chẳng phải hai (Uẩn và giới đồng một tánh thể mà phát ra-nd). Tánh Chẳng Hai tức là Phật Tánh vậy.

Ấn Tông nghe giảng, vui mừng, chấp tay thưa rằng: “ Sự giảng kinh của tôi tỉ như ngôi gạch, chỗ luận nghĩa của nhơn giả cũng như vàng ròng.” Nhơn đó, Ấn Tông xuống tóc cho ta, và nguyện thờ ta làm thầy.

Huệ Năng này bèn ngồi dưới cội cây Bồ Đề mà khai diễn Đông Sơn Pháp Môn.

Ta nói: “Huệ Năng đắc pháp tại núi Đông Sơn, chịu trăm điều cay đắng, tánh mạng tự chỉ mình, ngày nay đặng cùng Sĩ Quân, các viên quan, chức sắc, các tăng, ni, đạo, tục, đồng hiệp nhau tại hội này. Nếu chẳng phải duyên phần trong lũy kiếp, thì trong đời quá khứ, các người đã có cúng dường Chư Phật, đồng có trồng cội lành, nên mới được nghe pháp Đốn Giáo nói trên và nguyện nhơn đắc pháp của ta. Pháp Đốn Giáo, nguyên của các vị Thánh đời trước truyền lại, chớ chẳng phải do Huệ Năng này tự hiểu. Muốn nghe giáo pháp của các vị Thánh đời trước, thì mỗi người phải lóng lòng cho trong sạch. Nghe rồi, phải tự bỏ các điều nghi hoặc thì đồng chứng quả như các Thánh nhơn đời trước.”

Chúng nhơn nghe Pháp đều vui mừng, đồng làm lễ lui ra.

2. Phẩm Bát Nhã

Qua ngày kế, Vi Thứ Sử lại xin Đại Sư giảng nữa.

Đại Sư lên tòa giảng mà bảo đại chúng rằng: “Các vị phải tịnh tâm mà niệm Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa (Maha Prajna Paramita)”

Ngài lại dạy rằng: “Nầy chư Thiện trí thức, cái trí Bồ Đề Bát Nhã, người thế gian vốn tự có, nhưng bởi tâm mê, nên chẳng tự ngộ được. Phải cầu bực Đại Thiện Trí Thức chỉ dẫn cho, mới thấy tánh. Phải biết rằng, dầu kẻ ngu hay người trí, cũng đồng có một tánh Phật giống nhau không khác, nhưng bởi tâm mê ngộ chẳng đồng, sở dĩ mới có kẻ ngu người trí. Vì đó, nên nay ta nói Pháp Bát Nhã Ba La Mật Đa, khiến cho các vị mỗi người đều đặng trí huệ. Hãy chú ý mà nghe cho rõ, ta vì các người mà nói pháp.

Chư Thiện Trí Thức, người thế gian suốt ngày miệng niệm Bát Nhã, mà chẳng biết Bát Nhã trong tánh mình, cũng như nói ăn mà chẳng no. (Nói ăn mà chẳng ăn thì thế nào mà no được.) Miệng chỉ nói tâm không (mà tâm

chẳng làm theo), thì muôn kiếp cũng chẳng thấy tánh đặng, rốt cuộc không ích gì.

Chư Thiện Tri Thức, Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa là tiếng Phạm, có nghĩa là Đại Trí Huệ Đáo Bỉ Ngạn. Ấy là do nơi lòng làm, chớ chẳng phải do nơi miệng niệm. Miệng niệm mà lòng chẳng làm theo, thì như huyễn mộng, như biến hóa, như sương diễn. Miệng niệm và lòng làm theo, thì lòng và miệng hiệp nhau. Cái bản tánh là Phật, lia tánh thì không có Phật nào khác.

Sao gọi là Ma Ha? Ma Ha có nghĩa là lớn, tâm lượng rộng lớn, cũng như khoảng trống không, không có ranh bờ, cũng chẳng phải vuông tròn lớn nhỏ, cũng chẳng phải xanh vàng đỏ trắng, cũng không trên-dưới, dài-ngắn, cũng không giận, không mừng, không phải, không quấy, không lành, không dữ, không có đầu đuôi. Các cõi Phật thấy đều trống không. Cái diệu tánh của người thể gian vốn là trống không, chẳng có pháp gì trong đó mà tìm đặng. Cái Tự Tánh Chơn Không cũng giống như thế.

Chư Thiện Tri Thức, chớ nghe ta nói “không” mà liền chấp “không”. Nếu để cái tâm trống không mà ngồi yên lặng, tức là chấp cái “Vô Ký Không”.

Chư Thiện Tri Thức, thế giới tuy là trống không, mà có thể bao hàm muôn vật. Cả thấy các sắc tướng: Mặt trời, mặt trăng, tinh, tú, núi, sông, đất bằng, nguồn suối, khe, rãnh, cỏ cây, rừng, bụi, kẻ dữ, người lành, việc dữ, việc lành, thiên đàng, địa ngục, cả thấy biển lớn, các núi Tu Di, nhứt thiết đều ở trong chỗ “không”. Cái tánh trống không của người thể gian cũng giống như thế.

Chư Thiện Tri Thức, cái tánh mình có thể bao hàm hết muôn pháp, ấy gọi là lớn. Muôn pháp đều ở trong tánh các vị. Nếu thấy cả thấy các điều dữ cùng các việc lành của người, mà chẳng chấp, chẳng bỏ, cũng không nhiễm vương, không dính níu, lòng như trống không, ấy gọi là lớn, cho nên kêu là Ma Ha.

Chư Thiện Tri Thức, kẻ mê miệng nói, người trí lòng làm (tu hạnh Bát Nhã-nd). Lại có người mê để lòng trống không, ngồi yên lặng, chẳng nghĩ đến mọi việc, mà tự xưng là “lớn”. Với bọn người ấy, không thể nói gì được, vì họ bị sa vào chỗ tà kiến.

Chư Thiện Trí Thức, cái tâm lượng thiệt là rộng lớn, châu biến cả thấy pháp giới, dùng nó liền hiểu rõ ràng (tới chỗ cùng lý tận tánh-nd). Cái tâm lượng khi ứng dụng ra, thì biết hết cả thấy sự vật. Cả thấy tức quy về một, một tức

gồm hết cả thấy, tới lui thông thả, tâm thể suốt thông, không ngưng trệ, tức là Bát Nhã (Trí Huệ-nd) vậy.

Chư Thiện Tri Thức, cả thấy trí Bát Nhã đều do trong tánh mình mà sanh, chớ chẳng phải do bên ngoài mà vào. Chớ làm dưng cái ý thức. Ấy gọi là Chơn Tánh Tự Dụng.

Mỗi sự lý phải hiểu tới tận chỗ chơn, cả thấy sự lý phải hiểu tới tận chỗ chơn (đạt đến Thật Thể Chơn Lý-nd). Tâm phải lo lường việc lớn (tu hạnh Bát Nhã, đạt tới chỗ tri kiến Phật-nd), chẳng nên đi theo con đường nhỏ. Miệng dưng trọn ngày nói “không” mà trong lòng chẳng tu hạnh ấy (Hạnh Chơn Không tức là Bát Nhã-nd). Cũng như người dân thường tự xưng mình là quốc vương, rốt cuộc rồi chẳng làm gì được. Những hạng người ấy chẳng phải đệ tử của ta.

Chư Thiện Tri Thức, sao gọi là bát Nhã? Bát Nhã, nhà Đường gọi là Trí Huệ. Cả thấy các chỗ các nơi, trong cả thấy thời gian, niệm niệm chẳng ngu muội, thường tu hạnh Trí Huệ, tức là hạnh Bát Nhã. Một niệm ngu muội tức là Bát Nhã tuyệt; Một niệm Trí Huệ, tức là Bát Nhã sanh. Người thế gian ngu mê chẳng thấy Bát Nhã. Miệng nói Bát Nhã mà trong lòng thường ngu muội. Thường nói ta tu hạnh Bát Nhã, niệm niệm nói “không”, mà chẳng biết Tâm Chơn Không. Bát Nhã không hình tướng, (biết được như thế thì) ấy gọi là Trí Huệ Tâm. Thiệt hiểu rõ như thế, thì mới thể nhận trí Bát Nhã, khỏi lạc lầm.

Sao gọi là Ba La Mật Đa? Ấy là tiếng Tây Thiên Trúc, nhà Đường gọi là Đáo Bỉ Ngạn (qua tới bờ bên kia), nghĩa là khỏi sự sanh diệt. Tâm dính cảnh thì sự sanh diệt dấy lên, như nước nổi sóng, tức là thử ngạn (bờ bên này). Còn tâm lìa cảnh, thì không có sự sanh diệt, như nước thường thông lưu (trôi chảy), tức là bỉ ngạn (bờ bên kia). Cho nên gọi là Ba La Mật Đa.

Chư Thiện tri thức, người mê muội, miệng niệm (Bát Nhã), đương lúc niệm tâm còn vọng động, có tướng điều quấy. Nếu niệm niệm tâm thường hành Bát Nhã, thì mới gọi là chơn tánh. Biết rõ pháp ấy, thì hiểu pháp Bát Nhã. Tu hạnh ấy, tức là tu hạnh Bát Nhã. Không tu hạnh ấy tức là phạm tục. Một niệm tu hành (tu hạnh Bát Nhã), thì cả thân mình toàn là Phật.

Chư Thiện tri thức, phạm phu tức là Phật, phiền não tức là Bồ Đề. Niệm trước mê muội tức là phạm phu; Niệm sau giác ngộ, tức là Phật. Niệm trước dính cảnh tức là phiền não, niệm sau phiền não tức là Bồ Đề.

Chư Thiện tri thức, pháp Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa rất là tôn quý, rất cao thượng, cao hơn hết các pháp, không trụ vào chỗ nào, không qua cũng không lại; Cả thầy ba đời mười phương Chư Phật đều do trong pháp ấy mà hiện ra.

Các người phải dùng Đại Trí Huệ mà phá tan năm uẩn (sắc, thọ, tưởng, hành, thức) và các sự phiền não trần lao. Tu hành như thế, chắc là thành Phật đạo. Phải đời ba độc (tham, sân, si) làm Giới, Định, Huệ.

Chư Thiện tri thức, pháp môn của ta đây do một pháp Bát Nhã mà sanh ra tám muôn bốn ngàn trí huệ. Bởi có sao? Vì người thế gian có tám muôn bốn ngàn trần lao (phiền não). Nếu không có trần lao, thì trí huệ thường hiện ra và chẳng lìa tánh mình. Hiểu rõ pháp này, thì không có vọng niệm. Lòng không nhớ, không dính cảnh, không sanh điều dối giả, dùng tánh Chơn Như của mình, lấy trí huệ xem soi, đối với cả thầy các pháp không lấy, không bỏ, tức là thấy tánh, là thành Phật đạo vậy.

Chư Thiện tri thức, muốn vào pháp giới cao thâm cùng Trí Bát Nhã Tam Muội thì phải tu hạnh Bát Nhã. Phải trì tụng kinh Kim Cang Bát Nhã, tức khắc thấy tánh. Phải biết các công đức của kinh ấy thiết là vô lượng vô biên. Những lời khen ngợi trong kinh rất rõ ràng, không thể nói ra hết được. Cái pháp môn ấy là pháp Tội Thượng Thừa, vì người đại trí, vì người thượng căn mà nói. Các người tiểu căn tiểu trí nghe pháp môn ấy, lòng nghi ngờ chẳng tin là bởi có sao? Ví như các vị Thiên Thần và Long Thần làm mưa xuống cõi Diêm Phù Đề (tức là cõi Nam Thiệm Bội Châu) thì cả thầy thành, ấy, làng, xóm đều trôi nổi như lá táo. Còn nếu mưa xuống biển cả, thì thấy chẳng thêm chẳng bớt. Cũng như người đại thừa, người tối thượng thừa nghe nói kinh Kim Cang, thì tâm địa mở mang tỏ hiểu. Cho nên biết rằng Bản tâm tự nó có trí Bát Nhã. Bởi Bản Tánh của mình thường lấy trí huệ mà xem soi, cho nên chẳng cần dùng văn tự. Ví như nước mưa chẳng phải do trời làm mà có, nguyên bởi năng lực của nước dấy động, khiến cho cả thầy các loài hữu tình, các loài vô tình, tất cả đều được gội nhuận. Cả thầy sông ngòi đều chảy vào bể cả, hiệp làm một thể. Cái Trí Bát Nhã của Bản Tánh của chúng sanh cũng giống như thế.

Chư Thiện tri thức, người tiểu căn nghe pháp Đốn Giáo này, ắt là điên đảo. Cũng như loài cỏ cây, gốc rễ nhỏ yếu, nếu bị một đám mưa to, chắc đều ngã rạp, không thể lớn lên được. Nguyên người tiểu căn có trí Bát Nhã cũng như người đại trí, không có chỗ gì khác. Nhưng bởi có sao họ nghe pháp mà lòng chẳng tự mở mang tỏ sáng? Ấy bởi cái nghiệp chướng của sự tà kiến

còn nặng, cái gốc rễ của sự phiền não chầm sâu. Cũng như một đám mây lớn che án mặt trời, nếu chẳng gặp được luồng gió thổi, thì yển sáng mặt trời không hiện ra được.

Cái Trí Bát Nhã vốn không lớn nhỏ, chỉ vì cái tự tâm của chúng sanh mê ngộ chẳng đồng mà thôi. Lòng mê chỉ thấy bề ngoài, tu hành tìm Phật mà chưa tỏ sáng Bản Tánh của mình, tức là người tiểu căn. Hiểu rõ pháp Đốn Giáo tu hành mà không chấp bề ngoài, trong tâm mình thường khởi chánh kiến, những sự phiền lao thường chẳng nhiễm Bản tâm mình tức là người thấy tánh.

Chư Thiện tri thức, tâm mình trong ngoài chẳng trụ, lui tới tự do, bỏ đặng lòng chấp trước, suốt thông không trở ngại, tu trọn các hạnh ấy, thì đối với kinh Bát Nhã vốn không chỗ nào sai khác.

Chư Thiện tri thức, cả thấy các kinh Tu Đà La và các thứ văn tự Đại Thừa, Tiểu Thừa, mười hai bộ kinh, đều bởi cơ duyên của nhân loại mà bày ra, cùng do tánh trí huệ mới kiến lập được. Nếu không có người thế gian, thì cả thấy muôn pháp vốn tự nhiên không có. Cho nên biết rằng, muôn pháp vốn bởi do nhân loại mà khởi ra, cả thấy các kinh sách đều bởi nhơn loại mà nói ra, nên mới có. Trong loài người có kẻ ngu người trí: Ngu làm tiểu nhơn, trí là đại nhơn. Người ngu học hỏi với người trí, người trí nói pháp cho người ngu nghe, người ngu bỗng nhiên tỏ hiểu, tâm địa mở mang, tức nhiên giống như người trí không khác.

Chư Thiện tri thức, tâm không giác ngộ, Phật là chúng sanh. Một niệm giác ngộ, chúng sanh tức là Phật. Cho nên biết rằng muôn pháp đều ở nơi Bản Tâm của mình. Vậy sao chẳng do trong Bản Tâm của mình mà thấy liền cái Chơn Như Bản Tánh? Kinh Bồ Tát Giới có nói rằng: “Cái Bản Nguyên tự tánh của ta vốn trong sạch. Nếu biết tâm mình và thấy tánh mình, thì thành Phật đạo.” Kinh Tịnh Danh có nói: “Tức thời tâm trí thông suốt, thì phục hồi đặng Bản Tâm.”

Chư Thiện tri thức, lúc ta ở với Hòa Thượng Hoàng Nhẫn, mỗi khi nghe nói pháp rồi, liền tỏ sáng, liền thấy Chơn Như Bản Tánh. Bởi vậy, ta mới đem giáo pháp này mà lưu hành, khiến cho các người học đạo liền tỏ sáng tâm Bồ Đề, mỗi người tự xem Bản Tâm của mình và tự thấy Bản Tánh của mình. Nếu tự mình chẳng tỏ sáng, thì phải tìm bực Đại Thiện Tri Thức giảng giải pháp Tối Thượng Thừa và chỉ ngay con đường Chánh Giác cho mình. Bực Thiện tri thức ấy có cái nhơn duyên lớn là lo về việc giáo hóa và tiếp dẫn

cho người đặng thấy tánh. Cả thầy các pháp lành đều do các Thiện Tri Thức mà được phát khởi. Cả thầy Chư Phật trong ba đời, mười hai bộ kinh, ở trong tánh con người tự nhiên có đủ, nhưng tự mình không thể hiểu rõ được, nên phải cầu bực Thiện Tri Thức chỉ bày cho mới thấy. Nếu tự mình hiểu rõ, thì chẳng cần cầu nơi ngoài. Bằng một mực cố chấp rằng phải cầu bực Thiện tri thức mới mong được giải thoát, thì không có lý như vậy. Bởi có sao? Bởi trong tâm mình có sẵn cái cơ Trí Thức Tự Ngộ. Nếu tâm mình khởi tà mê, vọng niệm, điên đảo, thì dầu ngoài có Thiện Tri Thức truyền dạy, cũng không thể cứu được. Bằng tâm mình khởi chơn chánh, trí Bát Nhã thường xem soi, thì trong một sát na, các vọng niệm đều dứt hết. Nếu biết Bản Tánh của mình một niệm giác ngộ thì liền đến cõi Phật.

Chư Thiện tri thức, cái trí huệ thường xem soi, trong ngoài đều sáng thấu, thì biết rõ Bản Tâm của mình. Biết rõ Bản Tâm tức là Giải Thoát, Giải Thoát tức là Bát Nhã Tam Muội. Bát Nhã Tam Muội tức là Vô Niệm. Sao gọi là Vô Niệm? Biết thấy cả thầy các pháp mà lòng không nhiễm vương, không dính níu, ấy là Vô Niệm. Cái tâm khi ứng dụng liền biến khắp cả thầy khắp các nơi, mà cũng chẳng dính vương vào các nơi ấy. Giữ Bản Tâm mình trong sạch, khiến sáu thức ra ngoài sáu cửa, đối với sáu trần mà lòng không nhiễm vương, dính níu, không lộn xộn, lui tới tự do, thông dụng không ngăn trở, tức là Bát Nhã Tam Muội, Tự Tại Giải Thoát, gọi là Hạnh Vô Niệm.

Bằng đối với mọi vật, lòng không nghĩ đến, khiến cho niệm tưởng dứt đi, đây là bị pháp ràng buộc. Ấy gọi là biên kiến.

Chư Thiện tri thức, hiểu rõ pháp Vô Niệm thì suốt thông muôn pháp. Hiểu rõ pháp Vô Niệm thì thấy cảnh giới của Chư Phật. Hiểu rõ pháp Vô Niệm thì đạt đến địa vị của Phật.

Chư Thiện tri thức, đời sau người nào gặp đặng pháp môn của ta, đem pháp môn Đốn Giáo này truyền cho các người đồng ý kiến, đồng tâm hành đạo, đặng phát nguyện thọ trì, thì cũng như thờ Phật. Làm như thế tới trọn đời mà không thoái chí, thì chắc vào ngôi Thánh. Nhưng cách truyền thọ, phải do theo ý chỉ của các vị Tổ Sư từ đời trước tới nay, mà mặc truyền phú chúc cho rõ ràng, chẳng đặng ém dấu cái chánh pháp của các ngài. Còn các người không đồng ý kiến, không đồng tâm hành đạo, hoặc ở trong pháp môn khác, thì chẳng nên truyền thọ, vì có hại cho các người ấy, mà rốt cuộc không có ích gì. Bởi sợ e có người ngu muội chẳng hiểu, rồi đem lòng chê bai pháp môn này mà phải đoạn tuyệt hột giống Phật Tánh của họ trong muôn đời ngàn kiếp.

Chư Thiện tri thức, ta có một bài tụng Vô Tướng, các người phải tụng đọc. Người tại gia hay xuất gia cũng phải y theo bài tụng này mà tu hành. Nếu tự mình chẳng tu, mà chỉ nhớ lời ta nói, thì cũng không ích gì. Hãy nghe ta tụng:

Tụng rằng:

Nói Thông, Tâm cũng Thông

Như mặt nhật trên không

Duy truyền Pháp Thấy Tánh

Xuống thế, phá tà tông.

Pháp vốn không Đốn, Tiệm

Mê Ngộ có chậm mau

Chỉ môn Thấy Tánh ấy

Kẻ muội chẳng kham vào

Nói tuy muôn việc đủ

Lý hợp một, Không Hai

Trong lòng sanh khổ não

Thường tu Huệ phát khai

Tà sanh, phiền não dấy

Chánh đến, não phiền tan

Chánh tà, đều chẳng dụng

Thanh tịnh, chứng Niết Bàn

Bồ Đề là tự tánh,

Tâm động, tức vọng mông
Tịnh tâm trong chỗ vọng,
Tâm chánh, chướng tiêu vong
Người tu theo chánh đạo
Muôn vật chớ tổn thương
Lỗi mình, hay xét lấy
Mới hiệp đạo chơn thường
Muôn loài tự có đạo
Chớ giết hại loài nào
Lìa đạo mà tìm đạo
Chung thân đạo khó vào

Bôn ba qua một kiếp,
Rốt cuộc não phiền còn
Muốn thấy nền chơn đạo
Làm chánh, ấy đạo chơn
Đạo tâm, nếu chẳng có
Mờ ám phủ đường đi (1)
Người thật lòng hành đạo
Lỗi đời, cứ bỏ qua.
Nếu thấy người làm lỗi

Đừng để thành lỗi mình
Người lỗi, ta không lỗi
Ta lỗi, nếu chê bai (2)
Hãy chừa thói chê lỗi
Phiền não phá cho tan
Ghét yêu đừng để dạ
Duỗi căng, nghỉ thanh nhàn
Muốn toan lo độ thế
Phương tiện, phải sẵn sàng
Chớ để người nghi hoặc
Tánh họ mới Minh Quang

Phật Pháp ở trần thế
Không xa thế giới mà
Bỏ đời, tìm đạo chánh
Sùng thờ, kiếm sao ra ?
Chánh kiến là xuất thế
Tà kiến, ấy thế gian
Chánh tà đều phá hết
Phật Tánh, hiện rõ ràng
Tụng này là Đốn Giáo

Cũng kêu Đại Pháp Thuyền

Mê, nghe kinh, lữ kiếp

Ngộ, thấy Phật tâm liền.

Đại sư lại nói: “ Nay tại chùa Đại Phạm, ta nói pháp Đốn Giáo này, phổ nguyện chúng sanh trong pháp giới, vừa nghe pháp rồi, đều liền thấy tánh, thành Phật.”

Lúc ấy, quan Vi Thứ Sử và các viên quan, chức sắc, cùng các người đạo, tục, nghe Đại Sư nói pháp, cả thầy đều giác ngộ, đồng làm lễ một lượt mà khen rằng: “Hay thay! Nào dè ở xứ Lĩnh Nam có Phật ra đời !”

3. Phẩm Quyết Nghi (Nghi Vấn)

Một ngày kia, Vi Thứ Sử có thiết một tiệc chay lớn mà đãi Đại Sư. Khi mãn tiệc, Thứ Sử thỉnh Sư lên tòa giảng, rồi cùng các viên quan, chức sắc, học trò, và dân chúng đồng trang nghiêm đến làm lễ Đại Sư một lần nữa mà hỏi rằng: “Đệ tử nghe Hòa Thượng nói pháp (lý nghĩa thâm diệu), thiết không thể nghĩ suy và bàn nghị được. Nay có một chút nghi, xin Đại Từ Bi vì đệ tử mà giải rõ.”

Sư nói: “Có điều nào nghi thì hỏi, ta giải cho.”

Vi Thứ Sử bạch: “Đệ tử có nghe Đức Đạt Ma lúc ban sơ hóa độ Lương Võ Đế, vua hỏi rằng: “Trẫm trọn đời cất chùa, độ tăng, đãi chay làm phước, có công đức gì ?” Đức Đạt Ma nói: “Thiết không có công đức.” Đệ tử chưa hiểu thấu lẽ ấy, xin Hòa Thượng giải cho.

Sư nói: “Thiết không có công đức. Chớ nghi lời của Thánh như đời trước. Võ Đế lòng tà, không biết chánh pháp. Cất chùa độ tăng, đãi chay làm phước, ấy gọi là cầu phước, không thể lấy phước mà kể là công đức được. Công Đức ở trong Pháp Thân, chớ chẳng phải ở chỗ tu phước.

Sư lại nói: “ Thấy tánh là công, giữ lòng bình đẳng là đức. Niệm niệm tâm không ngưng trệ, thường thấy Bốn Tánh, động tịnh tự nhiên, diệu dụng chơn thật. Ấy gọi là công đức. Bên trong, giữ lòng khiêm hạ là công, bên ngoài hành động theo lễ là đức. Tánh mình lập ra muôn pháp là công, tâm thể lìa

niệm là đức. Chẳng lìa tánh mình là công, ứng dụng không nhiễm trần là đức. Muốn tìm cái công đức Pháp Thân, thì phải y theo đây mà tu hành. Thế mới là thiết có công đức. Người tu công đức, thì lòng chẳng nên khinh dễ người, mà phải thường cung kính khắp cả nhơn vật. Nếu lòng thường khinh dễ người, thì bốn ngã của ta chẳng dứt, tức là mình không có công. Tánh mình giả dối, không chơn thật, tức là mình không có đức. Bởi bốn ngã của ta tự đại, nên thường khinh dễ cả thầy nhơn vật.

Chư Thiện tri thức, niệm niệm thấy tánh không rời là công, lòng giữ công bình chánh trực là đức. Tự giỏi tánh mình là công, tự trau thân mình là đức.

Chư Thiện tri thức, công đức phải thấy trong tánh mình, chớ chẳng phải tìm ở chỗ cúng dường và bố thí (làm phước). Bởi vậy, phước đức với công đức là khác nhau. Vua Võ Đế không biết Chơn Lý, chớ chẳng phải tại Tổ Sư ta lầm.

Thứ Sử lại hỏi: “Đệ tử thường thấy các thầy tăng và người tục niệm Phật A Di Đà, nguyện vãng sanh về Tây Phương, xin Hòa thượng giải rõ cho biết các người ấy được vãng sanh về Tây Phương chăng? Xin Ngài phá chỗ nghi này.”

Sư nói: “Sử quân, hãy nghe cho kỹ, Huệ Năng này giải cho. Đức Thế Tôn lúc ở thành Xá Vệ, nói kinh về chỗ tiếp dẫn hóa độ vào cõi Tây Phương, rõ ràng cõi ấy cách đây chẳng xa. Nếu luận về hình tướng và số dậm thì có mười muôn tám ngàn, tức chỉ mười điều ác (1- Giết hại sanh mạng, 2- Trộm cắp, 3- Tà dâm, 4-Nói dối, 5- Nói xúi dục hai đảng, 6-Nói hung ác, 7-Nói thêu dệt, tục tĩu, 8- Tham lam, 9-Giận hờn, 10-Si mê), và tám điều tà trong thân (1-Tà kiến: Thấy hiểu tà vạy, 2-Tà tư duy: Nghĩ ngợi điều tà vạy, 3-Tà ngữ: Nói tà vạy, 4-Tà nghiệp: Tạo nghiệp tà vạy, 5-Tà mạng: nuôi dưỡng mạng sống của mình bằng các nghề tà vạy như làm thuốc độc, đánh mướn, làm võ khí, v.v, 6-Tà phương tiện: Làm phương tiện tà vạy, 7-Tà niệm: Suy gẫm tà vạy, 8-Tà Định:Thiền định tà vạy, không trúng chánh pháp). Thế mới là nói xa. Nói xa là vì người hạ căn, nói gần là vì người thượng trí. Người có hai hạng, pháp không có hai thứ. Tánh mê ngộ khác nhau, chỗ kiến giải có mau chậm. Người mê niệm Phật cầu vãng sanh về cõi Tây Phương, người ngộ tự tịnh tâm mình. Sở dĩ Phật nói: Tâm mình tịnh, tức là cõi Phật tịnh.

Sử quân, người Đông phương mà tâm tịnh, thì không có tội. Còn tuy là người Tây Phương mà tâm không tịnh thì cũng có tội. Người Đông phương

tạo tội cầu vãng sanh về cõi Tây Phương, còn người Tây Phương tạo tội cầu vãng sanh về xứ nào? Người phạm mê muội chẳng tỏ tánh mình, không biết cõi Tịnh Độ trong thân, nên mới nguyện Đông nguyện Tây. Còn người giác ngộ dầu ở chỗ nào, tâm địa cũng một mực thanh tịnh tự nhiên. Sở dĩ Phật nói: Tùy cái chỗ trụ mà tâm thường được an lạc.

Sử quân, nếu tâm địa của mình trọn lành, thì cõi Tây Phương cách đây chẳng xa. Bằng mình cuu mang cái tâm chẳng lành mà niệm Phật cầu vãng sanh, thì ắt khó đến cõi ấy.

Nay khuyên các Thiện tri thức, trước trừ mười điều ác, tức là đi tới mười muôn, sau dứt tám điều tà, ấy là qua khỏi tám ngàn. Niệm niệm thấy tánh, thường làm việc công bình chánh trực, thì đến cõi ấy mau như khảy móng tay, liền thấy Phật Di Đà.

Sử quân, làm mười điều thiện, thì cần gì phải nguyện vãng sanh ! Còn nếu chẳng dứt lòng cuu mang mười điều ác, thì Phật nào tới rước mình! Nếu hiểu rõ pháp Vô Sanh Đốn Pháp, thì trong một sát na ắt thấy cõi Tây Phương. Bằng chẳng hiểu rõ pháp ấy, mà cứ niệm Phật cầu vãng sanh thì đường xa vùi vợi, thế nào đặng đi tới cõi ấy. Để Huệ Năng này dòi cõi Tây Phương trong một sát na cho các vị thấy liền trước mắt, các vị muốn thấy chẳng?”

Chúng nhơn đều đánh lễ đáp rằng: “Nếu thấy cõi ấy, thì cần gì phải nguyện vãng sanh! Xin Hòa Thượng từ bi hiện cõi Tây Phương cho mọi người đặng thấy.”

Sư nói: “Đại chúng, người ở thế gian, sắc thân của mình là cái thành, con mắt, lỗ tai, lỗ mũi, cái lưỡi là các cửa. Ngoài có năm cửa, trong có cửa ý. Tâm là cõi, tánh là vua. Vua ở tại cõi tâm. Tánh ở thì vua ở, tánh đi thì vua mất. Tánh ở thì thân tâm tồn tại, tánh đi thì thân tâm hoại hư. Muốn thấy Phật, phải ngó vào trong tánh mình mà tìm, đừng ngó ra ngoài thân mà kiếm. Tánh mình mê tức là chúng sanh, tánh mình giác tức là Phật.

Lòng từ bi tức là Quán Âm, lòng hỉ xả tức là Thế Chí, lòng năng tịnh tức là Thích Ca, lòng bình trực tức là Di Đà.

Lòng nhơn ngã là núi Tu Di, lòng tà vạy (tham dục) là nước bên, lòng phiến não là sóng trào, lòng độc hại là rồng dữ, lòng dối giả là quỷ thần, lòng trần lao là cá trạnh, lòng tham sân là địa ngục, lòng ngu si là súc sanh.

Chư Thiện tri thức, thường làm mười điều thiện, thì Thiên Đường liền đến. Dứt lòng nhờn ngã, thì núi Tu Di xập ngay, bỏ lòng tà vạy thì nước biển khô cạn, trừ lòng phiền não thì sóng lặng êm, quên lòng độc hại thì rồng dữ ắt tuyệt...Tu được như thế, thì các Giác Tánh Như Lai ở trong tâm địa mình phóng đại quang minh, soi sáu cửa ngoài trong sạch, có thể phá được các cõi trời Lục Dục (Lục Dục Thiên là: Tứ Thiên Vương, Đạo Lợi Thiên, Da Ma Thiên, Đâu Suất Thiên, Lạc Biến Hóa Thiên, Tha Hóa Tự Tại Thiên), lại trong soi tánh mình, làm cho ba độc (tham, sân, si) liền dứt, cả thấy các tội địa ngục đồng tiêu diệt một lần, trong ngoài sáng thấu, chẳng khác gì cõi Tây Phương. Nếu chẳng tu các hạnh ấy, thì thế nào đến cõi Tây Phương được.”

Đại chúng nghe nói, thấy tánh rõ ràng. Tất cả đều làm lễ, khen thiết hay, và xướng lên rằng: “Nguyện khắp chúng sanh trong Pháp giới nghe rồi, liền được tỏ hiểu.”

Sư nói: “Thiện tri thức, muốn tu hành thì ở nhà tu cũng đặng, chẳng cần ở chùa. Ở nhà mà thường tu hành, thì cũng như người Đông phương có lòng lành. Ở chùa mà chẳng tu, thì cũng như người Tây Phương có lòng dữ. Nếu lòng trong sạch, thì tánh mình tức là Tây Phương vậy.”

Vi Thứ Sĩ lại hỏi: “Ở nhà tu hành như thế nào, xin Đại Sư chỉ dạy.”

Sư nói: “Ta nói cho đại chúng một bài kệ “Không tướng” (vô tướng). Nếu y theo đó mà tu, thì cũng như thường ở cùng ta một chỗ không khác. Bằng chẳng tu theo đó mà thể phát xuất gia, thì đối với Đạo nào có ích gì !”

Tụng rằng:

Lòng bình đẳng, chẳng đợi giữ giới

Làm việc ngay, chẳng đợi tu thiền

Ân song thân hiếu dưỡng cần chuyên

Nghĩa huynh đệ, dưới trên tương ái

Nhượng hòa mục, tôn ti đối đãi

Nhẫn muôn điều, ác nghiệp tất tan

Nếu bèn tu, như cựa gỗ, lửa lên
Nơi bùn lấm, nở đầy sen đỏ
Đắng miệng đó thuốc trừ bệnh khổ
Nghịch tai là lời thật, chánh trung
Sửa lỗi lầm, trí huệ phát sung
Bung dẫu lỗi, ấy lòng bất thiện
Phải hàng ngày, chuyên làm việc thiện
Phật Đạo nào bạc thí đặng nên?
Tâm Bồ Đề, trong kiếm mới nên
Ngoài cầu kiếm, nhọc lao, sai Đạo
Nghe chánh pháp, cứ theo tu tập
Cảnh Tịnh liền ngay mắt thấy liền.

Tổ lại nói: “Chư Thiện tri thức! Cả thầy phải y theo bài kệ này mà tu hành và tự thấy tánh mình, thì chắc thành Phật Đạo. Pháp chẳng đợi chờ, các người hãy giải tán, ta về Tào Khê. Nếu có điều chi nghi ngờ, thì hãy đến đó mà hỏi.”

Bấy giờ, Vi Thứ Sử cùng các thiện nam tín nữ tại hội, tâm tánh đều đặng mở mang tỏ sáng. Cả thầy đồng cung kính và vâng theo lời dạy.

4. Phẩm Định Huệ

(Nói về pháp Thiền Định và Trí Huệ)

Đại Sư bảo chúng rằng: “Chư Thiện tri thức, pháp môn ta đây lấy Định Huệ làm căn bản. Đại chúng chớ mê lầm mà nói Định với Huệ là khác nhau.

Định và Huệ chỉ là một thể, chẳng phải hai. Định là cái thể của Huệ, Huệ là cái dụng của Định, tức là lúc Huệ thì Định ở trong Huệ, lúc Định thì Huệ ở trong Định. Nếu biết cái nghĩa ấy, thì Định và Huệ đều phải học.

Các người học Đạo chớ nói rằng trước Định rồi mới phát Huệ, trước Huệ rồi mới sanh Định, mà phân biệt Định với Huệ là khác nhau. Nếu thấy hiểu như thế, là pháp có hai tướng. Miệng nói lời lành mà trong lòng chẳng lành, nói không rằng có Định Huệ mà Định Huệ chẳng đồng một thể. Nếu lòng và miệng đều lành, trong ngoài như một, thì Định và Huệ tức đồng nhau. Pháp tự ngộ tu hành chẳng phải tại chỗ tranh. Nếu tranh chỗ trước sau, tức đồng với người mê. Chẳng dứt lòng phân hơn thua, thì quả nhiên làm lớn thêm lòng chấp ngã, chấp pháp, mà không lìa khỏi bốn tướng (Ngã tướng, nhơn tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng.)

Chư Thiện tri thức, Định và Huệ giống như vật gì? Giống như cái đèn và cái ánh sáng. Có đèn tức là sáng, không đèn tức là tối. Đèn là cái thể của ánh sáng, ánh sáng là cái dụng của đèn. Tên tuy có hai, mà thể vốn có một. Pháp Định Huệ này cũng giống như thế. “

Sư bảo chúng rằng: “Chư Thiện tri thức, chuyên ròng một hạnh Chánh Định nghĩa là trong cả thấy chỗ đi, đứng, ngồi, nằm, thường giữ một lòng ngay thẳng. Kinh Tịnh Danh nói: “Lòng ngay thẳng là Đạo Tràng. Lòng ngay thẳng là Tịnh Độ.” Đùng lòng tưởng điều tà vạy mà miệng nói điều ngay thẳng. Đùng miệng nói chuyên ròng một hạnh Chánh Định, mà chẳng giữ lòng ngay thẳng. Nếu giữ lòng ngay thẳng thì đối với cả thấy các pháp, tâm đùng chấp trước. Người mê chấp trước pháp tướng, chấp một hạnh Chánh Định, nói rằng thường ngồi chẳng động, dối rằng lòng không sanh niệm tướng, gọi đó là một hạnh Chánh Định. Nếu hiểu như thế, tức là đồng với loài vô tình. Quả thật là cái duyên có cản ngăn cái Đạo vậy.

Chư Thiện tri thức, Đạo phải là thông lưu, sao lại làm cho nó ngưng trệ. Tâm không trụ pháp, thì Đạo thông lưu. Còn tâm trụ pháp, ấy là mình trói lấy mình. Bằng nói rằng thường ngồi chẳng động, thì cũng như Xá Lợi Phất ngồi im lặng trong rừng mà bị Duy Ma Cật quở vậy.

Chư Thiện tri thức, lại có người dạy ngồi xem cái tâm, quán tưởng tâm cảnh vắng lặng, ngồi yên chẳng dậy, bảo y theo đó mà lập công phu. Người mê chẳng hiểu, cố chấp làm theo, rồi thành điên dại. Số người làm như thế chẳng phải là ít. Truyền dạy nhau như vậy, thiệt là làm to !”

Sư bảo chúng rằng: “Chư Thiện tri thức, cái chánh giáo xưa nay không có mau chậm, chỉ tánh người có sáng tối mà thôi. Người tối thì tu tập lần lần, người sáng thì thức tỉnh tức khắc, tự mình biết Bản Tâm, tự mình thấy Bản Tánh. Thế thì, không có chỗ gì sai khác. Vì chỗ sáng tối chẳng đồng sở dĩ mới lập ra cái giả danh mau chậm.

Chư Thiện tri thức, pháp môn của ta đây từ trên truyền xuống, trước hết lập Không Niệm (Vô Niệm) làm tông, Không Tướng (Vô Tướng) làm thể, Không Trụ (Vô Trụ) làm gốc. Không niệm nghĩa là trong khi niệm, lòng không động niệm. Không tướng nghĩa là đối với sắc tướng, lòng lìa sắc tướng. Không trụ có nghĩa là đối với các điều lành dữ, tốt xấu ở thế gian, cùng với kẻ thù, người thân, đối với lúc nghe các lời xúc phạm, chàm chích, khinh khi, tranh đấu, Bản tánh con người xem cả thấy như không không, chẳng nghĩ đến việc đền ơn trả oán. Trong niệm niệm lòng không nghĩ đến các cảnh mình đã gặp trước. Nếu niệm trước, niệm nay, niệm sau, niệm niệm nối tiếp nhau chẳng dứt, thì gọi là bị buộc ràng. Đối với các pháp, niệm niệm lòng không trụ vào đâu thì khỏi bị buộc ràng. Ấy là lấy Không Trụ làm Gốc.

Chư Thiện tri thức, ngoài lìa cả thấy các sắc tướng, gọi Không Tướng. Đối với các sắc tướng mà tâm lìa được, thì cái thể của các pháp tự nhiên thanh tịnh. Ấy là Không Tướng làm Thể.

Chư Thiện tri thức, đối với các cảnh mà tâm chẳng nhiễm gọi là không niệm. Trong các niệm tướng của mình, tâm thường lìa cảnh, chẳng vì đối cảnh mà sanh tâm. Bằng đối với trăm việc, tâm chẳng nghĩ đến, các niệm tướng đều bỏ hết, và nếu một niệm dứt tuyệt, thì chết liền và phải chịu đầu sanh nơi khác. Ấy là một điều lầm to, người học Đạo khá suy nghĩ lấy đó. Nếu chẳng biết cái ý chỉ của pháp, tự mình lầm còn khá, sợ e lại khuyên dạy người khác. Tự mình mê mà chẳng thấy, lại còn nhạo báng kinh Phật. Bởi vậy mới lập Không Niệm làm Tông.

Chư Thiện tri thức, sao gọi lập Không Niệm làm tông? Chỉ vì người mê, miệng nói thấy tánh, mà đối cảnh tâm còn vọng niệm, trong chỗ vọng niệm, lại khởi tà kiến. Cho nên cả thấy các sự trần lao vọng tưởng đều do đó mà sanh ra. Bản tánh mình vốn không có một pháp gì mà tìm được. Nếu có cái chỉ tìm được trong tánh mình, mà nói dối là họa phước, thì cái ấy là trần lao tà kiến. Cho nên, pháp môn này lập Không Niệm làm Tông.

Chư Thiện tri thức, Không là không sự gì? Niệm là niệm vật chi? Không nghĩa là không chấp hai tướng, không có lòng phiền não. Niệm, nghĩa là niệm cái Chơn Như Bản Tánh. Chơn Như tức là cái Thể của niệm, niệm tức là cái dụng của Chơn Như. Tánh Chơn Như của mình khởi niệm, chớ chẳng phải con mắt, lỗ tai, lỗ mũi, cái lưỡi mà niệm được. Cái Chơn Như có tánh, sở dĩ mới sanh ra niệm tướng. Nếu như cái Chơn Như ấy không có, thì mắt, tai, màu, tiếng, đương lúc ấy liền hư hoại.

Chư Thiện tri thức, tánh Chơn Như của mình khởi niệm, thì sáu căn tuy có thấy nghe, biết hiểu, mà chẳng nhiễm muôn cảnh. Bởi thế nên Chơn Tánh của mình bao giờ cũng tự tại. Cho nên kinh nói: “Phân biệt đặng các pháp tướng một cách tường tận chi lý, mà cái tánh Thanh Tịnh Niết Bàn chẳng động.” “

5. Phẩm Tọa Thiền

(Pháp ngồi tu Thiền Định)

Đại Sư bảo đại chúng rằng: “Pháp môn Tọa Thiền này nguyên là chẳng trước tâm, cũng chẳng trước tịnh, cũng chẳng phải chẳng động. Nếu nói trước tâm, thì tâm nguyên là giả. Biết rằng cái tâm như là huyễn, cho nên không có chỗ nào mà trước được. Bằng nói trước tịnh, thì tánh người vốn tịnh. Chỉ bởi vọng niệm nên thể Chơn Như mới bị lấp che. Nếu không có vọng tướng, thì tánh tự nhiên thanh tịnh. Khởi tâm trước tịnh, thì sanh ra cái vọng về chỗ tịnh. Cái vọng không có xứ sở, trước ấy là vọng. Cái tịnh không có hình tướng, bởi lập ra tướng tịnh mới gọi là công phu. Sự thấy hiểu ấy làm ngăn trở Bản Tánh mình, và cái tịnh trở thành trói buộc mình vậy.

Chư Thiện tri thức, tu hành mà chẳng vọng động, nghĩa là lúc thấy cả mọi người mà chẳng thấy các điều phải quấy, lành dữ, tội lỗi của người, tức là tánh mình chẳng động.

Chư Thiện tri thức, người mê muội, thân tuy chẳng động, mà khi mở miệng ra, thì nói chỗ phải quấy hay dở, tốt xấu của người, thế là làm trái nghịch với Đạo. Bằng trước tâm chấp tịnh, tức là làm ngăn lấp cái Đạo vậy. “

Sư bảo chúng rằng: “Chư Thiện tri thức, sao gọi là Ngồi Thiền? Trong pháp môn này không có chỗ nào ngăn, không có sự gì cản. Ngoài đối với cả thấy các điều lành dữ, các cảnh giới mà tâm chẳng khởi vọng niệm, gọi là Ngồi. Trong thấy, tánh mình chẳng động, gọi là Thiền.

Chư Thiện tri thức, sao gọi là Thiền Định? Ngoài lìa tướng là Thiền, trong không tán loạn là Định. Nếu ngoài trước tướng, thì trong tâm tán loạn. Bằng ngoài lìa tướng, thì trong tâm không tán loạn. Bốn tánh vốn tự định, chỉ thấy cảnh rồi nghĩ cảnh, nên mới tán loạn. Nếu thấy các cảnh giới mà tâm không tán loạn, thế mới là thiết Định.

Chư Thiện tri thức, ngoài lìa tướng tức là Thiền, trong không tán loạn tức là Định. Ngoài Thiền trong Định tức là Thiền Định. Kinh Bồ Tát Giới nói: “Bốn Tánh của ta tự nhiên thanh tịnh.”

Chư Thiện tri thức, trong niệm niệm tự mình thấy Bốn tánh thanh tịnh, tự mình tu, tự mình hành, tự mình thành Phật Đạo.”

6. Phẩm Sám Hối

(Ăn năn tội trước, chừa bỏ lỗi sau)

Lúc kia, Đại Sư thấy các quan dân ở Quảng Châu, Thiệu Châu, và bốn phương đồng kéo nhau tụ tập trong núi đặng nghe pháp, thì Ngài lên tòa giảng mà bảo chúng rằng:

“Chư Thiện tri thức, hãy lại gần đây. Việc này phải do trong tánh mình mà khởi ra. Trong cả thấy thời gian, niệm niệm mình phải lóng sạch tâm mình, mình phải trau sửa nét hạnh của mình, mình phải thấy pháp thân của mình, mình phải thấy Phật tâm của mình, mình phải độ và răn lấy mình, thì đến đây mới là hữu ích, chẳng uổng công lao. Các vị đã từ phương xa mà đến, đồng hội hiệp tại chỗ này, ấy là các vị đều có duyên với nhau. Vậy bây giờ các vị cả thấy phải quỳ xuống. trước hết, ta truyền cho năm phần Chơn Hương của Pháp Thân Trong Bốn Tánh Minh, kế ta truyền pháp Sám Hối Không Tướng (Vô Tướng Sám Hối).

Cả thấy đồng quỳ.

Sư nói rằng: “Một là Giới Hương, nghĩa là tâm mình không tưởng điều quấy, không toan việc dữ, không sanh ghen ghét, không sanh tham lam giận hờn, không mong cướp hại của người. Ấy gọi là Giới Hương.

Hai là Định Hương, nghĩa là xem thấy các cảnh tướng lành dữ mà tâm mình chẳng tán loạn. Ấy gọi là Định Hương.

Ba là Huệ Hương, nghĩa là tâm mình không bị ngăn lấp, mình thường lấy trí huệ mà quán chiếu tánh mình và chẳng tạo các điều dữ. Tuy mình tu các hạnh lành mà tâm không chấp trước, thường kính kẻ trên, tưởng kẻ dưới, hay xót thương những kẻ cô cút nghèo nàn. Ấy gọi là Huệ Hương.

Bốn là Giải Thoát Hương, nghĩa là tâm mình không đeo níu vào một cảnh vật nào, mình chẳng nghĩ điều lành, không tưởng việc dữ, thông thả suốt thông. Ấy gọi là Giải Thoát Hương.

Năm là Giải Thoát Tri Kiến Hương, nghĩa là tâm mình tuy đã không đeo níu vào một cảnh vật nào, mình chẳng nghĩ điều lành, không tưởng việc dữ, nhưng chẳng nên trầm không thủ tịch (đắm vào cảnh không, giữ lòng vắng lặng như loại Vô Ký Không mà trong phẩm Bát Nhã đã có nói). Phải học rộng, nghe nhiều, phải biết Bản Tâm của mình, phải rõ thông đạo lý của Chư Phật, phải xen lộn trong thế gian mà cứu nhơn lợi vật, không phải nhơn ngã. Phải đạt ngay cội Chánh Giác, Chơn Tánh không đổi dời. Ấy gọi là Giải Thoát Tri Kiến Hương.

Chư Thiện tri thức, Chơn Hương này, mỗi phần tự có cái chất xông thơm bên trong, đừng tìm kiếm nơi ngoài.

Bây giờ ta truyền cho các vị pháp Sám Hối Không Tướng; Pháp này tiêu diệt hết các tội trong ba đời (đời trước, đời nay, và đời sau) khiến cho ba nghiệp (Thân, khẩu, ý) đều được trong sạch.

Chư Thiện Tri Thức, hãy đồng xướng lên một lượt và nói theo ta.

Chúng đệ tử, từ niệm trước, niệm nay đến niệm sau, niệm niệm chẳng nhiễm sự ngu mê. Các tội do nghiệp ác ngu mê đã tạo ra từ trước đều ăn năn, nguyện dứt hết một lần, hằng chẳng gây lại nữa.

Chúng đệ tử, từ niệm trước, niệm nay đến niệm sau, niệm niệm chẳng nhiễm sự ngạo dối. Các tội do nghiệp ác ngạo dối đã tạo ra từ trước đều ăn năn, nguyện dứt hết một lần, hằng chẳng gây lại nữa.

Chúng đệ tử, từ niệm trước, niệm nay đến niệm sau, niệm niệm chẳng nhiễm sự ganh ghét. Các tội do nghiệp ganh ghét đã tạo ra từ trước đều ăn năn, nguyện dứt hết một lần, hằng chẳng gây lại nữa.

Chư Thiện tri thức, các lời sám hối kể trên gọi là Sám Hối Không Tướng.

Sao gọi là Sám? Sao gọi là Hối?

Sám nghĩa là ăn năn các tội trước của mình. Những tội do các nghiệp ác ngu mê, ngạo đố, ganh ghét đã tạo ra từ trước, tất cả ăn năn, hằng chẳng gây lại nữa. Ấy gọi là Sám.

Hối nghĩa là ăn năn các lỗi sau của mình. Những tội do các nghiệp ác ngu mê, ngạo đố, ganh ghét tạo ra, nay đã giác ngộ rồi, tất cả đều dứt bỏ đời đời, ngày sau chẳng gây lại nữa. Ấy gọi là hối.

Cho nên kêu là Sám Hối.

Các người phạm phu ngu muội chỉ biết ăn năn tội trước của mình, mà chẳng biết ăn năn lỗi sau. Bởi chẳng ăn năn, nên tội trước chưa dứt, lỗi sau lại sanh. Tội trước đã chẳng dứt, lỗi sau lại sanh, thì sao gọi là Sám Hối được.

Chư Thiện tri thức, đã sám hối rồi, bây giờ ta cho các người lập Bốn Điều Thệ Nguyện Lớn. Mỗi người phải dùng tâm chơn chánh mà nghe ta dạy:

Chúng sanh không giới hạn trong tâm mình đều thề nguyện hóa độ.

Cả thầy các điều phiền não chẳng xiết kể trong tâm mình đều thề nguyện dứt bỏ.

Cả thầy các pháp môn kể không hết trong tánh mình đều thề nguyện học cả.

Đạo Phật cao hơn hết trong tánh mình thề nguyện tu đến thành công.

Chư Thiện tri thức, cả thầy các vị há chẳng nói: “Cả thầy chúng sanh không giới hạn trong tâm mình đều thề nguyện hoá độ.” ? Thế thì chẳng phải Sư Huệ Năng độ.

Chư Thiện tri thức, chúng sanh trong tâm mình tức là: Lòng tà mê, lòng giả dối, lòng bất thiện, lòng ganh ghét, lòng ác độc. Các tâm này đều gọi là chúng sanh. Mỗi người phải dùng tánh mình mà độ lấy mình, mới gọi là thiết độ.

Cả thầy phỉen nảo chẳng xiết kể đều thề nguyện dứt bỏ, nghĩa là đem Trí Bát Nhã của tánh mình mà dứt bỏ lòng nghĩ tưởng giả dối. Thế mới gọi là thiết học.

Đạo Phật cao hơn hết thề nguyện tu đến thành công, nghĩa là đã thường hạ cái tâm, làm việc chơn thành, lìa mê lìa giác, thường sanh Bát Nhã, bỏ chơn trừ vọng, tức khắc thấy tánh Phật. Ấy là nghe nói pháp rồi, liền thành Phật đạo.

Thường thường tưởng đến việc tu hành là cái chánh pháp tạo nên sức thề nguyện vậy.

Chư Thiện tri thức, nay đã phát Bốn Điều Thề Nguyện Lớn rồi, ta lại truyền cho các vị Lời Răn Dạy Về Pháp Quy Y Không Tướng.

Chư Thiện tri thức, phải quy y ba pháp này:

Hãy quy y các Diệu Giác của tánh mình là pháp tôn quý gồm đủ cả hai công đức.

Hãy quy y cái Chánh Pháp của tánh mình là pháp tôn quý lìa bỏ các điều tà dục.

Hãy quy y cái Thể Thanh Tịnh của tánh mình là pháp tôn quý nhất trong các hạnh.

Từ đây sắp sau, hãy xưng Giác là Thầy, chẳng nên quy y theo tà ma ngoại đạo. Hãy lấy ba pháp báu của tánh mình mà tự thường chứng tỏ các công đức của mình. Ta khuyên Chư Thiện tri thức phải quy y theo ba pháp báu của tánh mình là: 1. Phật nghĩa là Giác, 2. Pháp nghĩa là Chánh, 3. Tăng nghĩa là Tịnh.

Tâm mình quy y theo tánh Giác, thì tà mê chẳng sanh. Lại ít có sự ham muốn, thường biết đủ dùng, lìa được của tiền và sắc dục, gọi là pháp tôn quý gồm cả hai công đức.

Tâm mình quy y tánh Chánh, thì niệm niệm không sanh tà kiến. Bởi không tà kiến, nên không có lòng nhờn ngã cống cao, tham ái, chấp trước, gọi là Pháp tôn quý lia bỏ các điều tà dục

Tâm mình quy y theo tánh Tịnh, thì cả thấy các cảnh giới trần lao, ái dục, tâm mình chẳng nhiễm chẳng vương, gọi là pháp tôn quý nhất trong các hạnh.

Tu các hạnh này, ấy là mình quy y Bốn Tánh của mình. Các người phàm phu từ ngày tới đêm nói rằng chịu tu theo ba Quy Giới, mà chẳng hiểu lý quy y. Nếu nói quy y Phật, thì Phật ở xứ nào? Bằng không thấy Phật, thì quy y chỗ nào? Nói thế thành ra giả dối.

Chư Thiện tri thức, mỗi người hãy tự xem xét, chớ lầm dùng tâm ý. Kinh vẫn nói rõ quy y Phật ở tánh mình, chớ chẳng nói quy y Phật nơi nào khác. Phật ở tánh mình mà chẳng quy y, thì không có chỗ nào mà quy y vậy.

Nay các vị đã tự ngộ, thì mỗi người phải quy y ba pháp báu ở tâm mình. Trong phải điều tâm tánh, ngoài phải kính mọi người, tức là mình quy y tâm mình vậy.

Chư Thiện tri thức, đã quy y ba pháp báu ở tánh mình rồi, các vị hãy chí tâm, ta nói cho mà rõ cái pháp Phật Một Thể Ba Thân Trong Tánh Mình, khiến cho các vị thấy ba thân rõ ràng, tự tánh mình tỏ sáng tánh mình.

Cả thầy hãy đồng nói theo ta:

Tự sắc thân mình quy y Thanh Tịnh Pháp Thân Phật

Tự sắc thân mình quy y Viên Mãn Báo Thân Phật

Tự sắc thân mình quy y Thiên Bá Ưc Hóa Thân Phật

Chư Thiện tri thức, sắc thân là quán xá, không thể nói quy y được. Phải dòm ngó Phật Ba Thân trong tánh mình. Người thế gian đều có Phật Ba Thân. Bởi tâm mình mê muội, nên không thấy thể sáng suốt trong tánh mình. Người ta cứ tìm Phật Ba Thân ở ngoài, mà chẳng thấy Phật Ba Thân ở trong thân của mình. Các vị nghe ta nói, khiến các vị ngó trong thân mình và thấy Bốn Tánh mình có Phật Ba Thân. Phật Ba Thân này do nơi tánh mình mà sanh, chớ chẳng phải do nơi ngoài mà tìm đặng.

Sao gọi là Thanh Tịnh Pháp Thân Phật? Bồn tánh của người thế gian vốn trong sạch. Muôn pháp đều do nơi bồn tánh mình mà sanh: Nghĩ tính các điều dữ, liền sanh hạnh dữ. Nghĩ tính các hạnh lành, liền sanh hạnh lành. Thế thì, các pháp trong tánh mình, ví cũng như trời thường trong, mặt trời mặt trăng thường sáng, nhưng vì bị mây che nên trên sáng dưới tối. Thành linh gặp gió thổi mây tan, trên dưới đều sáng, thì muôn hình ngàn tượng đều hiện ra. Tánh của người thế gian thường hay dời đổi cũng như mây trên trời kia vậy

Chư Thiện tri thức, Trí như mặt trời, Huệ như mặt trăng. Trí Huệ thường sáng, nhưng bởi tâm dính níu cảnh vật ở bên ngoài, rồi bị mây vọng niệm của mình che án tánh mình, nên Trí Huệ chẳng đặng tỏ sáng. Nếu gặp bạn Thiện tri thức, nghe người giảng chánh pháp, rồi tự mình dứt các điều mê hoặc, trong ngoài sáng thấu, thì trong tánh, muôn pháp đều hiện ra rõ ràng. Người thấy tánh cũng giống như thế. Ấy gọi là Thanh Tịnh Pháp Thân Phật.

Chư Thiện tri thức, tâm mình quy y tánh mình. Ấy là quy y Chơn Phật. Tự mình quy y, nghĩa là dứt trừ hết các tật xấu trong tâm mình là: Lòng chẳng lành, lòng ganh ghét, lòng tà vạy, lòng vị ngã, lòng giả dối, lòng khi người, lòng nhạo người, lòng tà kiến, lòng công cao, cùng các hạnh bất thiện trong cả thủy thời gian, lại thường thấy lỗi mình, chẳng nói việc tốt xấu của người. Ấy là tự mình quy y tánh mình vậy.

Thường hạ tâm mình, cung kính mọi người, thấy tánh sáng suốt, không ngưng trệ. Ấy là tự mình quy y tánh mình.

Sao gọi là Viên Mãn Báo Thân Phật? Tỷ như một cái đèn có thể trừ được chỗ tối đã có từ ngàn năm, một cái trí có thể diệt được sự ngu đã nhiễm từ muôn thuở. Đừng nghĩ đến việc trước, chẳng đặng nghĩ đến việc đã qua rồi, thường nghĩ đến việc về sau. Niệm niệm hoàn toàn sáng suốt và tự mình thấy Bồn tánh mình. Điều lành điều dữ tuy là khác nhau, chớ cái Bồn tánh không hai. Cái tánh không hai gọi là Thật Tánh. Trong cái Thật Tánh chẳng nhiễm điều lành điều dữ, ấy gọi là Viên Mãn Báo Thân Phật.

Tánh mình khởi một niệm dữ, thì tiêu hết muôn kiếp hột giống lành. Tánh mình sanh một niệm lành, thì hằng hà sa tội dữ đều diệt hết và chứng ngay quả Vô Thượng Bồ Đề. Niệm niệm mình thấy tánh mình, chẳng sai bồn niệm. Ấy gọi là Báo Thân.

Sao gọi là Thiên Bá Ưc Hóa Thân Phật? Nếu chẳng nghĩ đến muôn pháp, thì tánh vốn như trống không. Một niệm nghĩ tính, gọi là biến hóa: Nghĩ tính điều dữ, hóa làm Địa Ngục. Nghĩ tính việc lành, hóa làm Thiên Đường. Lòng độc hại hóa ra rồng rắn. Lòng từ bi hóa ra Bồ Tát. Lòng Trí Huệ hóa làm Thượng Giới, lòng ngu si hóa làm Hạ Phương. Cái tánh của mình biến hóa rất nhiều. Người mê, không tỉnh giác được, nên niệm niệm gây ra việc dữ, thường thường theo đường dữ. Nếu trở lại khởi một niệm lành, thì Trí Huệ thường sanh. Ấy gọi là Tự Tánh Hóa Thân Phật.

Chư Thiện tri thức, cái Pháp thân vốn là đầy đủ. Niệm niệm tánh mình tự nhiên hiện ra tỏ sáng, tức là Báo Thân Phật. Do cái Báo Thân nghĩ tính tức là Hóa Thân Phật.

Mình tự ngộ tự tu các công đức trong tánh mình, mới thiết là quy y. Chứ đa thịt là sắc thân, sắc thân là nhà trọ tạm bợ, không thể nói là quy y được. Nếu mình hiểu rõ Ba Thân trong Tánh mình, tức là mình biết Phật trong tánh mình vậy.

Ta có một bài tụng không tướng. Nếu năng trì tụng, thì khi dứt lời, các tội ngu mê của các vị chất chứa trong muôn kiếp trước đồng tiêu diệt hết một lần

Tụng rằng:

(Bản dịch của HT Thích Từ Quang)

Người mê tu phước chẳng hành đạo

Chỉ nói tu phước ấy là đạo

Bồ thí cúng dường, phước vô cùng

Ba ác trong tâm gốc còn tạo

Tưởng rằng tu phước, tội được tiêu

Đời sau được phước, nhưng còn tội

Chỉ trừ tội-nghiệp ở nội tâm

Mới thật tự tánh chơn sám hối

Bỏ tà làm chánh là không tội
Học đạo, hằng xem ở tự tánh
Các Phật cùng ta đồng một loại
Tổ xưa chỉ truyền Đốn Pháp này
Nguyện cho chúng sanh đồng thấy tánh
Nếu muốn về sau thấy pháp thân
Lìa các pháp tướng, rửa lòng sạch
Gắng công tự thấy, chớ thờ ơ
Dứt tuyệt niệm sau, một đời rảnh
Ngộ được Đại Thừa, thấy tự tánh
Chấp tay cung kính chí tâm cầu

Sư nói: “Chư Thiện tri thức, cả thầy phải tụng bài kệ này, và y theo lời dạy trong đó mà tu hành. Tụng rồi phải liền thấy tánh. Được như thế, tuy cách ta ngàn dặm, cũng như thường ở bên ta. Còn tụng rồi mà tâm không giác ngộ, thì dầu ở trước mặt ta, cũng như cách xa ngàn dặm. Há cần từ phương xa mà đến đây! Khá trân trọng và giữ lấy.”

Đại chúng nghe pháp, tâm tánh đều mở mang tỏ sáng. Cả thầy đồng vui vẻ vâng làm theo lời dạy.

7. Phẩm Cơ Duyên

(Nói về căn cơ và duyên phần của các đệ tử)

Đại Sư từ khi đắc pháp tại Huỳnh Mai đến lúc trở về làng Tào Hầu thuộc Thiều Châu, thì chẳng có ai hay biết.

Một khi kia có người học Nho tên là Lưu Chí Lực lấy lễ mà đãi ngài rất hậu. Chí Lực có một người cô làm Tỳ khưu ni (cô vải), tên Vô Tận Tạng, thường tụng kinh Đại Niết Bàn. Sư nghe qua, liền hiểu chỗ diệu nghĩa, mới giải cho Ni cô nghe. Ni cô cảm quyên kinh lại hỏi chữ.

Sư nói: “Chữ thì ta không biết, vậy xin hỏi nghĩa.”

Ni cô nói: “Chữ còn chẳng biết, đâu hiểu nghĩa.”

Sư nói: “Cái diệu lý của chư Phật chẳng có quan thiết gì với văn tự.”

Ni cô hãi kinh và lấy làm lạ. Ni cô bèn rao khắp cho các bậc kỳ đức (người tuổi cao đức trọng) trong xóm hay rằng Đại Sư là bậc đạo đức, nên thỉnh về mà cúng dường.

Khi ấy có huyền tôn (cháu bốn đời) của Ngụy Võ Hậu tên là Tào Thúc Lương cùng các người cư dân tranh nhau đến làm lễ Đại Sư.

Lúc bấy giờ, chùa cũ Bửu Lâm đã bị bỏ hư, vì bị nạn binh hỏa từ cuối đời nhà Tùy. Nơi chỗ nền cũ, các thiện tín hiệp nhau cất cảnh chùa lại, rồi rước Đại Sư về ở, chẳng bao lâu thành một ngôi Bửu phùng.

Sư ở chùa này hơn chín tháng, lại bị bọn ác nham tìm theo. Sư bèn lánh mình ẩn trong phía núi trước chùa, thì bị bọn ấy phóng hỏa đốt rụi cỏ cây. Sư ráng sức chun vào kẹt đá, nên mới thoát nạn. Nơi tảng đá nay còn dấu đầu gối Ngài ngồi kiệt già và lằn vải áo. Nham đó mới gọi là “Tảng đá lánh nạn.”

Sư nhớ lại lời Ngũ Tổ dặn nơi Hoài Tập và Huyện Tứ Hội, ngài mới đi ẩn hai xứ ấy.

Sư Pháp Hải

Thầy tăng tên Pháp Hải, người ở Khúc Giang, thuộc tỉnh Thiều Châu, ban sơ đến viếng Tổ Sư và hỏi rằng: “Tức Tâm Tức Phật là nghĩa sao? Xin Đại Sư chỉ dạy.”

Sư dạy: “Niệm trước chẳng sanh là tức tâm. Niệm sau chẳng diệt là tức Phật. Tạo nên cả thầy các tướng là tức tâm, lia đứt cả thầy các tướng là tức

Phật. Nếu ta nói cho đủ điều, thì cùng kiếp nói cũng chẳng hết. Hãy nghe ta kể:

Tức Tâm ấy Huệ
Tức Phật là Định
Định Huệ gồm tu
Ý Tâm phải tịnh
Hiểu pháp môn này
Tự người tập tánh
Dụng vốn không sanh
Song tu mới chánh

Pháp Hải nghe kể rồi, liền đại ngộ, làm kệ khen rằng:

Tức Tâm là Chánh Phật
Chẳng hiểu, tự khinh xuất
Định Huệ, biết nguyên nhơn
Song tu, lia các vật

Sư Pháp Đạt

Thầy tăng tên Pháp Đạt, người ở tỉnh Hồng Châu, xuất gia hồi bảy tuổi và thường tụng kinh Pháp Hoa. Một khi đến làm lễ Tổ Sư, Pháp Đạt cúi đầu không sát đất.

Tổ Sư quở rằng: “Lạy mà cúi đầu không sát đất, sao bằng chẳng lạy. Trong lòng ông chắc có một vật, ông chắt chứa việc chi vậy ?”

Pháp Đạt nói: “ Tôi đã niệm Kinh Pháp Hoa đến ba ngàn bộ rồi.”

Tổ nói: “Nếu ông niệm đến một muôn bộ, hiểu đặng ý kinh mà chẳng lấy đó gọi là hơn người, thì mới cùng ta đi một con đường. Ông nay cậy lấy sự nghiệp ấy, mà chẳng biết lỗi mình.

Hãy nghe ta kể:

Lạy, vốn phá màn kiêu
Đầu sao không sát đất
Hữu Ngã, tội liền sanh
Quên công phước lớn thật.

Sư lại hỏi: “Ông tên gì ?”

Đáp: “Pháp Đạt.”

Sư nói: “Ông tên là Pháp Đạt, nào có đạt pháp !”

Sư lại nói kệ rằng:

Ông tên là Pháp Đạt
Siêng tụng hoài, không dứt
Tụng không theo âm thanh
Mình tâm mới gọi Phật
Ông nay bởi có duyên
Ta mới nói chơn pháp
Tin chắc, Phật không lời
Liên Hoa do miệng phát.

Pháp Đạt nghe kệ rồi, liền ăn năn xin lỗi, thưa rằng: “Từ nay sắp sau, tôi giữ hạnh khiêm tốn và cung kính mọi người. Đệ tử tụng kinh Pháp Hoa mà chưa hiểu nghĩa, tâm thường có chỗ nghi. Hòa Thượng có trí huệ quảng đại, xin Ngài lược giải nghĩa lý trong kinh.”

Sư nói: “Pháp Đạt, Pháp rất thấu suốt, tại lòng ông không thấu suốt. Kinh vốn không có chỗ nghi, tại lòng ông tự nghi. Ông niệm kinh ấy, lấy gì làm tông (căn bản)?”

Pháp Đạt nói: “Kẻ học này căn tánh ám độn, bấy lâu chỉ y theo chữ mà tụng niệm, há biết cái thú (chỗ xu hướng về căn bản) là gì !”

Sư nói: Ta không biết chữ, ngươi thử lấy kinh tụng một biến, ta giải nghĩa cho ngươi rõ.”

Pháp Đạt liền cất tiếng tụng lớn, đến phẩm Tỉ Dụ, sư bảo thôi và nói rằng: “Bộ kinh này nguyên lấy cái Nhơn Duyên Xuất Thế làm Tông, dầu có nói bao nhiêu Tỉ Dụ, cũng không vượt ngoài chỗ ấy. Nhơn duyên nào? Kinh nói Chư Phật Thế Tôn chỉ do cái Nhân Duyên về một việc lớn mà xuất hiện nơi thế gian. Việc lớn ấy là cái Tri Kiến Phật vậy. Người thế gian, ngoài mê thì dính tướng, trong mê thì dính không. Nếu đối với tướng mà lìa tướng, đối với không mà lìa không, thì trong ngoài chẳng mê.”

Đại Sư nói: “Nếu hiểu rõ phép này, một niệm tâm mở sáng, ấy là mở cái Tri Kiến Phật. Phật đây, nghĩa là Giác Ngộ, chia ra làm bốn môn:

Mở cái tánh thấy biết Giác Ngộ.
Chỉ cái tánh thấy biết Giác Ngộ
Tỏ cái tánh thấy biết Giác Ngộ
Vào cái tánh thấy biết Giác Ngộ

Nếu nghe người giảng thuyết, Mở Chỉ tánh lý cho, mới có thể Tỏ mà Vào. Cái tánh Thấy Biết Giác Ngộ vốn phải do nơi Chơn Tánh, mới phát hiện ra được. Ông khá cẩn thận, chớ làm hiểu ý kinh, thấy người ta nói Mở, Chỉ, Tỏ, Vào, mà cho đó là “cái Biết Thấy của Phật, chớ chúng ta không có duyên phần đạt sự Biết Thấy ấy.” Nếu hiểu như thế, tức là chê kinh nhạo Phật. Ngài kia đã là Phật, có đủ sự biết thấy, cần gì phải mở ! Người nay phải tin rằng cái Biết Thấy Giác Ngộ chỉ do nơi tự tâm của người, chớ chẳng phải do Phật nào khác. Cả thầy chúng sanh vì tự che lấp tánh quang minh của mình, ham mến trần cảnh, ngoài bị dính vương, trong bị rối rắm, nên đành phải chịu sự phiền não cuốn lôi. Bởi vậy mới nhọc lòng Đức Thế Tôn, Ngài phải xuất Chánh Định, dùng biết bao nhiêu lời lẽ mà khuyên chúng sanh dứt bỏ lòng ham mến, phải do tâm mình mà mở cái Biết Thấy Giác Ngộ, đừng do bề ngoài mà tìm, thì cũng đồng chúng quả như Phật. Thế cho nên gọi là “Mở cái biết thấy giác ngộ”. Ta cũng khuyên cả thầy các chúng nhơn do trong tâm mình mà thường “Mở cái tánh biết thấy giác ngộ.”

Người thế gian vì lòng tà vạy, ngu mê, tạo ra các tội lỗi, miệng lạnh, lòng dữ, ham giận, ghét ghen, siểm nịnh, kiêu căng, lẩn người, hại vật. Ấy là tự mình “Mở cái tánh biết thấy chúng sanh”. Nếu giữ được lòng chơn chánh, thường sanh trí huệ, xem xét tâm mình, làm lành lánh dữ, thì mình tự “Mở cái tánh biết thấy giác ngộ” vậy.

Vậy thì niệm niệm ông phải Mở cái tánh biết thấy Phật, đừng Mở cái tánh thấy biết chúng sanh. Mở cái tánh biết thấy Phật tức là ra khỏi thế gian; Mở cái tánh biết thấy chúng sanh tức là thế gian vậy. Còn nếu ông cứ nhọc công cố chấp tụng niệm, mà lấy làm công khóa, thì khác nào con mao ngưu (loài trâu đen có lông dài) yêu lông đuôi dài của nó!

Phát Đạt nói: “ Nếu vậy, hiểu đặng nghĩa, thì chẳng cần tụng kinh ?”

Sư nói: “Kinh có lỗi gì, há lại ngăn cấm người tụng ? Vả lại, mê ngộ là tại nơi người, lợi hại cũng tại nơi người. Miệng tụng mà tâm làm theo nghĩa kinh, tức là mình chuyên kinh. Miệng tụng mà tâm chẳng làm theo nghĩa kinh, tức là mình bị kinh chuyển. Hãy nghe ta kể:

Tâm mê, Pháp Hoa chuyển
Tâm ngộ, chuyển Pháp Hoa
Tụng kinh không rõ ý,
Nghĩa ấy thành thù ta
Không niệm, niệm mới chánh
Có niệm, niệm thành tà
Có, Không đều chẳng chấp
Cởi mãi, bạch ngu xa

Pháp Đạt nghe kệ, buồn bực khóc mùi. Khi Sư nói dứt lời liền được đại ngộ, và bạch rằng:

“Pháp Đạt từ xưa đến nay, thật chưa từng chuyển Pháp Hoa, mà bị Pháp Hoa chuyển.”

Lại bạch rằng: “Kinh nói các Đại Thanh Văn cho đến Bồ Tát đều suy nghĩ và độ lượng tốt cùng, mà chẳng lường đặng cái trí Phật. Nay bảo kẻ phàm phu tỏ sáng tâm mình, mới gọi là tri kiến Phật. Nhưng tự họ chẳng phải là bậc thượng căn, ắt không khỏi sanh ra ngờ vực và nhạo cười.”

Pháp Đạt nói tiếp: “Kinh lại nói ba xe: Xe dê, xe nai, xe trâu, và xe trâu trắng. Ba xe này khác nhau thế nào, xin Hòa Thượng chỉ dạy cho.”

Sư rằng: “Ý kinh thật rõ ràng, tự người làm cho mờ ám và trái ngược. Các người trong ba thừa chẳng lường được trí Phật, cái hại ấy là do chỗ độ lượng. Hễ họ càng cùng suy cạn nghĩ, thì càng làm chuyển biến và xa trí Phật. Đức Phật vốn vì kẻ phàm phu mà nói kinh, chớ chẳng phải vì Phật mà nói. Cái lý ấy, nếu chẳng chịu tin thì tự ý họ thôi tịch (Không tin lời Phật giảng, bỏ chỗ ngồi mà đi).

Sao chẳng biết mình đã ngồi trên xe trâu trắng mà lại đi tìm ba xe ở ngoài cửa? Huống chi kinh văn đã nói rõ cho người biết duy có một Phật Thừa, chớ không có thừa nào khác. Bằng kinh nói hai nói ba, cho đến vô số phương tiện, muôn vàn nhọn duyên, tỉ dụ, ngôn từ, thì các pháp ấy cũng đều chỉ một Phật Thừa mà thôi. Sao ông chẳng xét rằng thừa là giả, là nói vì lúc xưa (ví thật mà dụng quyền), còn một thừa là thật, là nói vì ngày nay (mở quyền mà chỉ thật). Ấy gọi là chỉ dạy người bỏ giả về thật mà thôi. Sau khi về thật rồi, thì cái thật cũng không còn có cái tên nữa.

Phải biết rằng của quý báu sở hữu đều thuộc về của người thọ dụng; Lại cũng chẳng nên tưởng đó là của cha, cũng chẳng nên tưởng đó là của con,

cũng chẳng nên tưởng đến chỗ thọ dụng của ấy. Thế mới gọi là Trì Kinh Pháp Hoa

Từ kiếp này qua kiếp nọ, tay chẳng mở cuốn kinh, nhưng từ ngày tới đêm, không có lúc nào mà chẳng niệm vậy.

Pháp Đạt nhờ Sư mở trí, khôn xiết vui mừng, bèn làm kệ khen rằng:

Công tụng ba ngàn bộ
Thầy giảng chút, liền quên
Ý lia đời chẳng rõ
Nào dứt kiếp khùng điên
Tạm lập Tam Thừa Giáo
Tùy duyên, diễn pháp huyền
Ai tưởng trong nhà lửa
Pháp Vương, hiện nhãn tiền

Sư nói: “Từ đây sắp về sau, ông mới có thể gọi là thầy tăng niệm kinh vậy.”

Pháp Đạt từ khi lãnh hội được cái ý chỉ diệu huyền của Đại Sư, thì cũng giữ việc tụng kinh hoài chẳng bỏ

Sư Trí Thông

Thầy tăng tên Trí Thông, người ở huyện An Phong, xứ Thọ Châu, buổi đầu xem kinh Lăng Già ước định một ngàn biến, mà không hiểu nghĩa ba thân, bốn trí. Người đến lạy Đại Sư mà cầu giải nghĩa kinh.

Sư nói :

Ba thân là:

Thanh Tịnh Pháp Thân là cái Tánh của người
Viên Mãn Báo Thân là cái Trí của người
Thiên Bá Ước Hóa Thân là cái Hạnh của người
Nếu lia cái Bốn Tánh mà nói riêng ba thân, tức gọi là có thân không trí.
Bằng hiểu ba thân không có tự tánh riêng, tức gọi là Bốn Trí Bồ Đề.

Hãy nghe ta kệ :

Tự tánh đủ ba thân
Phát minh thành bốn trí
Chớ lìa chỗ thấy nghe
Siêu nhiên đấng Phật vị
Ta nói rõ ông nghe
Xét tin, mê khỏi hại
Chớ học kẻ cầu ngoài
Bồ Đề chỉ luận mãi

Trí Thông lại bạch rằng : "Cái nghĩa Bốn Trí có thể được nghe chăng?"

Sư nói: "Đã hiểu ba thân thì rõ bốn trí, sao lại hỏi nữa? Nếu lìa ba thân mà nói riêng bốn trí, ấy gọi là có trí không thân, tức là có trí trở lại thành không trí."

Sư lại nói kệ rằng: (bản dịch của HT Từ Quang)

Đại Viên Cảnh Trí, Tánh thanh tịnh.
Bình Đẳng Tánh Trí, Tâm không bệnh
Diệu Quan Sát Trí, thấy chẳng công
Thành Sở Tác Trí, đồng viên cảnh
Năm, tám, sáu, bảy, chuyển quả nhưn
Chỉ dùng danh ngôn, không thiệt tánh
Nếu chỗ chuyển ấy, chẳng lưu tình
Phiền hưng, vẫn trụ Na Đà định
Trên đây là nói chuyển tám thức làm bốn trí. Kinh giáo có nói:
Chuyển năm thức trước, làm Trí Thành Sở Tác
Chuyển thức thứ sáu làm Trí Diệu Quán Sát
Chuyển thức thứ bảy làm Trí Bình Đẳng Tánh
Chuyển thức thứ tám làm Trí Đại Viên Cảnh

Thức thứ sáu và thức thứ bảy chuyển ở nhân; Năm thức và thức thứ tám chuyển ở quả, nhưng chỉ chuyển danh chứ không chuyển thể.

Trí Thông nghe rồi, tánh trí liền tỏ sáng, mới trình kệ rằng:

Ba thân vốn thiệt tại thân ta
Bốn trí là tâm sáng hiện ra
Thân, trí, thung dung, không trở ngại

Vật hình, ứng hiện mặc dầu ta
Khởi tâm tu trị, thành mê động
Giữ ý trụ an, đẩy nguy tà
Nhờ Tổ giải minh thông ý diệu
Trước Như nào có, tiếng bày ra.

Sư Trí Thường

Thầy tăng tên Trí Thường, người ở huyện Qui Khuê, phủ Tín Châu, xuất gia hồi bảy tuổi, có chí cầu thấy tánh. Một ngày kia, thầy đến làm lễ Tổ Sư.

Tăng hỏi rằng: "Mới đây, kẻ học giả này có qua Hồng Châu, lên núi Bạch Phong mà làm lễ Đại Thông Hòa Thượng (Sư Thần Tú) và cầu chỉ nghĩa thấy tánh thành Phật, nhưng chưa giải quyết được chỗ nghi ngờ. Tôi từ phương xa đến làm lễ, cúi xin Hòa Thượng từ bi chỉ dạy."

Sư nói: "Đại Thông Hòa Thượng nói những lời gì, câu gì, ông hãy kể thử coi."

Tăng bạch: "Trí Thường này đến đó, trải qua ba tháng, mà chưa được sư chỉ dạy. Nóng lòng vì Pháp, đêm kia một mình vào trượng thất xin hỏi Bồn Tâm Bồn Tánh là gì? Sư Đại Thông hỏi: "Ông thấy cỗi trống không chẳng?" Tôi đáp: "Thấy". Sư hỏi: "Cỗi trống không có tướng mạo chẳng?" Tôi đáp: "Cỗi trống không chẳng có hình đâu có tướng mạo!". Sư đáp: "Cái Bồn Tánh của người cũng giống như cỗi trống không: Rốt ráo không có một vật gì mà thấy được, ấy gọi là chánh kiến. Rốt ráo không có một vật gì mà biết được, ấy gọi là chơn trí; Rốt ráo không có xanh, vàng, dài, ngắn, chỉ thấy cái Bồn Nguyên Thanh Tịnh và cái Giác Thể Viên Minh. Như thế tức gọi là Thấy Tánh Thành Phật, cũng gọi là Như Lai Tri Kiến." Kẻ học này tuy nghe nói như vậy, nhưng cũng chưa thấy hiểu thấu đáo, xin Hòa Thượng chỉ dạy."

Sư nói: "Chỗ Đại Thông nói đó cũng còn sự Thấy-Biết, nên khiến tâm người chưa hiểu thấu. Nay ta chỉ cho ông một bài kệ:

Chẳng thấy một pháp, giữ "Không Thấy"
Ví như đám mây che mặt trời
Chẳng biết một pháp, giữ "Không Biết"
Ví như trong không sanh điện nháy
Những cái "Thấy - Biết" thoát khỏi lên

Không rõ phương tiện, nên nhận quấy
Một niệm ông tự biết cái sai
Ánh sáng tự tâm thường hiển hiện

Trí Thường nghe rồi, tâm ý suốt thông, bèn làm kệ rằng:

Thoạt nhiên khởi thấy biết
Trước tướng tìm Bồ Đề
Tình còn một niệm "Ngộ"
Khó thoát mê thời xưa
Nguồn chánh giác Tự Tánh
Soi quấy luống trôi lăn
Không vào được nhà Tô
Khó khỏi lạc hai nơi

Một hôm Trí Thường hỏi Tô: "Bạch Hòa Thượng, Phật đã nói Pháp Ba Thừa, tại sao còn nói Pháp Tối Thượng Thừa nữa, đệ tử chưa rõ, cầu xin Hòa Thượng chỉ dạy."

Sư nói: " Ông hãy xem cái Bốn Tánh của ông, đừng cố chấp cái tướng của Pháp ở ngoài. Pháp vốn không có bốn thừa, chỉ cái tâm của người thế gian có nhiều bậc khác nhau.

Căn cứ ở chỗ thấy nghe mà đọc tụng kinh điển là người Tiểu Thừa. Hiểu pháp rõ nghĩa, là bậc Trung Thừa. Y theo pháp mà tu hành là người Đại Thừa. Muôn pháp đều thông, muôn pháp gồm đủ cả thấy chẳng nhiễm, lia các pháp tướng, một mảy không chỗ sở đắc là bậc Tối Thượng Thừa. Thừa có nghĩa là tâm thiết hành theo Đạo, chớ chẳng phải chỗ miêng tranh cãi biện bạch.

Ông phải tự tu, đừng hỏi ta vậy. Trong cả thấy thời gian, tánh mình giữ thanh tịnh tự nhiên như nhiên."

Trí Thường làm lễ tạ ơn, theo hầu hạ Đại Sư đến trọn đời ngài.

Sư Chí Đạo

Thầy tặng tên Chí Đạo, người ở Huyện Nam Hải, tỉnh Quảng Châu, đến cầu chỉ dạy và bạch rằng:

"Kẻ học này từ khi xuất gia, xem kinh Niết Bàn có trên mười năm mà chưa hiểu đại ý, xin Hòa Thượng chỉ dạy."

Sư nói: "Có chỗ nào mà người chưa hiểu?"

Tăng bạch: "Các sự hành động của tâm đều "không thường", ấy là pháp sanh diệt. Sanh diệt dứt rồi, vắng lặng là vui. Trong các điều ấy, đệ tử có chỗ nghi ngờ."

Sư nói: "Bởi có nào mà người sanh nghi?"

Tăng bạch: "Cả thầy chúng sanh đều có hai thân là sắc thân và pháp thân. Sắc thân không có thường tồn, có sanh có diệt. Pháp thân là thường tồn, không hay không biết. Kinh nói: "Sanh diệt dứt rồi, vắng lặng là vui.", chẳng biết thân nào vắng lặng, thân nào hưởng sự vui? Nếu là sắc thân, thì lúc sắc thân tiêu diệt, bốn chất rã tan, toàn nhiên là khổ. Mà khổ thì không thể nói vui được. Còn nếu là Pháp thân, thì tức là Pháp thân vắng lặng, tức giống như loài cỏ cây, ngói gạch. Thế thì cái chi hưởng sự vui? Lại Pháp tánh là cái thể của sự sanh diệt, năm uẩn là cái dụng của sự sanh diệt. Một cái thể, năm cái dụng, sanh diệt là thường: Sanh thì do thể mà khởi ra dụng, diệt thì thân dụng về thể. Nếu chịu sanh trở lại, tức là loài có tình, tâm niệm chẳng dứt chẳng tắt. Nếu chẳng chịu sanh trở lại, thì về cảnh vắng lặng đòi đòi, đồng với vật vô tình. Thế thì cả thầy các Pháp đều bị Niết Bàn ngăn ché, còn chẳng đặng sanh, có gì là vui."

Sư nói: "Ông là con nhà Thích, sao lại tập theo chỗ tà kiến (chấp Đoạn Kiến hay Thường Kiến) của người ngoại đạo mà bàn qua pháp Tối Thượng Thừa? Cứ theo chỗ ông nói, thì ngoài cái sắc thân riêng có cái Pháp thân, là chỗ sanh diệt, cầu nơi tịch diệt, lại nghĩ cảnh Niết Bàn là thường vui, nói rằng có cái thân thọ hưởng. Ấy là cô chấp tiếc thương chỗ sống chết quá nhiệm sự vui sướng thế gian."

Ông nay phải biết, Phật thầy cả thầy các người mê muội, nhận năm uẩn hòa hiệp làm các tướng của thân mình, phân biệt cả thầy các pháp là các tướng của thế gian ở ngoài, ưa sống ghét chết, niệm niệm đòi đòi, chẳng biết sự

mộng huyền giả dối, luống chịu sanh tử luân hồi, lấy cảnh Thường Vui Niết Bàn đổi lại làm Trạng Tướng Khổ Nảo và trọn ngày chỉ cầu ở ngoài.

Vì đó, Ngài mới động lòng thương xót mà chỉ cái Thiệt Vui Của Niết Bàn, trong một sát na không có tướng sanh, trong một sát na không có tướng diệt, lại cũng không có sự sanh diệt gì mà nên tắt dứt. Ấy là cái tâm vắng lặng hiện ra rõ ràng. Đương lúc cái tâm vắng lặng hiện ra rõ ràng, cũng không nghĩ tới chỗ hiện ra đó. Ấy gọi là Thường Vui.

Sự Thường Vui ấy không có thọ cảm, cũng không có chỗ chẳng thọ cảm, há có cái tên "Một Thê Năm Dụng" hay sao? Hà huống lại nói "Niết Bàn ngăn chế các pháp khiến cho đời đời chẳng sanh !" Ấy là nhạo Phật chế Pháp vậy. Hãy nghe ta kệ (Bản dịch của HT TTQ):

Vô Thượng Đại Niết Bàn
Tròn sáng, thường tịch chiếu
Phàm phu cho là chết
Ngoại đạo chấp làm đoạn
Các kẻ cầu nhị thừa
Cho rằng: Không Tạo Tác
Suy xét theo vọng tình
Sáu mươi hai tà kiến
Tạm lập danh giả dối
Không phải nghĩa chơn thiệt
Chỉ có bậc siêu việt
Thông suốt không thủ xả
Vì biết pháp ngũ uẩn
Cùng cái Ta ở trong
Ngoài bày các sắc tướng
Tất cả tướng âm thanh
Bình đẳng như mộng huyền
Không còn thấy Thánh Phàm
Chẳng nghĩ cảnh Niết Bàn
Hai việc, ba thời dứt
Hằng ứng dụng các căn
Vẫn không tướng là dụng
Phân biệt tất cả pháp
Vẫn không tướng phân biệt
Kiếp lửa, thiêu đáy biển
Gió thổi, núi chạm nhau

Chon thường, tịch diệt vui
Cảnh Niết Bàn như vậy
Ta nay gương nói ra
Khiến ông bỏ tà kiến
Ông chớ giải theo lời
Cho ông biết phân ít.

Chí Đạo nghe kệ rồi, tâm tánh rất tỏ sáng, không xiết vui mừng, bèn làm lễ lui ra.

Hạnh Tư Thiền Sư

Hạnh Tư Thiền Sư, con nhà họ Lưu, sanh trưởng tại huyện An Thành, phủ Kiết Châu, nghe đạo pháp của Tào Khê khai hóa thành hành, bèn đến làm lễ Đại Sư mà hỏi rằng: "Tu hành phải làm theo pháp nào, mới khỏi lạc vào giai cấp?"

Sư nói: "Ông từng làm theo pháp nào?"

Tăng bạch: "Pháp Thánh Đế (Bốn Diệu Đế), tôi cũng chẳng làm theo đó."

Sư nói: "Lạc vào giai cấp nào?"

Tăng bạch: "Pháp Thánh Đế còn chẳng làm theo, thì đâu có giai cấp!"

Đại Sư rất trọng người lợi căn, bảo Hạnh Tư làm đầu đại chúng. Một ngày kia, Sư kêu Hạnh Tư mà dạy rằng: "Ông phải tách ra, đi hóa độ một phương, đừng để mỗi Đạo đoạn tuyệt."

Hạnh Tư đã đắc pháp, bèn trở về núi Thanh Nguyên, phủ Kiết Châu, mà hoằng hóa độ sanh. Sau khi tịch, người được tặng là Hoàng Tế Thiền Sư

Hoài Nhượng Thiền Sư

Hoài Nhượng Thiền Sư, con nhà họ Đỗ, ở huyện Kim Châu, ban sơ đến viếng An Quốc-Sư ở núi Tung Sơn. An Quốc Sư gọi Thiền Sư qua Tào Khê viếng Huệ Năng Lục Tổ. Hoài Nhượng đến làm lễ.

Sư hỏi rằng: " Ở xứ nào đến đây?"

Tăng bạch : " Núi Tung Sơn."

Sư hỏi rằng: " Có việc gì? Đến đây làm chi?"

Tăng bạch: "Nói dường có một việc thì không trúng."

Sư nói: "Còn tu chứng, phải chăng ?"

Tăng bạch: "Tu chứng thì chẳng phải là không có, còn nói nhiệm trước thì không đặng."

Sư nói: "Chỉ có sự chẳng nhiệm trước ấy là chỗ hộ niệm của Chư Phật vậy. Ông đã như thế, ta cũng như thế. Đức Bác Nhã Đa La (Tổ thứ 27) bên Tây-Thiên-Trước có lời sấm rằng: "Dưới chân ông sẽ sanh ra một con ngựa tơ mạnh mẽ, đạp giết người trong thiên hạ. Đó là điềm ứng tại tâm ông, chẳng cầu vội nói."

Hoài Nhượng Thiền Sư liền suốt thông, hiểu rõ điều ấy, mới theo hầu hạ Đại Sư trên mười lăm năm. Một ngày kia, đạt được chỗ huyền ảo. Sau Thiền Sư qua núi Nam Nhạc, mở rộng cửa Thiền Tông. Sau khi viên tịch rồi, người được sắc phong là Đại Huệ Thiền Sư.

Vĩnh Gia Huyền Giác Thiền Sư

Vĩnh Gia Huyền Giác Thiền Sư, con nhà họ Đái, ở huyện Vĩnh Gia, phủ Ôn Châu. Lúc còn trẻ, học tập kinh luật, chuyên về pháp môn Thiên Thai Chỉ Quán. Nhon xem kinh Duy Ma mà đặng tỏ sáng tâm tánh. Tình cờ gặp đệ tử của Đại Sư là Huyền Sách. Huyền Giác phỏng vấn và luận đàm kịch liệt, mỗi lời nói ra đều ám hiệp với tông chỉ của các vị Tổ Sư.

Huyền Sách hỏi: "Nhơn giả đắc Pháp với nhà sư nào?"

Huyền Giác đáp: "Tôi nghe kinh luận của môn Phương Đẳng, mỗi chỗ đều có thầy chỉ dạy. Sau nhờ xem kinh Duy Ma mà hiểu rõ được tông Phật Tông, nhưng chưa có người chứng minh."

Huyền Sách nói: "Từ đời Phật Oai Âm Vương sắp về trước, tự mình tỏ sáng thì được, còn từ đời Phật Oai Âm Vương sắp về sau, không có thầy truyền, mà tự mình tỏ sáng, ấy tự nhiên là ngoại đạo."

Đáp: "Xin nhơn giả trung bằng có cho tôi biết."

Huyền Sách nói: "Chỗ tôi nói e còn sơ thất. Ở Tào Khê có Lục Tổ Đại Sư, bốn phương đều quy tụ nơi đó mà thọ pháp với Ngài. Nếu nhơn giả muốn đến đó, thì tôi cũng đi với."

Cả hai đồng đến viếng Tổ Sư. Huyền Giác đi xung quanh Tổ Sư ba vòng, rồi chống tích trượng mà đứng.

Đại Sư nói: "Phàm làm thầy Sa môn thì phải giữ đủ ba ngàn oai nghi, tám muôn tế hạnh. Đại Đức ở phương nào đến đây mà sanh lòng ngã mạn lớn vậy?"

Huyền Giác bạch: "Sanh tử là việc lớn, sự vô thường là mau chóng."

Sư nói: "Sao chẳng thể theo tánh không sanh của mình và tỏ ráo tánh không mau chóng của mình?"

Huyền Giác bạch: "Thể theo tánh mình tức là không sanh, tỏ ráo tánh mình vốn không mau chóng."

Sư nói: "Phải vậy ! Phải vậy !"

Huyền Giác mới dùng đủ oai nghi mà lễ bái, kể một lát xin cáo từ.

Sư nói: " Sao trở về rất chóng vậy?"

Huyền Giác bạch: "Cái tánh Bản lai tự nó chẳng phải động, há có chỗ chóng sao?"

Sư nói: " Ai biết nó chẳng phải động?"

Huyền Giác bạch: "Nhơn giả tự sanh lòng phân biệt."

Sư nói: "Ông rất đặng cái ý vô sanh."

Huyền Giác bạch: " Vô sanh há có ý sao?"

Sư nói: "Không có ý thì lấy chi mà phân biệt ?"

Huyền Giác bạch: "Phân biệt cũng chẳng phải là ý."

Sư nói: "Hay thay ! Hãy ở lại đây nữa ít nhất là một đêm."

Lúc bấy giờ, gọi là một đêm Giác. Sau Vĩnh Gia Thiền Sư có làm bài ca chứng đạo, truyền bá ở thế gian rất thanh hành. Sau khi tịch, người đặng sắc tặng là Vô Tướng Đại Sư. Lúc bấy giờ, người ta xưng là Chơn Giác Thiền Sư.

Trí Hoàng Thiền Sư

Thiền giả tên Trí Hoàng, ban sơ đến viếng Ngũ Tổ, tự gọi mình đã được chánh thọ. Người ngồi trường trong am trọn hai mươi năm.

Đệ tử của Đại Sư là Huyền Sách đi du phương đến Hà Sóc, nghe danh Trí Hoàng cát am, bèn tìm tới mà hỏi rằng: "Thầy làm gì ở đây?"

Trí Hoàng đáp: "Nhập Định."

Huyền Sách nói: "Thầy nói nhập định, nhưng hữu tâm mà nhập hay là vô tâm mà nhập. Nếu vô tâm mà nhập, thì cả thầy các loài vô tình như cây cỏ ngói gạch cũng định được. Còn nếu hữu tâm mà nhập, thì các loài hữu tình hàm thức cũng định được."

Trí Hoàng nói: "Chánh lúc tôi nhập định, không thấy cái tâm hữu vô."

Huyền Sách nói: "Không thấy cái tâm hữu vô tức là Thường Định, nào có xuất nhập ! Nếu có xuất nhập tức chẳng phải là Đại Định."

Trí Hoàng không trả lời. Một hồi lâu hỏi rằng: "Thầy của nhơn giả là ai?"

Huyền Sách nói: "Thầy của tôi là Lục Tổ ở Tào Khê."

Trí Hoàng hỏi: "Lục Tổ lấy pháp gì làm Thiền Định?"

Huyền Sách nói: "Cứ theo chỗ thầy tôi nói: "Thiền Định là tánh rất trong sạch, hoàn toàn vắng lặng, thể dụng như như, năm uẩn vốn không, sáu trần chẳng có, không xuất không nhập, không định không loạn. Tánh Thiền không trụ, lìa cái niệm tưởng về chỗ trụ thiền. Tánh Thiền không sanh, lìa cái niệm tưởng về chỗ sanh thiền. Lòng như trống không, cũng không nghĩ đến chỗ trống không."

Trí Hoàng nghe nói vậy, bèn đi ngay đến viếng Tổ Sư.

Sư hỏi rằng: "Nhơn giả ở đâu lại?"

Trí Hoàng thuật đủ nhơn duyên do đã kể trước.

Sư nói: "Quả thật như chỗ nói ấy. Nếu ông giữ cái tâm trống không chẳng dính níu chỗ thấy không, ứng dụng thông suốt, không trở ngại, động tịnh đều vô tâm, phàm thánh đều quên dứt, tâm năng tâm sở đều diệt trừ, tánh tướng tự nhiên không động, thì không có lúc nào là chẳng định."

Trí Hoàng nghe rồi, lòng rất tỏ sáng, xem lại chỗ sở đắc của mình trong hai mươi năm đều không có ảnh hưởng chi cả. Đêm ấy, tại Hà Bắc, các quan dân nghe trên không trung có tiếng rằng: Trí Hoàng Thiên Sư ngày nay đắc đạo.

Sau Trí Hoàng làm lễ từ giã Đại Sư, lại trở về Hà Bắc mà khai hóa tứ chúng.

Hiếu Phật Pháp

Có một thầy tăng hỏi Đại Sư rằng: " Người nào đặt cái ý chỉ của Đức Huỳnh Mai?"

Sư rằng: "Người hiếu Phật Pháp đặt."

Bạch: "Phải Hòa Thượng đặt chăng?"

Sư nói: "Ta không hiểu Phật Pháp."

Phương Biện

Một ngày kia, Sư muốn giặt cái Pháp Y của Ngài đã được truyền thọ, mà không tìm được cái suối trong. Nhơn đi đến sau chùa ước năm dặm, thấy núi rừng rậm rạp, thoai khí bao giăng, Sư xóc cây tích trượng xuống đất, mạch suối liền ứng theo tay mà chảy ra, chứa đầy thành ao. Sư quỳ gối trên tảng đá mà giặt áo. Bỗng đâu có một thầy tăng đến làm lễ và nói rằng: Tôi là Phương Biện, người ở Tây Thục, ngày hôm qua thấy Đức Đạt Ma Đại Sư ở Nam Thiên Trước dặn Phương Biện này mau qua Đường Độ, Ngài nói: "Cái Chánh Pháp Nhân Tạng của Tổ Đại Ca Diếp mà ta đã truyền, và cái Pháp y, ta đã truyền xuống tới đời Tổ Thứ Sáu, tại Tào Khê, tỉnh Thiều

Châu. Ông hãy đến đó mà chiêm lễ." Phương Biện này ở phương xa đến, xin xem y bát của thầy tôi đã truyền.

Sư lấy y bát ra chỉ, rồi hỏi rằng: "Thượng non hay giỏi về nghề gì?"

Bạch: "Hay về nghề nắn hình."

Sư tỏ vẻ nghiêm nghị, nói rằng: "Ông hãy nắn thử coi."

Phương Biện bối rối, không biết nắn cách thế nào. Trải qua mấy ngày mới nắn xong chơn tượng, bề cao bảy tấc, khúc nào cũng thật khéo.

Sư cười mà nói rằng: "Ông chỉ hiểu cái tánh nắn hình, mà chẳng hiểu cái tánh Phật."

Sư thung dung lấy tay chà nơi đỉnh đầu Phương Biện mà nói rằng: "Hãy làm việc phước điền nơi cõi người và cõi trời cho lâu dài."

Rồi Sư lại lấy một cái áo mà đèn ơn cho Phương Biện.

Phương Biện lấy áo xé làm ba đoạn, một đoạn choàng vào hình nắn, một đoạn để lại cho mình, một đoạn đựng vào hộp cây Tông (loại cây Kè-nd) mà chôn xuống đất, và thề rằng: "Sau tìm được mảnh áo này, tức là ta ra đời mà trụ trì nơi đây, và sửa lại ngôi chùa vậy."

(Phần bổ túc từ kinh dịch của HT TQ)

Đến đời Tống, niên hiệu Gia-Hựu, năm thứ tám, có một vị tăng tên Duy Tiên, đào đất để sửa chùa, gặp được y hũy còn như mới.

Riêng chơn tượng của Đức Lục Tổ về sau thờ tại chùa Cao Tuyền, linh thiêng vô lượng, những người chánh tâm cầu khẩn, đều được toại nguyện.

Ngọa Luân Thiên Sư

Có một thầy tăng cát tiếng đọc bài kệ khen Ngọa Luân Thiên Sư rằng:

Ngọa Luân tài rất hay
Dứt được cả tư tưởng
Đối cảnh lòng không động
Bồ Đề ngày vượng lớn

Sư nghe kệ, nói rằng: "Bài kệ ấy chưa tỏ sáng Bản Tâm. Nếu y theo đó mà tu hành, thì thêm sự ràng buộc."

Nhơn đó, sư nói kệ rằng:

Huệ Năng tài chẳng hay
Không dứt cả tư tưởng
Đổi cảnh, động lòng hoài
Bồ Đề đâu vướng lớn ?

8. Phẩm Đón Tiệm

(Pháp tu chứng quả tức khắc và Pháp tu chứng quả từ bậc.)

Lúc Tổ Sư ở chùa Bửu Lâm tại Tào Khê, thì Thần Tú Đại Sư ở chùa Ngọc Tuyền tại Kinh Nam. Bảy giờ, cả hai phái đều diễn hóa rất thanh hành. Người người đều xưng Nam Năng Bắc Tú, cho nên mới phân hai phái Đón và Tiệm ở phương Nam và phương Bắc. Nhưng các học giả chưa biết được cái tông thú.

Tổ Sư mới gọi đại chúng mà bảo rằng: "Pháp vốn là một tông, còn người thì có Nam và Bắc. Pháp tức là một giống, còn chỗ thấy thì có mau chậm. Pháp không có mau chậm. Bởi con người có tánh sáng tối, cho nên mới gọi là Mau Chậm."

Nhưng các môn đồ của Sư Thần Tú thường chê Tổ Sư phái Nam Tông là dốt, không biết một chữ, có chỗ nào hay đâu !

Sư Thần Tú bảo chúng rằng: "Lục Tổ người đặng cái trí vô sư (Không thầy dạy mà sáng biết-nd), thâm ngộ Pháp Thượng Thừa, ta đây chẳng bằng người vậy. Vả thầy ta là Ngũ Tổ đích thân truyền y pháp cho người, há phải là việc vô cơ sao? Ta tiếc vì không đi xa được mà gần gũi với người, nên phải đành chịu ân huệ của vua. Các ông chớ trì trệ ở đây, khá qua Tào Khê viếng Lục Tổ mà nghe lời khẩu quyết.

Một ngày kia, sư Thần Tú bảo môn nhơn là Chí Thành rằng: "Ông thông minh, đa trí, khá vì ta mà đến Tào Khê mà nghe pháp. Nếu nghe đặng chỗ nào, hãy hết lòng nhớ lấy, rồi trở về nói lại cho ta rõ."

Chí Thành vâng mạng đến Tào Khê, nhập theo đại chúng đến viếng và cầu dạy, nhưng chẳng nói ở đâu lại. Khi ấy, Tổ Sư bảo chúng nhơn rằng: "Nay có kẻ trộm pháp ẩn tại hội này."

Chí Thành liền bước ra làm lễ, và bày tỏ hết các việc của Sư Thần Tú dặn.

Sư rằng: "Ông ở chùa Ngọc Tuyên đến, lễ ung là đạo thám."

Đáp: "Chẳng phải vậy."

Sư nói: "Sao đặng gọi là chẳng phải?"

Đáp: "Chưa nói ra thì phải như thế, nói ra rồi thì chẳng phải vậy."

Sư hỏi: "Thầy ông dạy chúng thế nào?"

Đáp: "Thường chỉ dạy đại chúng trụ tâm quán tịnh, ngồi mãi không nằm."

Sư nói: "Trụ tâm quán tịnh, ấy là bệnh, chẳng phải Thiên. Thường ngồi là câu thúc cái thân, đối với đạo lý, có ích chi đâu !

Hãy nghe ta kệ:

Khi sống, ngồi không nằm

Khi chết, nằm không ngồi

Gốc thiệt đồ xương thú

Làm sao lập công, tội ?"

Chí Thành lại làm lễ mà bạch rằng: "Kẻ đệ tử theo ở với Thần Tú Đại Sư, học Đạo chín năm, mà chẳng đặng tỏ sáng. Nay nghe Hòa Thượng nói một lần, liền tỏ sáng Bản tâm. Việc sống thác là lớn, đệ tử xin Hòa Thượng mở lượng từ bi chỉ dạy."

Sư rằng: "Ta nghe nói thầy của ông dạy pháp Giới Định Huệ cho các học giả, nhưng chưa rõ thầy ông nói cái hạnh tướng của Giới Định Huệ như thế nào. Hãy nói lại cho ta nghe."

Chí Thành bạch: "Tú Đại Sư nói: Các điều dữ chớ làm, gọi là giới. Các điều lành vâng làm, gọi là Huệ. Giữ ý mình trong sạch, gọi là Định. Thầy tôi nói như vậy, chưa rõ Hòa Thượng dùng pháp nào mà dạy người?"

Sư nói: "Nếu ta nói có pháp dạy người, tức là nói dối với ông. Ta chỉ tùy phương tiện mà giải thoát cho người. Phương tiện ấy giả gọi là Tam Muội. Cứ như chỗ thầy ông nói về môn Giới Định Huệ thiết không thể nghĩ bàn được. Chỗ ta nói về Giới Định Huệ lại khác."

Chí Thành bạch: "Giới Định Huệ chỉ hợp có một thứ, thế nào lại khác?"

Sư nói: "Pháp Giới Định Huệ của thầy ông để tiếp độ người đại thừa. Còn pháp Giới Định Huệ của ta để tiếp độ người Tối Thượng Thừa. Chỗ tỏ hiểu không đồng, chỗ thấy có mau chậm. Ông nghe chỗ ta nói với chỗ thầy ông nói, có đồng nhau chăng? Chỗ ta nói pháp không lìa tánh mình. Lìa Bản Thể mà nói pháp, là trước tướng mà nói, thế thì tánh mình thường mê. Phải biết muôn pháp đều do tánh mình mà khởi dụng, thế mới thiết là pháp Giới Định Huệ. Hãy nghe ta kệ:

Tâm Địa không quấy, thì tánh mình Giới

Tâm Địa không si, thì tánh mình Huệ

Tâm Địa không rồi, thì tánh mình Định

Không thêm, không bớt, thì tánh mình Kim Cang

Không tới không lui, vốn là Tam Muội.

Chí Thành nghe kệ rồi, ăn năn cảm ơn, và trình kệ rằng:

Năm uẩn huyền thân này

Huyền nào mong cứu cánh?

Trở thú tánh chơn như

Pháp còn chưa thật tịnh

Sư khen phải, lại nói với Chí Thành rằng: "Pháp Giới Định Huệ của thầy ông để khuyên các người căn trí nhỏ, còn pháp Giới Định Huệ của ta để khuyên các người căn trí lớn. Nếu mình tỏ sáng tánh mình, thì chẳng nên

lập Bồ Đề Niết Bàn, cũng chẳng nên lập Giải Thoát Tri Kiến. Không có một pháp nào tìm được ở trong tánh mình, và mới tạo lập được muôn pháp. Nếu hiểu được cái ý chỉ ấy, thì gọi là Phật thân, cũng gọi là Bồ Đề Niết Bàn, là Giải Thoát Tri Kiến. Người thấy tánh lập ra cũng đặng, chẳng lập ra cũng đặng. Đi lại tự do, không ngừng, không ngại, phải chỗ dùng thì tùy cơ mà làm, phải chỗ nói thì tùy cơ mà đáp, hiện khắp hóa thân mà chẳng lìa tánh mình, tức là đặng Tự Tại Thần Thông Du hí Tam Muội. Ấy gọi là thấy tánh.

Chí Thành lại bạch: "Cái nghĩa chẳng lập là sao?"

Sư nói: "Tánh mình không quấy, không si mê, không tán loạn, niệm niệm trí huệ thường soi, thường lìa pháp tướng, tự do tự tại, dọc ngang đều ứng đối đặng cả, thì có pháp nào mà đặng lập? Tánh mình tự tỏ sáng, tỏ liền tu liền, cũng không lần lượt theo thứ lớp. Sở dĩ nên chẳng lập cả thấy các pháp. Các pháp đều vắng lặng, thì có gì là thứ lớp.

Chí Thành làm lễ, nguyện theo hầu hạ Tổ Sư, sớm tối không bê trễ.

Thầy tăng Chí Triệt, người ở Giang Tây, họ Trương, tên Hạnh Xương, còn trẻ mà có tánh thành thật và can đảm.

Từ khi Nam Bắc chia rẽ việc hóa độ, hai vị tông chủ tuy không phân nhơn ngã, nhưng các môn đồ cùng tăng tử của hai phái thường cạnh tranh và sanh lòng yêu ghét nhau. Lúc bấy giờ, môn nhơn phái Bắc tông tôn Sư Thần Tú làm Tổ thứ Sáu, nhưng còn hiem Huệ Năng Tổ Sư vì được truyền y-bát làm cho thiên hạ đều hay, nên sai Hạnh Xương đến thịch khách Đại Sư. Đại Sư có Tha Tâm Thông, biết trước việc ấy, nên bảo một vị đệ tử cư sĩ thân tín lấy mười lượng vàng, để sẵn nơi chỗ ngồi. Lúc đêm khuya, Hạnh Xương vào phòng Tổ Sư và toan muốn làm hại. Sư đưa ngay cổ cho chém ba lần, mà không phạm chỗ nào cả.

Sư nói: "Gươm chánh không dùng vào việc tà, gươm tà không dùng vào việc chánh được. Ta chỉ thiếu ông vàng, chớ không thiếu ông nợ mạng."

Hạnh Xương hoảng kinh ngã ngửa, một hồi lâu mới tỉnh lại, bèn cầu khẩn ăn năn tội lỗi, và liền nguyện xuất gia.

Sư lấy vàng cho và nói: "Ông đã phạm trọng tội. Ông hãy đi, sợ e đồ chúng hại ông. Một ngày kia, ông khá đổi hình dạng, rồi đến đây, ta sẽ nhận và độ ông."

Hạnh Xương vâng theo ý Đại Sư, đêm ấy trốn đi. Sau Hạnh Xương xuất gia làm tăng, thọ Cụ túc Giới, và tu hành rất tinh tấn. Một ngày kia, nhớ lời Sư dạy, Hạnh Xương từ phương xa đến làm lễ ra mắt Ngài.

Sư nói: "Ta có lòng nhớ ngươi đã lâu, sao ngươi tới muộn?"

Hạnh Xương bạch: "Ngày trước nhờ ơn Hòa Thượng tha tội, nay tuy xuất gia khổ hạnh, nhưng sau này đệ tử ắt khó trả được cái ân đức ấy, chỉ mong Tổ Sư truyền pháp để độ chúng sanh mà thôi."

Đệ tử thường xem kinh Niết Bàn mà chưa hiểu cái nghĩa Thường và Vô Thường, xin Hòa Thượng từ bi lược giải cho."

Sư nói: "Vô Thường tức là Phật Tánh. Hữu Thường là cái tâm phân biệt cả thấy các pháp thiện ác vậy."

Hạnh Xương bạch: "Chỗ Hòa Thượng nói rất trái với kinh văn."

Sư nói: "Ta truyền cái tâm ấn Phật, đâu dám nói trái với kinh Phật !"

Hạnh Xương bạch: "Kinh nói Phật tánh là Thường, Hòa Thượng lại nói là Vô Thường. Các pháp thiện ác cho đến cái tâm Bồ Đề là Vô Thường, Hòa Thượng lại nói là Thường. Mấy lời ấy trái nghịch nhau, khiến kẻ học này thêm nghi hoặc."

Sư nói: " Kinh Niết Bàn, xưa ta nghe Ni Cô Vô Tận Tạng tụng một biến, thì có giảng thuyết cho người nghe. Chỗ ta nói không có một chữ một nghĩa nào mà chẳng hợp với kinh văn. Nay ta giảng cho ông nghe, thì cũng toàn một nghĩa không hai."

Hạnh Xương bạch: "Kẻ học này, sức hiểu biết còn cạn tối, xin Hòa Thượng chỉ dạy chu đáo."

Sư nói: "Ông biết chăng, nếu Phật Tánh là Thường, thì nói làm chi các pháp Thiện Ác, lại sao đến cùng kiếp, không có một người phát Bồ Đề Tâm? Cho nên ta nói là Vô Thường, mà chính Phật nói là Đạo Chơn Thường. Lại nếu các Pháp là Vô Thường, tức vật vật đều có tự tánh, gồm chịu sự sống chết,

mà cái tánh Chơn Thường có chỗ chẳng biến khắp. Cho nên ta nói là Thường, mà đó Phật nói cái nghĩa Chơn Vô Thường vậy. Vì các người phàm phu ngoại đạo chấp nơi Tà Thường, các người trong Nhị Thừa đối với Thường kể là Vô Thường, chỗ mê chấp của hai phái cộng lại thành tám điều trái ngược, cho nên trong bài Liễu Nghĩa Giáo ở Kinh Niết Bàn, Phật phá chỗ thiên kiến mà nói rõ chỗ Chơn Thường, Chơn Lạc, Chơn Ngã, Chơn Tịnh.

Ông nay y theo lời nói mà lại hiểu trái nghĩa. Ông nhận lấy chỗ Đoạn Diệt Vô Thường và định chắc cái Tử Thường, mà hiểu lầm huyền vi viên diệu của Phật nói lần sau cùng. Như thế, dầu xem kinh ngàn biến, nào có ích gì?"

Hạnh Xương hốt nhiên rất tỏ sáng, liền nói kệ rằng:

Người chấp "Vô Thường Tánh"

Phật nói: "Hữu Thường Tâm"

Chẳng dè Phương Tiện Pháp

Ao Xuân lượm sỏi, làm

Ta nay công chẳng dụng

Phật Tánh, hiện rõ ràng

Chẳng nhờ sự chỉ giáo

Ta đâu biết rõ đường.

Sư lại nói: "Ông nay đã thông triệt, nên đặt tên là Chí Triệt."

Tăng Chí Triệt làm lễ tạ ơn, rồi lui ra.

Có một đồng tử tên là Thần Hội, con nhà họ Cao, ở huyện Tương Dương, mười ba tuổi, từ chùa Ngọc Tuyền đến làm lễ Đại Sư.

Sư hỏi: "Trí thức ở phương xa đến, thiết là khó nhọc, mà có phục đặng tánh Bản Lai chăng? Nếu có gốc, thì phải biết ngôi Chủ. Hãy nói thử ta nghe."

Thần Hội bạch: "Lấy không trụ làm gốc, thấy tức là chủ."

Sư nói: "Gã Sa di này tranh chỗ đối chiếu mà nói bướng."

Thần Hội liền hỏi: "Hòa Thượng ngồi Thiền, thấy hay chẳng thấy?"

Sư lấy gậy đánh Thần Hội ba gậy mà hỏi rằng: "Ta đánh ông đau hay chẳng đau?"

Đáp: "Cũng đau mà cũng chẳng đau."

Sư nói: "Ta cũng thấy mà cũng chẳng thấy."

Thần Hội hỏi: "Cũng thấy mà cũng chẳng thấy, nghĩa là sao?"

Sư nói: "Ta thấy, là thường thấy các tội lỗi của tâm mình, mà chẳng thấy các điều phải quấy, tốt xấu của người. Bởi vậy, cũng thấy mà cũng chẳng thấy. Ông nói "Cũng đau mà cũng chẳng đau" nghĩa là sao? Nếu ông chẳng biết đau, thì đồng với loài cây đá; Mà biết đau thì đồng với kẻ phàm phu, liền sanh giận hờn. Cứ như chỗ ông hỏi trước: Thấy hay chẳng thấy? là còn chấp hai bên. Chỗ ông nói: Cũng đau mà cũng chẳng đau, ấy là còn sanh diệt. Cái Tự Tánh của ông mà ông chẳng thấy, sao dám khinh dễ người?"

Thần Hội lay và ăn năn xin lỗi.

Sư nói: "Nếu ông vì tâm mê, chẳng thấy tánh mình, thì hỏi bực Thiệt Tri Thức mà tìm đường Chánh Giác. Còn nếu như ông tỏ sáng, tự thấy tánh mình, thì y theo pháp mà tu hành. Ông tự mê, chẳng thấy tâm mình, trở lại hỏi ta thấy cùng chẳng thấy. Ta thấy, ta tự biết, há thể được cái mê của ông hay sao? Còn nếu ông tự thấy, cũng chẳng thể cái mê của ta được. Sao chẳng tự biết tự thấy, lại hỏi ta thấy cùng chẳng thấy?"

Thần Hội làm lễ một lần nữa, lay Tổ Sư hơn một trăm lay, xin tha tội lỗi, lại cần mẫn theo hầu hạ Ngài chẳng rời.

Một ngày kia, Sư bảo đồ chúng rằng: "Ta có một vật không đầu không đuôi, không tên không chữ, không mặt không trái, các ông biết chăng?"

Thần Hội bước ra bạch rằng: "Ấy là cái Bản Nguyên của Chư Phật, là cái Phật Tánh của Thần Hội."

Sư nói: "Ta đã nói với ông "Vật không tên, không chữ", ông lại kêu là Bồn Nguyên, là Phật Tánh! Ông đâu có bước tới đường chánh, thì cũng như người lấy tranh mà che đầu (*không biết cái nào quý hơn cái nào, như người lấy bức tranh quý mà che đầu lúc trời mưa làm hỏng cả- nạn ngữ Trung Hoa -ndm*), chỉ trở thành người tông đồ hiểu biết (Phật Pháp-nd) mà thôi."

Sau khi Tổ Sư tịch rồi, Thần Hội vào thành Lạc Dương, mở rộng môn Đôn Giáo Tào Khê, làm sách Hiền Tông Ký, truyền bá ở thế gian rất thanh hành. Người xưng là Hà Trạch Thiên Sư.

Một khi Đại Sư thấy môn đồ các phái vẫn nạn nhau, đều khởi lòng ác. Có nhiều người tụ tập dưới ghế Sư ngồi.

Sư động lòng thương mà bảo rằng: "Người học Đạo, thì cả thầy các niệm thiện niệm ác đều phải bỏ hết. Không có tên nào mà gọi được, cái tên ở nơi tánh mình. Cái tánh Không Hai (Không yêu, không ghét-nd), ấy gọi là Thật Tánh. Do nơi Thật Tánh mà lập ra cả thầy giáo môn. Vậy khi nghe nói pháp rồi, thì phải liền thấy tánh mình."

Các người nghe nói, cả thầy đều làm lễ, xin thờ Đại Sư làm thầy.

9. Phẩm Hộ Pháp (**Ứng hộ Chánh Pháp của Phật**)

Niên hiệu Thần Long, năm đầu, ngày rằm Thượng Ngươn, Tắc Thiên Hoàng Thái Hậu, và Trung Tôn Hoàng Đế ra lời chiếu rằng:

"Trẫm thỉnh An, Tú (Huệ An và Thần Tú-nd) nhị vị Đại Sư vào cung đặng cúng dường. Nhơn lúc rảnh các việc quốc chánh, chúng ta mỗi người sẽ khảo về Đạo Nhất Thừa (Đạo Phật). "

Hai Sư suy nghĩ và dâng sớ nhượng rằng:

"Ở phương Nam có Huệ Năng Thiên Sư được mật thọ (truyền kín-nd) y pháp của Hoàng Nhãn Đại Sư. Ấy là người truyền tâm ấn của Phật. Vậy nên thỉnh sư mà hỏi Đạo."

Vua sai nội thị là Tiết Giản đem chiếu tiếp rước, xin Tổ Sư từ bi niệm tình mau đến Kinh Sư.

Đại Sư dâng sớ cáo bệnh xin từ, nguyện trọn đời ở chốn rừng non.

Tiết Giản bạch: "Ở Kinh thành, các vị Thiên Đức đều nói rằng: " Muốn đăng tâm ngộ Đại Đạo tất phải ngồi Thiền tập Định. Nếu chẳng nhờ Thiền Định mà đăng giải thoát, thì điều ấy chưa từng có, chẳng biết chỗ Sư nói Pháp thế nào?"

Sư nói: "Đạo do tâm mà ngộ (tỏ sáng), đâu phải do chỗ ngồi. Kinh nói: "Nếu nói Như Lai hoặc ngồi hoặc nằm, ấy là làm tà đạo. Bởi có sao? Không do chỗ nào mà lại, cũng không do chỗ nào mà đi, không sanh không diệt, ấy là tánh Như Lai Thanh Tịnh Thiền. Các Pháp đều vắng lặng trống không, ấy là tánh Như Lai Thanh Tịnh Tọa. Thế là cứu cánh không chứng đắc, hà huống là ngồi!"

Tiết Giản bạch: "Đệ tử về kinh, chúa thượng ắt hỏi. Xin Tổ Sư từ bi dạy chỗ yếu chỉ về tâm tánh, đăng truyền tâu lại lưỡng cung (mẹ vua và vua-nd) cùng các vị học đạo trong kinh thành. Tỷ như một ngọn đèn nhen ra trăm ngàn ngọn, các chỗ tối đều sáng, sáng sáng không cùng."

Sư nói: "Cái Đạo không sáng tối. Sáng tối là cái nghĩa thay thế. Sáng-sáng-không-cùng cũng là có cùng. Hai cái tối-sáng đối đãi nhau mà lập ra cái tên, cho nên kinh Tịnh Danh nói: "Cái Pháp không có chi sánh, không có gì tương đối được."

Tiết Giản nói: "Sáng tỉ như trí tuệ. tối tỉ như phiền não. Người tu hành ví như không lấy trí tuệ mà chiếu phá phiền não, thì nhờ đâu mà ra khỏi chỗ vô tử sanh tử (sự sống chết không cùng-nd)?"

Sư nói: "Phiền não tức là Bồ Đề, chẳng phải hai và chẳng phải khác nhau. Lấy trí huệ mà chiếu phá phiền não là chỗ thấy hiểu của hàng nhị thừa, là cái căn cơ của bậc Thánh Văn và Duyên Giác. Bậc Đại Trí Thượng Căn chẳng phải làm như vậy."

Tiết Giản bạch: "Chỗ thấy hiểu của bậc Đại Thừa là thế nào?"

Sư nói: "Sáng và không sáng, người phàm thấy có hai, còn người trí rõ thông, thấy cái tánh sáng và không sáng chẳng phải là hai. Cái tánh Không Hai tức Thật Tánh. Cái Thật Tánh ở nơi phàm ngu mà chẳng bớt, ở nơi

Hiền Thánh mà chẳng thêm, ở nơi phiền não mà chẳng rối, ở nơi cảnh thiên định mà không lạng, chẳng dứt chẳng thường, chẳng lại chẳng đi, chẳng phải ở giữa, ở trong hay ở ngoài, chẳng sanh chẳng diệt, tánh và tướng đều tự nhiên như nhiên, thường trụ, không dời đổi. Cho nên gọi cái Thật Tánh là Đạo."

Tiết Giản bạch: "Su nói cái lý chẳng sanh chẳng diệt, trong đó có chỗ nào khác với cái thuyết của ngoại đạo chẳng?"

Su nói: "Chỗ người ngoại đạo nói chẳng sanh chẳng diệt, ấy là đem cái diệt mà dứt cái sanh, lấy cái sanh mà bày rõ cái diệt, nhưng diệt mà cũng như chẳng diệt, sanh mà nói chẳng sanh. Còn ta nói chẳng sanh chẳng diệt, nghĩa là cái Bản Lai vốn tự không sanh, nay cũng chẳng diệt. Do đó cái thuyết sanh diệt của ta chẳng giống cái thuyết sanh diệt của người ngoại đạo. Ông muốn biết chỗ yếu chỉ của tâm, thì đừng nghĩ tính đến cả thấy các điều thiện ác. Như thế, tự nhiên đặng vào cái tâm thể trong sạch, phẳng bằng vắng lặng, linh diệu vô cùng."

Tiết Giản nhờ Su chỉ dạy, tâm tánh hoá nhiên rất tỏ sáng, làm lễ từ giã về kinh đô, dâng biểu tâu các lời Su giảng.

Ngày mồng ba, tháng chín trong năm ấy, có lời chiếu dụ rằng:

"Su đã cáo từ bởi già bệnh, vậy hãy vì trẫm mà hành đạo, để tạo phước điền cho nước nhà. Đại Su cũng như Su Tịnh Danh (ngài Duy Ma Cật-nd) mặc dầu bệnh hoạn cũng ở tại Tì Da Ti mà xiển dương môn đại thừa, truyền tâm ấn của Chư Phật và nói pháp Chẳng Hai.

Tiết Giản có truyền lại chỗ Su chỉ dạy về cái tri kiến Phật. Trẫm nhờ chứa điều lành có phước dư và kiếp trước đã có trồng cội lành nên nay khiến gặp Su ra đời, mà đặng liền hiểu rõ pháp Thượng Thừa. Trẫm rất cảm đội ơn Su, chẳng bao giờ quên. Trẫm xin dâng cho Su một cái áo Ca Sa và một cái chén bằng thủy tinh.

Trẫm ra lệnh cho quan Thứ Sử ở Triều Châu sửa sang miếu tự, và sắc tứ cho chùa cũ của Su ở, hiệu là Quốc Ân Tự."

10. Phẩm Phú Chúc

(Lời dặn về Trao Pháp và cách truyền bá, duy trì Phật Đạo)

Một ngày kia, Đại Sư gọi các môn nhơn: Pháp Hải, Chí Thành, Pháp Đạt, Thần Hội, Trí Thường, Trí Thông, Chí Triệt, Chí Đạo, Pháp Trân, Pháp Như mà nói rằng: " Các ông chẳng phải giống như các người khác. Sau khi ta diệt độ rồi, các ông mỗi người sẽ ra làm thầy một phương. Nay ta dạy các ông khi ra thuyết pháp, chẳng nên làm sai lạc bốn tông. Trước hết phải cử ra ba khoa Pháp môn và ba mươi sáu pháp đối về sự động dụng. Khi ra, lúc ẩn, phải lia cả đôi bên, nói cả thầy các pháp mà chớ lia Bốn tánh của mình.

Thoạt có người hỏi các ông về Phật Pháp, thì các lời nói ra phải đi cặp nhau, đều phải dùng pháp đối, qua lại đối nhau, rốt cùng cả hai pháp đều bỏ hết, lại cũng không chấp chỗ bỏ ấy nữa.

Ba khoa pháp môn ấy là: Âm, Giới, Nhập.

Âm là năm Âm (vật che lấp bốn tánh-nd): Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức.

Giới là mười tám giới hạn:

Sáu trần (Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp)

Sáu căn (Mắt, Tai, Mũi, Lưỡi, Thân, Ý).

Sáu thức (Sự biết của Mắt, sự biết của Tai, sự biết của Mũi, sự biết của Lưỡi, sự biết của Thân, sự biết của Ý).

Nhập là mười hai chỗ ra vào: Ngoài có sáu trần, trong có sáu cửa.

Cái Tánh của mình có thể bao gồm muôn pháp, nên gọi là Hàm Tàng Thức. Nếu tánh khởi lo nghĩ, tức là tánh chuyển ra thức. Thức này lại sanh ra sáu Thức, sáu Thức chun ra Sáu Cửa, rồi thấy Sáu Trần. Thế thì, mười tám giới đều do tánh mình khởi dụng. Nếu tánh mình tà, thì khởi ra mười tám điều tà. Còn nếu tánh mình chánh, thì khởi ra mười tám điều chánh. Tánh mình ứng dụng theo điều dữ, tức là chỗ ứng dụng của chúng sanh. Còn tánh mình ứng dụng theo điều lành, tức là chỗ ứng dụng của Phật. Vậy chỗ khởi dụng do đâu mà có? Do nơi tánh mình vậy.

Những pháp đối là:

Năm pháp đối của loài vô tình ở cảnh ngoài:

1. Trời đối với Đất

2. Mặt Trời đối với Mặt Trăng

3. Sáng đối với Tối

4. Âm đối với Dương

5. Nước đối với Lửa.

Ấy là năm pháp đối.

Mười hai pháp đối của lời nói thuộc về pháp tướng:

1. Tiếng Nói đối với Pháp.

2. Có đối với Không.

3. Sắc Chất đối với Không Sắc Chất.

4. Tướng đối với Không Tướng.

5. Hữu Lộ đối với Vô Lộ.

6. Sắc đối với Không.

7. Động đối với Tĩnh.

8. Trong đối với Đục.

9. Phàm đối với Thánh.

10. Tăng đối với Tục.

11. Già đối với Trẻ

12. Lớn đối với Nhỏ

Ấy là mười hai pháp đối.

Mười chín pháp đối của tánh mình trong chỗ khởi dụng:

1. Hay đối với Dở
2. Tà đối với Chánh
3. Si đối với Huệ
4. Ngu đối với Trí
5. Loạn đối với Định
6. Từ(lành) đối với Độc(dữ)
7. Giới(răn) đối với Phi(lỗi)
8. Ngay đối với Vạy
9. Thật đối với Dối
10. Hiểm(ác) đối với Bình(đẳng)
11. Phiền não đối với Bò Đề
12. Thường đối với Không Thường
13. Thương đối với Hại
14. Mừng đối với Giận
15. Bó Thí đối với Bòn Sễn
16. Tới đối với Lui
17. Sanh đối với Diệt
18. Pháp Thân đối với Sắc Thân
19. Hóa Thân đối với Báo Thân

Ấy là mười chín pháp đối.

Sư lại nói rằng: "Ba mươi sáu pháp đối ấy, nếu hiểu mà dùng cho đúng đắn, thì nói cả thầy kinh pháp ra vào đều là cả hai bên.

Khi các tánh mình động dụng, nói chuyện với người, thì ngoài đối với tướng mà phải lia tướng, trong đối với không mà phải lia không. Nếu tánh mình toàn trước tướng tức là làm lớn thêm cái tà kiến. Bằng tánh mình toàn chấp không, tức là làm lớn thêm sự vô minh. Người chấp "không" thường có ý chê kinh, nói rằng chẳng dùng văn tự. Đã rằng chẳng dùng văn tự, lẽ thì họ chẳng nói ra lời mới phải, vì lời nói ra tức là cái tướng của văn tự. Lại nói Chánh Đạo chẳng lập văn tự, mà hai chữ "chẳng lập" đó cũng là văn tự! Hễ thấy người ta nói thì chê lời nói của người là chấp trước văn tự.

Các vị phải biết: Tự mình mê còn dung được, sao dám chê bai kinh Phật? Chẳng nên chê kinh mà phải bị tội chướng vô cùng.

Trước tướng bên ngoài mà lập ra phép tắc để cầu chơn đạo, hoặc mở rộng Đạo tràng, hoặc nói ra những điều làm lỗi về chỗ "có" chỗ "không", người như thế ấy, đầu tu mấy muôn kiếp, cũng không thể thấy tánh được. Phải nghe và y theo chánh pháp mà tu hành, lại cũng chẳng nên chẳng nghĩ đến mọi việc, mà làm cho bít ngãng cái đạo tánh. Nếu nghe pháp mà chẳng tu, ắt khiến người trở lại sanh tà niệm. Phải y theo pháp mà tu hành. Còn thí pháp thì đừng trụ vào tướng. Nếu các ông đều rõ, thì y theo đây mà ứng dụng, y theo đây mà hành động, y theo đây mà làm các việc, thì chẳng lạc bôn tông.

Nếu có người hỏi các ông về đạo nghĩa: Hỏi có thì đối không, hỏi không thì đối có, hỏi phàm thì đối thánh, hỏi thánh thì đối phàm, hai đường đối nhau thì sanh ra nghĩa trung đạo. Một câu hỏi, một câu đáp. Giai dư câu hỏi khác, cứ y theo đây mà thi hành, thì chẳng sai lý vậy. Giả như có người hỏi sao gọi là tối? Đáp: Sáng là cái nhơn, tối là cái duyên, sáng dứt thì tối. Lấy cái sáng mà chỉ rõ cái tối; Lấy cái tối mà chỉ rõ cái sáng, qua lại đối nhau thì thành cái nghĩa trung đạo. Mấy điều hỏi khác, tất cả đều y theo cách chỉ đó mà trả lời. Ngày sau các ông có di truyền pháp, cứ y theo pháp ấy mà truyền dạy nhau, chớ làm sai tông chỉ."

Thái Cực ngưng niên (Niên hiệu vua Đường Duệ Tông) cải lại là Diên Hòa, nhằm năm Nhâm Tý, tháng bảy, Đại Sư sai kẻ môn nhân qua Tân Châu, nơi chùa Quốc Ân Tự, mà xây một cái tháp và bảo thúc các người làm công phải xây cho rồi sớm. Cuối mùa hạ năm kế, làm lễ lạc thành.

Ngày mồng một tháng bảy, Sư nhóm các đồ chúng mà nói rằng: "Đến tháng tám, ta muốn lia bỏ thế gian; Các ông có điều nào nghi, phải hiệp nhau hỏi

cho sớm, ta sẽ phá nghi cho các ông hết mê muội. Sau ta tịch rồi, không có người chỉ dạy các ông."

Các môn đệ như ngài Pháp Hải nghe rồi, cả thầy đều khóc mù. Duy có Thần Hội, thần tình tự nhiên lại cũng không khóc.

Sư rằng: "Thần Hội Tiểu Sư đã chứng được bậc Thiện và chẳng Thiện đồng như nhau, chê khen không động, buồn vui chẳng sanh, còn giai dư các đồ đệ khác không đặng như vậy.

Ở trong núi mấy năm, các ông hành đạo gì? Nay các ông buồn khóc là vì lo cho ai? Nếu là lo cho ta không biết chỗ đi, thì ta đã tự biết chỗ đi. Nếu ta không biết chỗ đi, thì ta chẳng báo tin cho các ông hay trước. Các ông buồn khóc là vì chẳng biết chỗ ta đi. Nếu biết chỗ ta đi, thì chẳng nên buồn khóc. Cái Pháp Tánh vốn không sanh diệt, đi lại. Các ông hết thấy ngòi xuống, ta nói cho các ông một bài kệ gọi là Chơn Giả Động Tĩnh Kệ. Các ông hãy tụng bài kệ này, thì được đồng một tâm ý với ta. Y theo bài kệ ấy mà tu hành thì chẳng sai tông chỉ.

Chúng tăng làm lễ, xin Sư làm kệ:

Chơn Giả Động Tĩnh Kệ (bài dịch của HT Từ Quang)

Tất cả không có chơn

Đừng nghĩ thấy cái chơn

Nếu thấy có cái chơn

Cái "thấy" ấy không phải chơn

Nếu tự mình có chơn

Lìa giả là tâm chơn

Tâm mình chẳng lìa giả

Không chơn, chỗ nào chơn

Hữu tình tức biết động

Vô tình tức chẳng động
Nếu tu hạnh chẳng động
Đồng với vô tình chẳng động
Nếu tìm chơn chẳng động
Trong động, có "chẳng động"
Chẳng động là "chẳng động"
Không tình, không "Phật chủng"
Nhận-định tương phân biệt
Nghĩa thứ nhất chẳng động
Dùng chánh kiến như vậy
Tức là Chơn Như Dụng
Tỏ cùng người học đạo
Gắng công và dụng ý
Đừng ở cửa Đại Thừa
Lại chấp trí sanh tử
Nếu lời nói tương ứng
Thì nghĩa Phật chung bàn
Nếu thiệt chẳng tương ứng
Chấp tay, khiến vui mừng
Tông chỉ, gốc không tranh
Tranh làm mất Đạo ý

Cổ tranh-chấp lý Đạo

Tự tánh vào sanh tử

Khi nghe kệ rồi, các đồ chúng đều làm lễ. Cả thầy đều thể theo bỗn ý của Đại Sư, mỗi người kèm tâm, y pháp tu hành, lại chẳng dám tranh luận nữa.

Biết rằng Đại Sư chẳng còn ở lâu tại thế, thầy Thượng Tọa Pháp Hải lại làm lễ mà hỏi rằng: "Sau khi Hòa Thượng nhập diệt rồi, y pháp phải truyền cho ai?"

Sư nói: "Các lời ta thuyết pháp từ lúc ở chùa Đại Phạm đến ngày nay đều phải biên chép lại mà lưu hành, và phải nhận đề là Pháp Bửu Đàn Kinh. Các ông hãy giữ gìn, thay thế nhau mà truyền thọ để độ chúng sanh. Hãy y theo lời kinh này mà nói, ấy gọi là Chánh Pháp.

Nay ta nói pháp cho các ông mà chẳng giao cái áo Cà-sa là bởi cái tín căn của các ông đã thuần thực, chắc chắn không nghi, có thể nhận kham việc lớn. Lại cứ như ý bài kệ của tiên Tổ Đạt Ma Đại Sư để lại, thì cái áo cà-sa chẳng nên truyền.

Kệ rằng: (Đạt Ma Tổ Sư Kệ)

Vốn Ta đến cõi này

Truyền pháp cứu mê tình

Một bông, nở năm cánh

Kết trái được sum-sê

Sư lại nói rằng: "Chư Thiện Tri Thức, các ông mỗi người phải tịnh tâm mà nghe ta nói pháp.

Muốn thành tựu cả thầy giống trí Phật, thì phải đạt đến cảnh: Một Tướng Chánh Định, Một Hạnh Chánh Định.

Đối với cả thầy các nơi mà tâm chẳng trụ vào các tướng. Trong các tướng ấy chẳng sanh lòng ghét yêu, cũng không chấp bỏ, chẳng tưởng đến việc lợi

hại nên hư, một mực an nhàn điềm tịnh, hư dung đạm bạc, ấy là pháp Một Tướng Chánh Định.

Đôi với cả thấy các nơi, đi đứng ngồi nằm, phải ròng giữ một lòng ngay thật, chẳng động đạo tràng, phải thiệt lòng tịnh độ. Ấy gọi là pháp Một Hạnh Chánh Định.

Nếu người nào có đủ hai pháp Chánh Định ấy, thì cũng như đất có hạt giống, ngâm chứa chầm nuôi cho hạt giống ấy lớn lon tới kỳ trái chín. Một Tướng Chánh Định, Một Hạnh Chánh Định cũng giống như thế.

Nay ta nói pháp cũng như trời mưa thấm ướt khắp cả mặt đất. Phật tánh của các ông tĩ như các hạt giống gặp đám mưa pháp này, thì cả thấy đều thấm ướt và phát sanh. Người nào vâng theo tông chỉ của ta, chắc đặng đạo Bồ Đề; Y theo chỗ làm của ta, ắt chứng diệu quả. Hãy nghe ta kệ:

Tâm Địa gồm bao các giống lành

Mưa chan khắp thấm mọng đều sanh.

Hoa tình Bốn Tánh mình liền hiểu

Trái quý Bồ Đề tự kết thành.

Sư nói kệ rồi tiếp rằng: "Pháp vốn không hai, tâm mình cũng vậy. Đạo là trong lặng, không có các tướng. Các ông hãy cẩn thận, chớ đắm vào cảnh không và xem cảnh tịnh. Tâm vốn trong sạch, chẳng có gì mà chấp hay bỏ được. Mỗi người tự gắng sức và tùy duyên mà ứng động. Thôi hãy lui ra.

Khi ấy đồ chúng làm lễ mà lui ra

Ngày mồng tám, tháng bảy, thành linh Đại Sư gọi các môn nhơn mà dạy rằng: "Ta muốn về Tân Châu, các ông mau sửa soạn chiếc ghe."

Đại chúng buồn thảm và gắng sức cầm ngai ở lại.

Sư nói: "Chư Phật ra đời, rồi cũng vào Niết Bàn. Có lại ắt có đi, lẽ ấy cũng là thường vậy. Cái hình hài của ta đây đi về chỗ đã định."

Chúng nhơn bạch rằng: "Từ đây Sư đi, sớm muộn xin Sư cũng trở về."

Sư nói: "Lá rụng thì về cội. Trở về thì không ngày."

Chúng nhơn lại hỏi: "Cái Chánh Pháp Nhãn Tàng sẽ truyền trao lại cho người nào?"

Sư nói: "Hữu Đạo thì đặng, Vô Tâm thì không."

Chúng lại hỏi: "Ngày sau có tai có nạn chi chăng?"

Sư nói: "Sau khi ta tịch diệt, năm sáu năm, sẽ có một người đến lấy đầu ta. Hãy nghe lời ta thọ ký:

Trên đầu dưỡng thân

Trong miệng cần ăn

Gặp nạn tên Mãn

Dương Liễu làm quan."

Sư lại nói: "Ta tịch rồi, bảy mươi năm, sẽ có hai vị Bồ Tát từ Đông Phương đến, một vị xuất gia, một vị tại gia, đồng thời hưng hóa, kiến lập tông phái của ta và tạo tu Phật tự. Chính là hai vị Pháp Tự xương minh chánh giáo vậy."

Chúng nhơn lại hỏi rằng: "Chẳng biết từ trên Phật Tổ ứng hiện tới nay, đã truyền thọ được mấy đời? Xin Tổ Sư chỉ dạy."

Sư nói: "Cổ Phật đã ra đời được vô số, không thể kể hết được. Nay kể bảy vị Phật làm đầu mà thôi.

Đời quá khứ Trang Nghiêm Kiếp có:

1. Tì Bà Thi Phật
2. Thi Khí Phật
3. Tì Xá Phù Phật

Đời Kim Hiền Kiếp có:

1. Câu Lưu Tôn Phật
2. Câu Na Hàm Mâu Ni Phật
3. Ca Diếp Phật
4. Thích Ca Mâu Ni Phật

Ấy là bảy vị Phật.

Trước hết, Thích Ca Mâu Ni Phật truyền cho Ma Ha Ca Diếp Tôn Giả, Tổ thứ nhất:

1. Ma Ha Ca Diếp Tôn Giả
2. A-Nan-Đà Tôn Giả
3. Thương Na Hòa Tu Tôn Giả
4. Ưu-Bà-Cúc-Đa Tôn Giả
5. Đề Đa Ca Tôn Giả
6. Di Già Ca Tôn Giả
7. Bà Tu Mật Đa Tôn Giả
8. Phật Đà Nan Đề Tôn Giả
9. Phục Đà Mật Đa Tôn Giả
10. Hiếp Tôn Giả
11. Phú Na Dạ Xa Tôn Giả
12. Mã Minh Đại Sĩ
13. Ca Tì Ma La Tôn Giả
14. Long Thọ Đại Sĩ

15. Ca Na Đề Bà Tôn Giả
16. La Hầu La Đa Tôn Giả
17. Tăng Già Nan Đề Tôn Giả
18. Già Da Xá Đa Tôn Giả
19. Cưu Ma La Đa Tôn Giả
20. Đồ Dạ Đa Tôn Giả
21. Bà Tu Bán Đầu Tôn Giả
22. Ma Nã La Tôn Giả
23. Hạt Lạc Na Tôn Giả
24. Sư Tử Tôn Giả
25. Bà Xá Tư Đa Tôn Giả
26. Bất Như Mật Đa Tôn Giả
27. Bát Nhã Đa La Tôn Giả
28. Bồ Đề Đạt Ma Tôn Giả
29. Huệ Khả Đại Sư
30. Tăng Xán Đại Sư
31. Đạo Tín Đại Sư
32. Hoằng Nhẫn Đại Sư
33. Huệ Năng Đại Sư

Huệ Năng này là Tổ thứ 33. Từ trên, các vị Tổ mỗi vị đều có vâng mạng truyền kế nhau. Ngày sau, các ông phải thay thế nhau mà lưu truyền, đừng làm trái nghịch và sai lầm.

Niên Hiệu Tiên Thiên (Vua Đường Huyền Tông) thứ hai, nhằm năm Quý Sửu, tháng tám, ngày mồng ba, tại chùa Quốc Ân, sau khi thọ trai rồi, Đại Sư bèn kêu đồ chúng mà bảo rằng: "Các vị hãy theo ngôi thứ mà ngồi, ta sắp từ biệt các vị."

Pháp Hải bạch rằng: "Hòa Thượng để lại giáo pháp gì, khiến cho những người mê muội đời sau đặng thấy Phật tánh?"

Sư nói: "Các ông hãy chú tâm nghe cho rõ. Những người mê muội đời sau nếu biết cái tâm chúng sanh, tức là biết Phật tánh. Bằng chẳng biết cái tâm chúng sanh, thì muôn kiếp tìm Phật ắt khó gặp. Nay ta dạy các ông phải biết chúng sanh ở tâm mình. Muốn cầu thấy Phật thì phải biết cái tâm chúng sanh. Chỉ vì cái tâm chúng sanh làm mê muội tánh Phật, chớ chẳng phải tánh Phật làm mê muội tâm chúng sanh. Nếu mình giác ngộ, thì chúng sanh tức là Phật. Bằng tánh mình mê muội, thì Phật là chúng sanh. Tánh mình bình đẳng thì chúng sanh tức là Phật. Tánh mình tà hiểm, thì Phật là chúng sanh. Nếu tâm của các ông hiểm khúc, thì tức là Phật ở trong chúng sanh. Một niệm bình đẳng, ngay thật, tức là chúng sanh thành Phật. Tâm ta tự có Phật, Phật ở tâm mình, mới thiệt là chơn Phật. Nếu mình không có tâm Phật, thì tìm chơn Phật ở nơi nào? Cái tự tâm của các ông là Phật, chớ khá hồ nghi !

Thiệt sự thì ngoài cái tâm, không có một vật gì tạo ra được, vậy mà chính cái Bản tâm sanh ra muôn giống pháp vậy. Cho nên Kinh nói: "Tâm sanh thì muôn giống pháp đều sanh. Tâm diệt thì muôn giống pháp đều diệt."

Nay ta để lại một bài kệ đặng từ biệt các ông. Bài kệ này gọi là: Tự Tánh Chơn Phật Kệ. Bài kệ nói về chơn Phật ở nơi tánh mình. Người đời sau biết được cái ý chỉ của bài kệ này, thì tự mình thấy Bản Tâm, tự mình thành Phật đạo.

Tự Tánh Chơn Phật Kệ (Bản dịch của HT Từ Quang)

Tự Tánh Chơn Như là Chơn Phật

Tà Kiến Tam Độc là Ma Vương

Lúc tà mê thì ma choán chỗ
Khi chánh kiến thì Phật tại tâm
Trong tánh thấy tà, ba độc sanh
Tức là ma vương đến trụ xá
Chánh kiến trừ tuyệt ba lòng độc
Ma chuyển làm Phật, thiệt không giả
Pháp thân, Báo Thân, với Hóa Thân
Tuy ba thân vón thiệt một thân
Nếu tự tánh mình năng tự thấy
Tức là thành Phật Bồ Đề nhân
Bởi có Hóa Thân nương tánh tịnh
Tánh tịnh hằng ở trong Hóa Thân
Tánh khiến Hóa Thân hành đạo chánh
Về sau viên mãn chân vô tận
Tánh dâm vốn là nhân tánh tịnh
Đoạn dâm thì thành Tịnh-Tánh Thân
Trong tánh ly khai cả năm dục
Giây phút thấy tánh tức là chơn
Đời nay ngộ được môn Đốn Giáo
Tỏ ngay tự tánh, thấy Thế Tôn
Nếu muốn tu hành cầu làm Phật

Biết đâu là chỗ để tầm chơn

Như trong tâm tự thấy chơn được

Chơn ấy tức là nhân thành Phật

Không thấy tự tánh, cầu Phật khác

Khởi lòng như vậy, là người mê lớn

Pháp môn Đốn Giáo nay truyền lại

Cứu độ người thế, phải tự tu

Khuyên người học đạo ở hậu thế

Không theo chánh kiến, luống boi voi.

Đại Sư nói kệ rồi, bảo rằng: "Các ông hãy ở lại, sau khi ta diệt độ, chẳng nên theo thế tình mà buồn khóc ừ ê, hoặc thọ sự điều vắn của người, hoặc mình mặc hiếu phục. Nếu trái lời ta mà làm như thế, thì các ông chẳng phải là đệ tử của ta, vì đó chẳng phải là chánh pháp. Người biết Bản Tâm và thấy Bản Tánh mình thì tánh không động không tịnh, không sanh không diệt, không đi không lại, không phải không quấy, không ở chỗ nào, cũng không dời đổi. Ta sợ e các ông còn mê muội, không hiểu ý ta, nên nay ta dặn lại các ông, đừng cho các ông thấy tánh. Sau khi ta diệt độ, phải y theo pháp ấy mà tu hành, như lúc ta còn ở tại thế. Nếu làm trái lời ta dạy, dầu ta ở tại thế cũng không ích gì."

Sư lại nói kệ rằng:

Thản nhiên, chẳng gây lành

Dững mãnh, chẳng tạo dữ

Vắng lặng, dứt thấy nghe

Bao la, lòng vô trụ

Tổ thuyết xong, ngồi kiết già đến canh ba, thoát nhiên bảo môn nhơn: "Ta đi." Nói rồi, ngồi im lặng tịch diệt. Khi ấy, mùi thơm lạ bay phưởng phất

khắp chùa, móng bạc chiếu đất, rừng cây biến màu trắng, cầm thú kêu giọng bi ai.

Qua tháng mười một năm ấy, các quan liêu ở trong ba quận Quảng Châu, Thiệu Châu, Tân Châu, cùng các môn nhơn, chư Tăng, và cư sĩ, giành nhau rước chơn thân của Tổ.

Trong lúc phân vân, chưa quyết định đưa linh cửu về đâu, đại chúng đồng ý niệm hương khấn vái: "Hễ khói nhang bay về xứ nào, thì sư sẽ về xứ ấy." Lúc ấy, khói nhang bay thẳng về Tào Khê.

Ngày mười ba, tháng mười một, trong năm ấy, đời Thần Khám (Cái tháp bằng cây để ngôi thiên định-nd) của Đại Sư và đồ y bát của Tổ về xứ Tào Khê.

Qua năm kế, ngày hai mươi lăm, tháng bảy, mở Thần Khám ra, Phương Biện dâng cúng keo thơm, các môn nhơn vì lời sấm "Thủ thủ", lấy một miếng thiếc bao vải dầu quấn vào cổ hầu tránh nạn trộm thủ cấp, rồi đưa chơn thân vào tháp, bỗng nhiên thấy trong tháp có một lần hào quang trắng xuất hiện, chiếu thẳng lên trời, trọn ba ngày mới tan.

Quan Thứ Sử Thiệu Châu làm biểu tâu vua và khi được sắc lệnh của vua, vâng làm một tấm bia ghi đạo hạnh của Tổ như vậy: "Tổ Sư niên kỷ bảy mươi sáu tuổi, hồi hai mươi bốn tuổi được truyền y, ba mươi chín tuổi xuống tóc, thuyết pháp độ sanh ba mươi bảy năm, các vị đặng tông chỉ, vâng thọ giáo pháp, tiếp tục lưu truyền, được bốn mươi ba người, còn những người tỏ chánh đạo, thoát tục siêu phàm, không biết bao nhiêu mà kê khai."

Tín y của Sơ Tổ Đạt Ma truyền lại làm bằng bố Khuất Uyển ở xứ Tây Thiên, y Ma-nạp và bửu bát của vua Trung Tôn ân tứ, chơn tượng của Tổ do Phương Biện đắp, với những đạo khí đều giao cho người chủ trì bửu tháp gìn giữ, để an trấn vĩnh viễn tại đạo tràng Bửu Lâm. Quyển Pháp Bảo Đàn Kinh được lưu truyền phổ biến để làm sáng tỏ Tông chỉ của Tổ, giúp ngôi Tam Bảo được thịnh vượng và tất cả chúng sanh đồng lợi lạc.

Sau khi chơn thân của Tổ an vị tại Bửu Tháp, vào niên hiệu Khai Nguyên thứ mười, năm Nhâm Tuất, ngày mùng ba tháng tám, giữa đêm, bỗng nhiên nghe trong tháp có tiếng kéo dây sắt. Chư Tăng hoảng hốt thức dậy, thì thấy có một người mặc áo tang bịt khăn chế từ trong chạy ra. Chư Tăng xem xét lại thì thấy có dấu cắt ở cổ của Tổ, mới biết người mặc tang phục vừa chạy thoát là kẻ trộm. Chư Tăng làm điệp thuật rõ tự sự trình Huyện và Châu.

Quan Huyện Linh là Dương Kháng và Quan Thứ Sử Thiều Châu là Liễu Vô Thiêm tiếp nhận điệp của chư Tăng, tức tốc đến Bửu Tháp điều tra và tập nã thủ phạm. Qua ngày mừng năm, quan Huyện bắt được kẻ trộm ở làng Thạch Giác, dẫn về Thiều Châu. Kẻ trộm khai rằng: "Nguyên tánh danh là Trương Tịnh Mãn, ở Lương Huyện, Nhữ Châu, thọ lãnh một số tiền mười hai mươi ngàn quan của Tăng nhân Kim Đại Bi, quê quán ở Tân La, trụ trì chùa Khai Nguyên, Hồng Châu, bảo lén lấy đầu của Đức Lục Tổ đem về Hải Đông để cúng dường."

Liễu Thái Thú nghe qua mấy lời cung trạng như vậy, chưa vội định tội, bèn đến Tào Khê, hỏi vị Thượng túc, đệ tử của Tổ là Linh Thao Đại Sư: "Bạch Thầy, Thầy muốn buộc tội cách nào?"

Đại Sư Linh Thao đáp: "Nếu lấy phép nước mà xử, thì tội tên Mãn đáng tru di. Tuy nhiên, lấy lượng Đại Từ Đại Bi của Đạo Phật thì kẻ thù người thân vốn bình đẳng, vả chăng, việc trộm thủ cấp này nhằm mục đích cúng dường cầu phước; Ấu cũng là việc làm lạc đáng tha thứ."

Liễu Thái Thú nghe qua lời nói khoan dung nhân hậu của Đại Sư Linh Thao, khen ngợi: "Thế mới biết cửa Phật từ bi rộng lớn bao la vô tận!" Vì vậy, Liễu Thái Thú tha bổng tên Mãn.

Niên hiệu Thượng Nguyên thứ nhất, vua Túc Tông sai sứ quân đến Bôn tự, xin thỉnh y bát của Tổ đem vào hoàng cung để cúng dường trong một thời gian.

Đến niên hiệu Vĩnh Thái thứ nhất, ngày mừng năm tháng năm, vua Đại Tông chiêm bao thấy Đức Lục Tổ đến đòi y bát. Ngày mừng bảy, vua ban sắc lệnh cho quan Thứ Sử là Dương Giám rằng: "Trẫm chiêm bao thấy Đức Huệ Năng Thiền Sư bảo đem y bát của Tổ trở về Tào Khê, nay Trẫm đề cử quan Trần Quốc Đại Tướng Quân là Lưu Sùng Cảnh cung kính đưa y bát về. Trẫm tôn trọng quốc bảo. Vậy Khanh hãy đến Bôn tự đúng theo phép tắc mà an vị, rồi yêu cầu chư tăng nào vâng thọ tông chỉ của Tổ, phải cẩn thận gìn giữ, chớ để lạc mất."

Về sau, y-bát của Tổ thường bị trộm đem đi xa, nhưng tìm lại được, đã bốn lần như thế.

Hoàng Đế Hiến Tông kính tặng Tổ đức hiệu: "Đại Giám Thiền Sư" và Bửu tháp hiệu: "Nguyên Hòa Linh Chiếu."

Ngoài sự tích kể trên, còn có nhiều sự tích khác của Đức Lục Tổ Huệ Năng được khắc vào các tấm bia của Thượng Thơ Vương Duy, Thứ Sử Liễu Tông Nguyên và Thứ Sử Lưu Võ Tích ở đời Đường. Sa Môn Linh Thao, lãnh sứ mạng thủ hộ Bửu tháp của Tổ, có công chép lại các sự tích.

Đến thời Mao Trạch Đông, thời kỳ Cách Mạng Văn Hóa (1966 – 1976), nhục thân của Đức Lục Tổ gặp nạn. Hồng Vệ Binh lên chùa, dùng báng súng đập nát chôn thân Ngài. Sau khi bọn chúng rút đi, các Tăng thu thập lại xương cốt và những phần da còn lại của ngài, chấp nối, (nhất là phần đầu) rồi sơn phết lại. (Cư sĩ Thiện Quang phụ chú – Tháng 12 ngày 18 năm 2002 tây lịch)

Hết